



- Lưu ý**
- Yêu cầu người lắp đặt hay nhà thầu có kinh nghiệm để lắp đặt sản phẩm. Không nên lắp đặt mà không có hướng dẫn của nhà sản xuất. Lắp đặt bất cẩn sẽ gây rò rỉ môi chất hay nước, chập điện, cháy nổ...
  - Sử dụng các phụ tùng, linh kiện được cung cấp hoặc chỉ định bởi Daikin. Yêu cầu đơn vị lắp đặt hoặc nhà thầu có chuyên môn lắp đặt những phụ tùng, linh kiện này. Sử dụng các phụ tùng, linh kiện trái phép hoặc lắp không đúng có thể gây rò rỉ nước hay môi chất lạnh, chập điện, cháy nổ.
  - Đọc kỹ Hướng dẫn sử dụng trước khi dùng sản phẩm. Tài liệu hướng dẫn cung cấp các chỉ dẫn quan trọng về an toàn cũng như cảnh báo các vấn đề cần lưu ý khi sử dụng. Đảm bảo tuân thủ các hướng dẫn và cảnh báo này.
- Mọi thắc mắc, vui lòng liên hệ với nhà nhập khẩu ủy quyền, nhà phân phối hoặc các cửa hàng bán lẻ tại địa phương

**Lưu ý về ăn mòn sản phẩm:**

- Máy điều hòa không khí không nên lắp đặt ở khu vực có chất ăn mòn như axit, kiềm.
- Trường hợp dàn nóng được lắp đặt gần bờ biển, tránh đặt trực tiếp theo hướng gió biển. Vui lòng liên hệ với nhà cung cấp tại địa phương để được tư vấn khi gặp trường hợp này.

VRV là thương hiệu của công ty Daikin.  
 Hệ thống điều hòa không khí VRV là hệ thống điều hòa không khí trung tâm đầu tiên trên thế giới với hệ thống điều khiển dòng môi chất lạnh và được thương mại hóa bởi Daikin vào năm 1982.  
 VRV là thương hiệu của công ty Daikin có nguồn gốc từ công nghệ mà chúng tôi gọi là "điều hòa không khí trung tâm điều chỉnh lưu lượng môi chất lạnh".



**CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH SAO VÀNG**

**T:** 08 3512 2727 | Mr.Hưng: 0978 829 829

**E:** info@savame.com

**W:** www.savame.com

**A:** 167/75 D2, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM

**Đại lý phân phối**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAIKIN AIR CONDITIONING (VIETNAM)**

**VĂN PHÒNG CHÍNH**  
 Tầng 12, tòa nhà Nam Á, 201-203 Cách Mạng Tháng 8, P.4, Q.3, TP. Hồ Chí Minh, Tel: (028) 62 504 888

**CHI NHÁNH HÀ NỘI**  
 Tầng 12, tòa nhà Ocean Park Tower,  
 1 Đào Duy Anh, Q. Đống Đa, Hà Nội  
 Tel: (024) 3565 7677

**CHI NHÁNH CẦN THƠ**  
 37-38 Võ Nguyên Giáp, Khu dân cư Phú An,  
 P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ  
 Tel: (0292) 626 9977

**CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**  
 Số 7 lô 8A đường Lê Hồng Phong,  
 P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng  
 Tel: (0225) 383 2900

**CHI NHÁNH KHÁNH HÒA**  
 1200 Lê Hồng Phong, P. Phước Long,  
 TP. Nha Trang  
 Tel: (0258) 625 8158

**CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**  
 Tầng 12, tòa nhà PVcomBank, Lô A2.1, Đường 30/4,  
 P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng  
 Tel: (0236) 362 4250



DaikinVietnam www.daikin.com.vn

DAIKIN



VN PCVMT1743

VRV A SERIES Một chiều lạnh 50 Hz



**VRV**  
**A SERIES**

Một chiều lạnh

**R-410A**



# Vượt Qua Mọi Giới Hạn Với Sự Sáng Tạo Trong Tiết Kiệm Năng Lượng



Mới

**VRV**  
A SERIES



Video giới thiệu

Được ra mắt lần đầu tiên tại Nhật vào năm 1982, hệ thống **VRV** của Daikin đã được thị trường thế giới chấp nhận trong hơn 35 năm qua. Bây giờ, Daikin tự hào giới thiệu dòng sản phẩm mới **VRV A**. Bằng cách kết hợp các công nghệ **VRV**, **VRT** và **VAV**, chúng tôi đã đạt được cả hai tiêu chí về tiết kiệm năng lượng và điều hòa không khí một cách tối ưu.

## VRV+VRT+VAV

## Nội dung

<b>Tính năng chính</b>		<b>3</b>
Tiết kiệm không gian và mang lại hiệu quả cao	3	
Hiệu suất vận hành vượt trội	7	
Thiết kế hệ thống linh hoạt	9	
Hệ thống ổn định và đánh tin cậy	11	
<b>Dãy dàn nóng</b>		<b>13</b>
Tổ hợp nhiều dàn nóng	14	
Thông số kỹ thuật dàn nóng	15	
<b>Dãy dàn lạnh</b>		<b>17</b>
Dàn lạnh <b>VRV</b>	21	
Dàn lạnh dân dụng	50	
Hệ thống <b>VRV-AHU</b>	55	
<b>Thiết bị xử lý không khí</b>		<b>56</b>
<b>Hệ thống điều khiển</b>		<b>71</b>
<b>Danh sách thiết bị tùy chọn</b>		<b>85</b>

### Tiết kiệm năng lượng

Kết hợp các công nghệ **VRV**, **VRT** và **VAV**

### Tính năng nạp môi chất lạnh tự động

- Hiệu suất vận hành tối ưu
- Chất lượng lắp đặt cao
- Lắp đặt dễ dàng

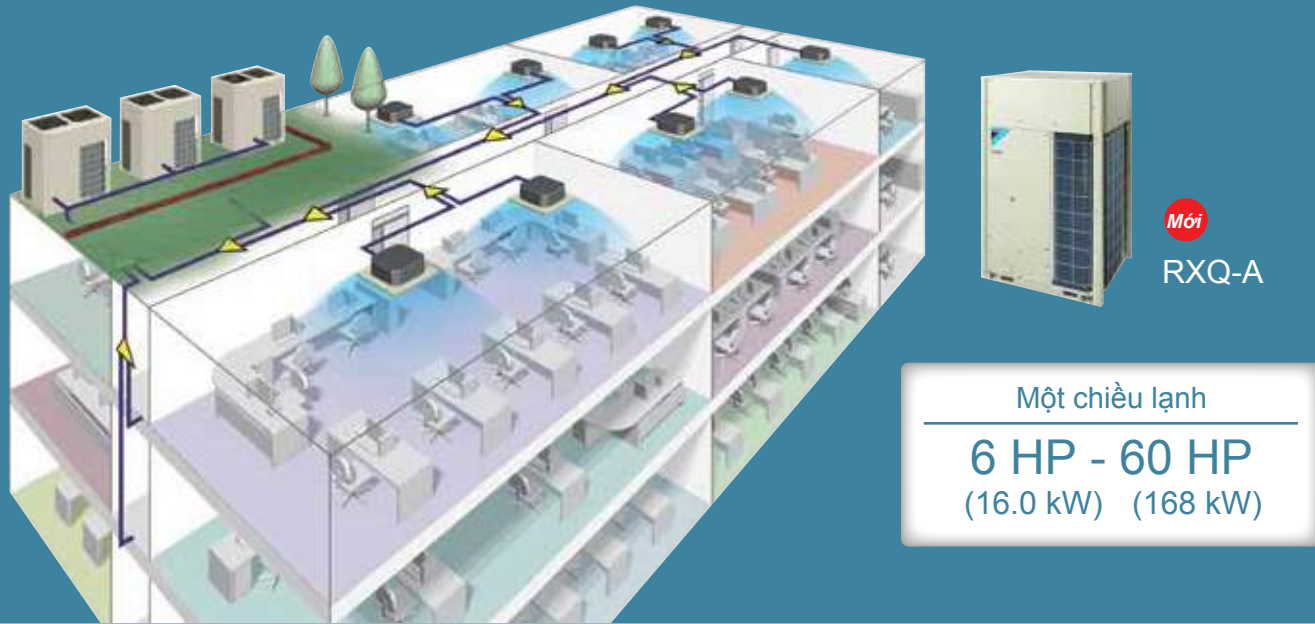
### Độ bền cao

- Bo mạch Inverter mới
- Vận hành dự phòng kép
- Làm mát bo mạch bằng môi chất lạnh

\* **VRV** là thương hiệu của công ty Daikin.



# Tiết kiệm không gian và mang lại hiệu quả cao



Một chiều lạnh  
6 HP - 60 HP  
(16.0 kW) (168 kW)

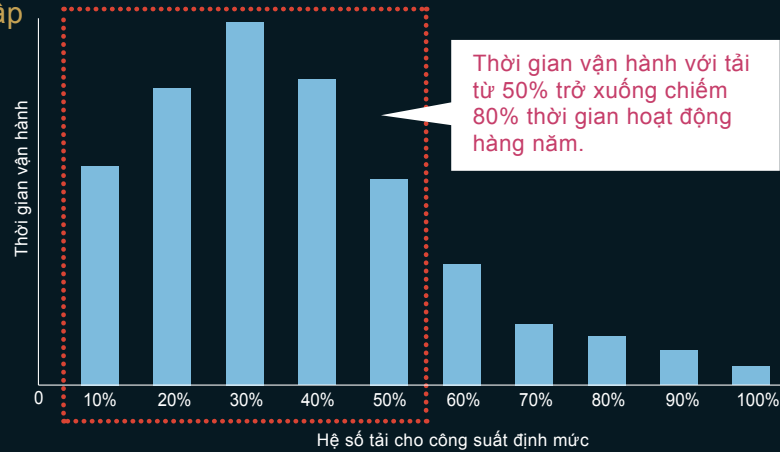
## Tiết kiệm năng lượng tối ưu khi vận hành tải thấp

Chiếc chìa khóa để đạt được độ hiệu quả cao nhất trong tiết kiệm năng lượng chính là khi vận hành ở tải thấp

Với dữ liệu thu được từ vận hành thực tế, Daikin đã hiểu ra rằng hệ thống điều hòa không khí hoạt động ở mức tải từ 50% trở xuống trong khoảng 80% thời gian hoạt động của nó.

Điều này đã gợi ý cho chúng tôi cần phải phát triển các công nghệ mới để nâng cao hiệu suất năng lượng trong khi tải trọng thấp. Chính vì thế, dòng máy VRV A mới của Daikin ra đời giúp nâng cao tiêu chuẩn về hiệu suất năng lượng.

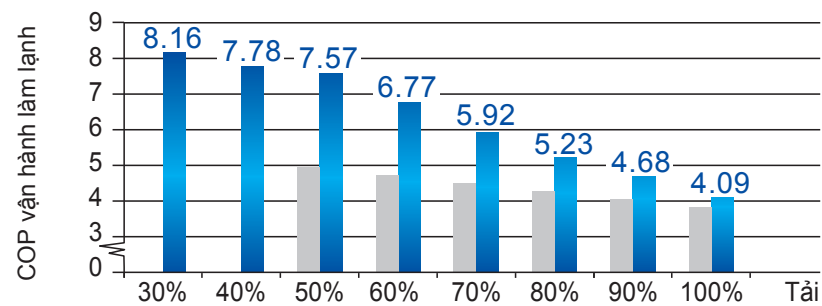
Sự tương quan giữa hệ số tải cho công suất định mức và thời gian vận hành (tại các tòa nhà văn phòng ở Singapore)  
\* Theo một cuộc khảo sát của Daikin (dựa trên dữ liệu hệ thống dịch vụ mạng điều hòa không khí)



Thời gian vận hành với tải từ 50% trở xuống chiếm 80% thời gian hoạt động hàng năm.

## Hiệu suất năng lượng cao hơn (COP)

COP đối với 10 HP



Tiêu thụ điện năng hàng năm thấp hơn 14%\*

\* Điều kiện thực nghiệm:  
• Địa điểm: Bangkok, Thái Lan  
• Hệ thống: Dàn nóng (10 HP) x 1 dàn lạnh (2 HP, đa hướng thổi có cảm biến) x 5  
• Thời gian hoạt động: 8:00-20:00 5 ngày / tuần  
• Dàn nóng:  
Model mới: RXQ10AYM (VRV A)  
Model cũ: RXQ10TY1 (VRV IV)

VRV IV (RXQ10T)  
VRV A SERIES

\*Điều kiện vận hành làm lạnh: Nhiệt độ bên trong 27°CDB, 10°CWB và nhiệt độ ngoài trời 35°CDB.

## Công nghệ tiên tiến cho hiệu suất tiết kiệm năng lượng tối ưu VRV+VRT+VAV

Bằng cách kết hợp các công nghệ phần mềm và phần cứng tiên tiến để tiết kiệm năng lượng trong quá trình vận hành thực tế đặt biệt khi sử dụng các công nghệ của VRV, VRT và VAV, chúng tôi đã đạt được cả hai tiêu chí tiết kiệm năng lượng và điều hòa không khí một cách tối ưu.

Điều khiển Smart VRT (Hệ thống làm lạnh tiết kiệm năng lượng hoàn toàn tự động)

Công nghệ phần mềm

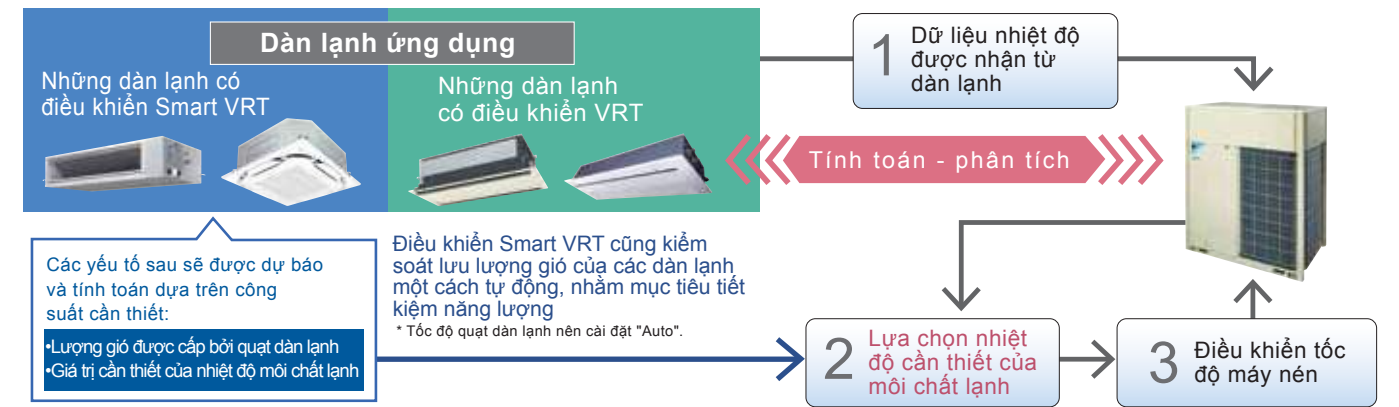
Tối ưu trong việc chỉ cung cấp cho những dàn lạnh cần thiết

Daikin đã phát triển tính năng điều khiển Smart VRT bằng cách kết hợp kiểm soát lưu lượng gió (VAV: Lưu lượng gió hiệu quả) cho các dàn lạnh có điều khiển Smart VRT, cũng như tối ưu hóa tốc độ của máy nén bằng cách tính toán tải cần thiết cho toàn bộ hệ thống và nhiệt độ môi chất lạnh đạt mức tối ưu dựa trên dữ liệu nhận được từ các dàn lạnh. Kết hợp với điều khiển lưu lượng gió sẽ làm giảm tải cho máy nén và giảm thiểu những tổn thất vận hành dựa trên sự kiểm soát chặt chẽ. Tính năng Smart VRT đảm bảo tiết kiệm năng lượng hiệu quả và điều hòa không khí thoải mái để đáp ứng các điều kiện vận hành thực tế.

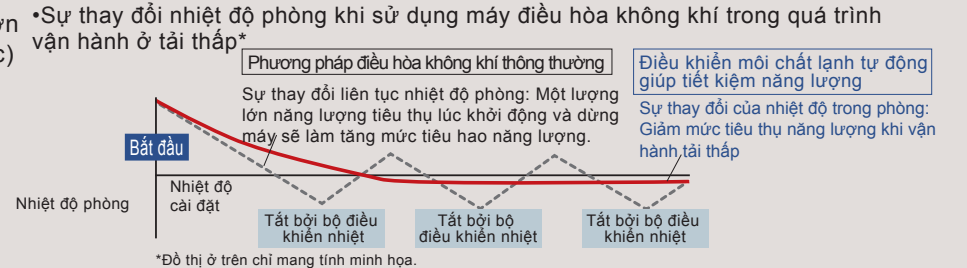


• Tổng quan về điều khiển (kiểm soát lưu lượng trong hệ thống)

Điều khiển môi chất lạnh hoàn toàn tự động để tiết kiệm năng lượng được áp dụng cho các dàn lạnh đã kết nối.



Quá trình điều khiển ổn định hơn (giữ máy nén hoạt động liên tục) giúp tiết kiệm năng lượng và đảm bảo sự thoải mái khi hoạt động ở mức tải thấp.



Ghi chú:  
• Để phân loại các dàn lạnh điều khiển Smart VRT và điều khiển VRT, vui lòng tham khảo trang 17-18  
• Nếu một hệ thống có cả dàn lạnh điều khiển Smart VRT và dàn lạnh điều khiển VRT, hệ thống được vận hành theo điều khiển VRT  
• Nếu một hệ thống có thiết bị xử lý không khí ngoài trời và các loại dàn lạnh xử lý không khí ngoài trời, thì điều khiển Smart VRT và điều khiển VRT bị vô hiệu hóa

## Sử dụng tối ưu điều khiển Smart VRT và điều khiển VRT

Hiệu quả có thể được chứng minh cho điều khiển Smart VRT và điều khiển VRT khi tất cả các dàn lạnh hoạt động dưới điều kiện tải thấp. Điều kiện tải thấp là thời điểm nhiệt độ phòng đạt tới nhiệt độ cài đặt. Vì lý do này, xin lưu ý những điều sau đây để tối đa hóa hiệu quả.

- Khi lựa chọn dàn lạnh  
Các dàn lạnh được lắp đặt cùng hệ thống để nó có thể vận hành trong cùng một điều kiện. Hiệu suất năng lượng giảm xuống đối với các kiểu lắp đặt như phía dưới.  
Ví dụ:  
1) Sự mất cân bằng tải xảy ra do một dàn lạnh trong cùng hệ thống được lắp gần tường phòng hoặc gần cửa ra vào.  
2) Giờ hoạt động khác nhau cho các dàn lạnh.
- Thời gian sử dụng  
1. Hiệu suất năng lượng giảm khi nhiệt độ cài đặt của một dàn lạnh đã được giảm xuống quá mức trong quá trình làm lạnh.  
2. Cài đặt tốc độ gió được chọn ở chế độ "Tự động" trong suốt quá trình điều khiển bằng Smart VRT

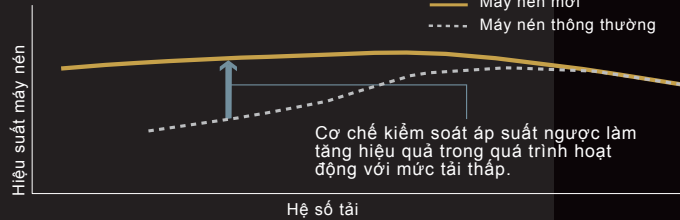
## Máy Nén Xoắn Ốc (Scroll) Mới\*

Công nghệ phần cứng

### Sự rò rỉ môi chất lạnh được giảm tối thiểu trong quá trình hoạt động khi tải thấp

Sự tổn thất công suất hoạt động do rò rỉ môi chất lạnh được giảm thiểu do cơ chế kiểm soát áp suất ngược độc quyền nhằm đảm bảo vận hành hiệu quả khi tải thấp.

\* Công suất máy nén\*



\* Đồ thị trên chỉ mang tính chất minh họa.

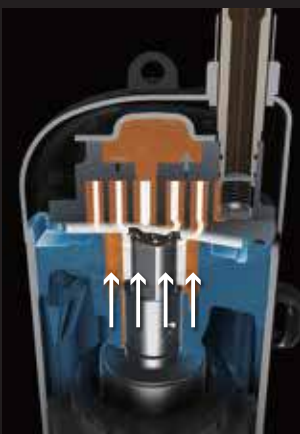
### Cơ chế kiểm soát áp suất ngược

#### Cơ chế thông thường

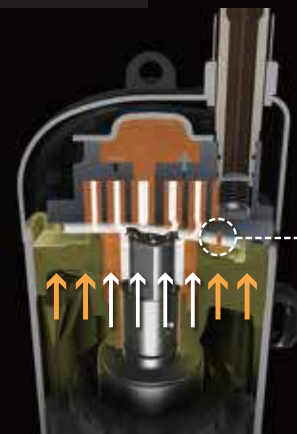
Đĩa nén động chịu ảnh hưởng bởi hai áp suất khác nhau, giữa áp suất cao và thấp. Lực cuộn đĩa nén động giảm khi vận hành ở mức thấp, dẫn đến sự rò rỉ nén từ các bộ phận có thể đi vào.

#### Mới Cơ chế áp suất trung gian mới

Lực cuộn đĩa nén động được tối ưu hóa theo điều kiện vận hành. Sự vận hành của đĩa nén động đã được ổn định để tăng hiệu quả trong vận hành khi tải thấp.



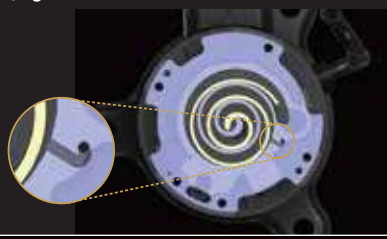
Lực cuộn của đĩa nén động giảm khi hoạt động khi vận hành tải thấp.



Áp suất trung gian tác dụng lực lên đĩa nén động trong quá trình vận hành tải thấp.

#### Cổng điều chỉnh áp suất trung gian

Áp suất trung gian (áp suất ngược) tối ưu hóa lực cuộn của đĩa nén động phụ thuộc vào điều kiện hoạt động.



\* Cơ chế mới được sử dụng trong các model RXQ10,12,14 và 20A

## Kiểm soát nhiệt độ dầu tiên tiến

### Sự tiêu thụ điện năng dự phòng được giảm thiểu

Việc kiểm soát nhiệt độ dầu hiệu quả làm giảm sự tiêu thụ điện năng dự phòng lên đến 82,7%\* hàng năm so với các model thông thường. Năng lượng dự phòng cần thiết để làm nóng dầu tiêu tốn năng lượng đáng kể đã được giảm thiểu khi hệ thống điều hòa ngừng hoạt động.

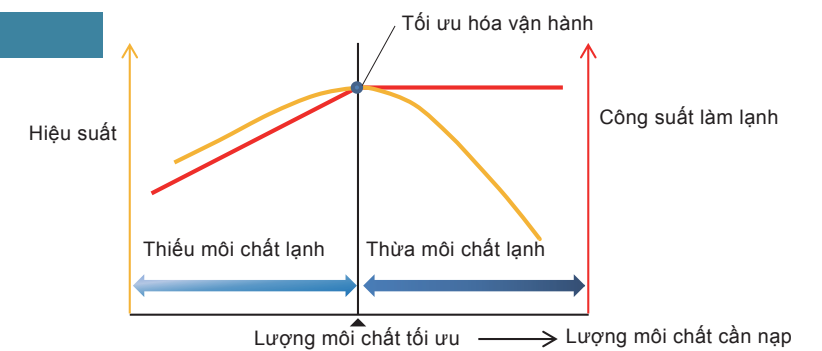
\* Điều kiện tính toán vận hành: VRV A series 14 HP Địa điểm: Singapore Thời gian hoạt động: 08:00-18:00 vào các ngày trong tuần.

## Chức năng tự động nạp môi chất lạnh

Góp phần tối ưu hóa công suất vận hành, chất lượng cao hơn và lắp đặt dễ dàng hơn

### Tối ưu hóa công suất hoạt động

Chức năng tự động nạp môi chất lạnh sẽ tự động xác định lượng môi chất lạnh tối ưu cần được nạp. Chức năng này giúp ngăn ngừa sự thiếu tải hoặc tổn thất năng lượng do môi chất lạnh bị thừa hoặc thiếu.



### Lắp đặt dễ dàng và chất lượng cao

Chức năng tự động nạp môi chất lạnh sẽ tự động hóa việc nạp một lượng môi chất lạnh thích hợp và đóng van chặn một cách đơn giản bằng cách nhấn nút khi đã nạp trước.

Đơn giản hóa việc lắp đặt sẽ loại trừ được sự thiếu hay thừa lượng nạp môi chất lạnh do sai sót trong việc tính toán, điều này dẫn đến chất lượng lắp đặt cao hơn.

#### VRV IV

- 1 Tính toán lượng môi chất lạnh cần thiết từ bản vẽ thiết kế.
- 2 Tính lại lượng môi chất bổ sung cần thiết dựa vào bản vẽ hoàn công
- 3 Nạp môi chất lạnh
- 4 Thường xuyên kiểm tra khối lượng môi chất trên cân
- 5 Hoàn tất công việc bằng cách đóng van chặn sau khi đã nạp đủ khối lượng môi chất

#### VRV A SERIES

- 1 Tính toán lượng môi chất lạnh cần thiết từ bản vẽ thiết kế.
- 2 Nạp trước môi chất lạnh\*
- 3 Bắt đầu vận hành nạp môi chất tự động

Tự động hoàn thành việc nạp môi chất bổ sung với khối lượng thích hợp

Không cần phải giám sát quá trình nạp môi chất

Không cần phải tính lại lượng môi chất bổ sung khi có những thay đổi nhỏ hoặc thay đổi cục bộ.

Cho dù sự rò rỉ môi chất lạnh xảy ra từ đường ống bên trong sau khi lắp đặt, thì lượng môi chất lạnh thích hợp vẫn có thể được nạp mà không cần phải tính toán số lượng cần thiết.

Khởi động lại chế độ vận hành nạp môi chất lạnh tự động lần nữa sẽ đảm bảo sự tối ưu công suất vận hành và chất lượng lắp đặt được duy trì.

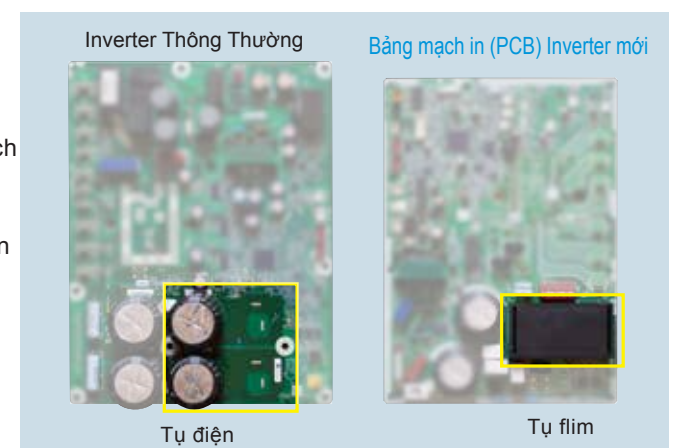
\*Môi chất lạnh được nạp trước tùy thuộc vào điều kiện vận hành và có một số trường hợp không cần phải nạp trước môi chất lạnh khi lượng môi chất lạnh cần thiết từ 4 kg trở xuống. Vui lòng tham khảo Tài Liệu Kỹ Thuật để biết thêm chi tiết.

## Độ tin cậy cao

### Bảng mạch in (PCB) Inverter mới

Các chức năng điều khiển của công nghệ Inverter đã được tích hợp trên bảng mạch in. Nâng cao độ tin cậy và điều này đã làm giảm số lượng linh kiện và kích thước bảng mạch.

- Kiểm soát dạng sóng mới giúp cải thiện dung sai của sự biến thiên trong cung cấp điện áp. Cho dù nguồn cung cấp điện có bất thường, dòng điện vượt mức sẽ bị ngăn chặn và vận hành vẫn tiếp tục.
- Độ bền của bảng mạch in Inverter được cải thiện bằng cách thay đổi tụ điện cho máy nén sang tụ flim.





## Tiện nghi Độ ồn hoạt động thấp

Cải thiện hiệu suất giải nhiệt, giúp giảm độ ồn khi vận hành

	Độ ồn (dB(A))			
	6/8 HP	10 HP	12 HP	14/16 HP
<b>VRV A SERIES</b>	56	57	59	60

## Lưu lượng gió lớn, áp suất tĩnh cao và độ ồn thấp

Các công nghệ phân tích tiên tiến được áp dụng nhằm tối ưu hóa thiết kế của quạt giúp tăng lưu lượng gió và áp suất tĩnh ngoài cao.

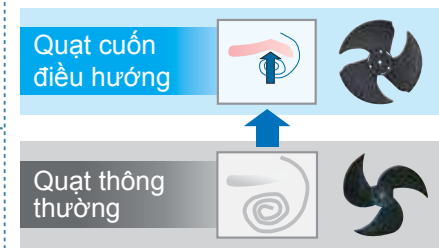
### Lưới lọc điều hướng

Nó thúc đẩy luồng không khí xoáy thoát ra, giúp giảm tổn thất áp suất.



### Quạt cuộn điều hướng

Độ cong cánh quạt giúp làm giảm rung động và tránh tổn thất áp suất.

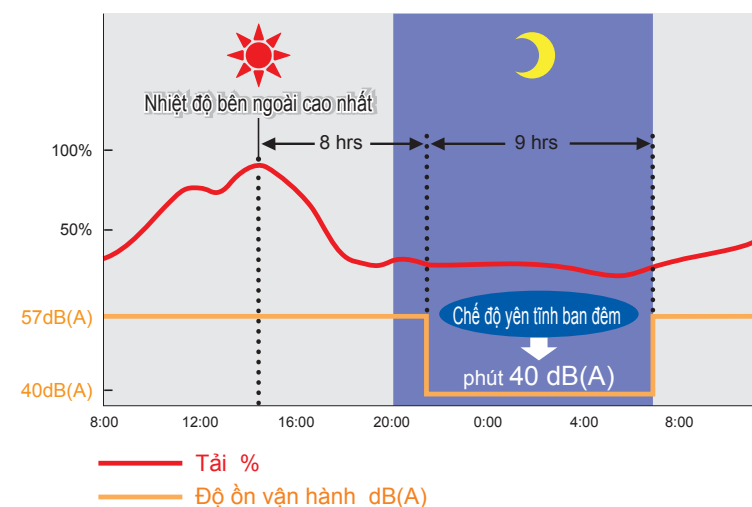


## Tính năng hoạt động êm ban đêm

Đối với các khu vực ngoài trời bị giới hạn về độ ồn cho các thiết bị, thì dàn nóng VRV A đáp ứng được yêu cầu đó nhờ khả năng hoạt động với độ ồn thấp

Chế độ vận hành ban đêm sẽ bắt đầu sau khi nhiệt độ ngoài trời đạt mức cao nhất được 8 giờ \*1 và duy trì liên tục trong 9 giờ\*2 kể tiếp trước khi vận hành bình thường trở lại.

- \*1. 8 giờ là đặt mặc định. Có thể cài đặt 6, 8 hoặc 10 giờ.
- \*2. 9 giờ là đặt mặc định. Có thể cài đặt 8, 9 hoặc 10 giờ.
- \*3. Trong trường hợp dàn nóng 10HP.



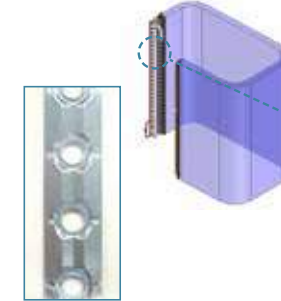
Chú ý:  
 · Tính năng được kích hoạt khi cài đặt tại công trình.  
 · Độ ồn hoạt động ở chế độ hoạt động ban đêm là giá trị thực tế được đo bởi công ty chúng tôi.  
 · Mối quan hệ của nhiệt độ ngoài trời (nhiệt độ) và thời gian hiển thị ở trên chỉ là ví dụ.

## Thiết kế nhỏ gọn với hiệu suất cao

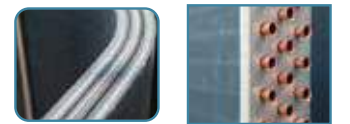
### Dàn trao đổi nhiệt tích hợp cao

Dàn trao đổi nhiệt cả 4 mặt đảm bảo diện tích trao đổi nhiệt lớn. Điều này cải thiện hiệu suất trao đổi nhiệt mà không tăng kích thước.

### Dàn trao đổi nhiệt 4 mặt



Dàn trao đổi nhiệt hiệu quả cao nhờ giảm trở lực dòng không khí với việc đi chuyển qua ống giải nhiệt nhỏ có đường kính Φ7.



**20 HP**  
 Thiết kế 3 dây đường ống nhỏ giúp tăng hiệu suất trao đổi nhiệt

### Cánh nghiêng

Hình dạng cánh nghiêng cùng với bước cánh khoảng 1.4mm tạo ra diện tích trao đổi nhiệt hiệu quả.

### Thiết kế tối ưu bên trong để đảm bảo sự ổn định của luồng khí

Các thành phần điện đã được thu nhỏ lại và đặt trong không gian chết của miệng gió nhằm giảm sự cản trở dòng không khí.



### Bảo trì dễ dàng

Các thành phần điện tử nằm ở vị trí hợp lý phía trên giúp rút ngắn quá trình bảo trì máy. Hơn nữa, bộ trao đổi nhiệt ở phía trước có thể được sử dụng hiệu quả để cải thiện hiệu suất của nó.

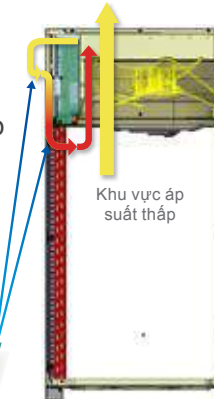
### Hộp điện



### Làm mát đầy đủ cho các thành phần điện

Dòng VRV A mới được thiết kế với hộp điện đặt bên trên giữa khu vực áp suất thấp và cao. Thiết kế này cho phép lưu lượng gió lớn hơn đi từ áp suất thấp đến áp suất cao do chênh lệch áp suất cao hơn.

### Positive pressure space

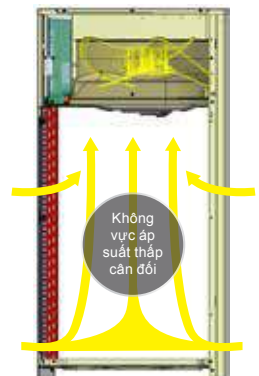


- Áp suất cao do không khí đi vào gần đường hút của quạt thổi

Chênh lệch áp suất

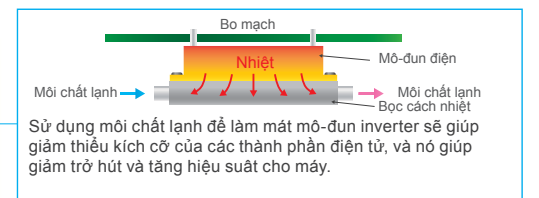
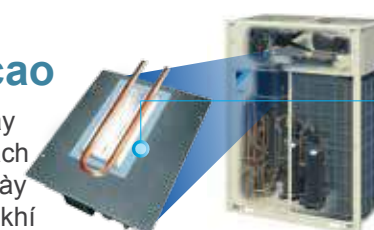
### Loại bỏ hiện tượng trở hút

Không ảnh hưởng đến lưu lượng gió của quạt, các thành phần điện được thiết kế lại đặt ở phía trên tận dụng không gian chết. Điều này làm loại bỏ hiện tượng trở hút.



### Độ an toàn cao cả khi nhiệt độ môi trường cao

Có thể giữ cho hoạt động ổn định ngay cả ở nhiệt độ môi trường cao bằng cách làm lạnh mô-đun điện Inverter. Điều này giúp duy trì khả năng điều hòa không khí và giảm tỷ lệ hư hỏng.



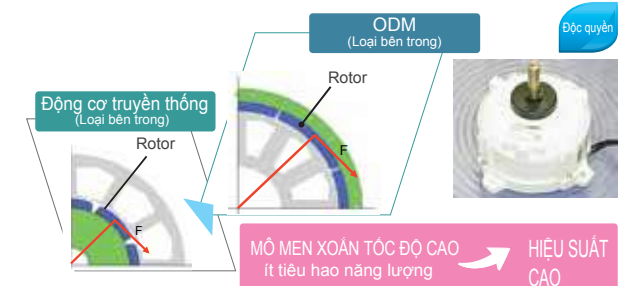
Tỷ lệ lỗi của bảng điều khiển khi hoạt động được giảm.

### Động cơ ODM (ODM)

Daikin là nhà sản xuất duy nhất áp dụng động cơ ODM với tính năng quay ổn định và hiệu quả về mặt thể tích.

### Ưu điểm của ODM

- Nhờ đường kính rotor lớn,
- ① Mô men xoắn lớn với cùng lực điện từ
- ② Vòng quay ổn định ở mọi tốc độ, có thể vận hành với số vòng quay ít.



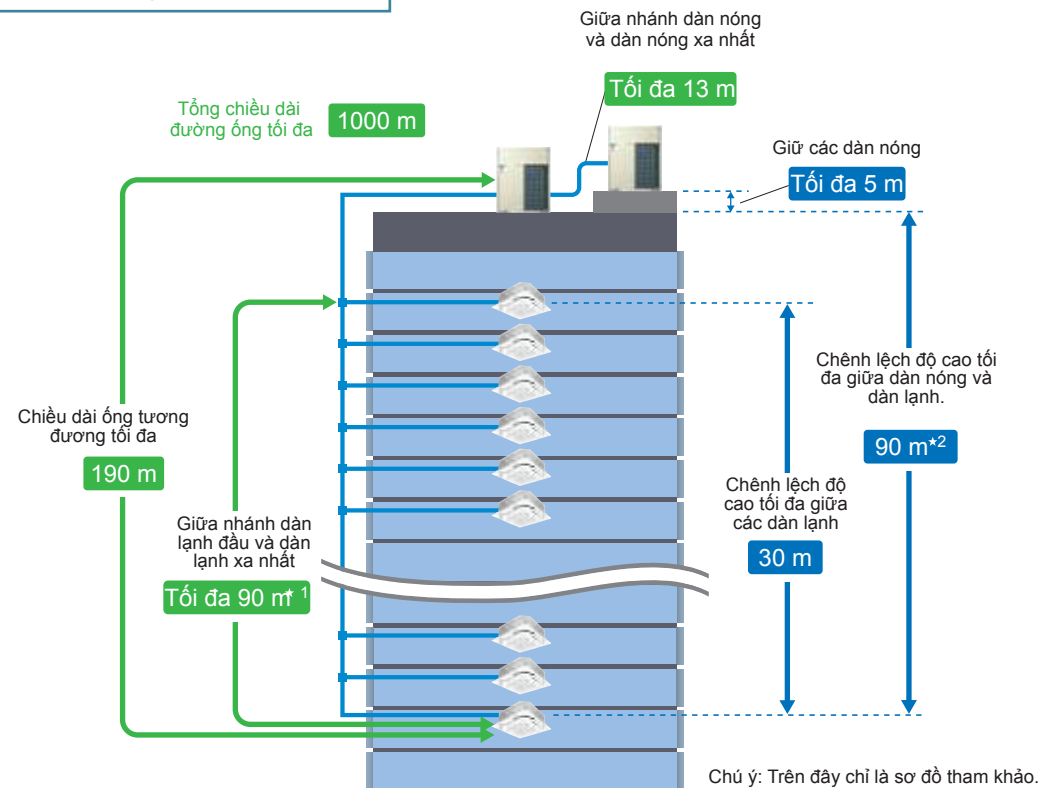
MÔ MEN XOẮN TỐC ĐỘ CAO ít tiêu hao năng lượng → HIỆU SUẤT CAO

## Nhiều lựa chọn cho vị trí lắp đặt

### Chiều dài đường ống

Chiều dài đường ống dài cung cấp nhiều tính linh hoạt hơn cho thiết kế, có thể phù hợp với các tòa nhà có kích thước lớn.

Đối với kết nối chỉ dàn lạnh VRV.



Chiều dài đường ống cho phép tối đa	Chiều dài đường ống thực tế (Tương đương)	165 m (190 m)
	Tổng chiều dài đường ống	1000 m
	Giữ nhánh dàn lạnh đầu tiên và dàn lạnh xa nhất	90 m <sup>*1</sup>
	Giữ nhánh dàn nóng và dàn nóng xa nhất (Tương đương)	10 m (13 m)
Chênh lệch độ cao cho phép tối đa	Giữa các dàn nóng (Đa tính năng)	5 m
	Giữa các dàn lạnh	30 m
	Giữa các dàn nóng và dàn lạnh	90 m <sup>*2</sup>

\*1. Không có yêu cầu đặc biệt nào đến 40m. Chiều dài ống thực tế tối đa là 90m tùy điều kiện. Để tận dụng tối đa chiều dài đường ống 90m, một số điều kiện và yêu cầu phải được đáp ứng. Hãy xem sách hướng dẫn kỹ thuật để biết thêm chi tiết về các điều kiện và yêu cầu này.  
\*2. Khi chênh lệch độ cao >=50, phải tăng kích cỡ đường kính ống lỏng chính. Nếu dàn nóng cao hơn dàn lạnh, phải thực hiện cài đặt thêm trên dàn nóng. Vui lòng tham khảo tài liệu kỹ thuật và đại lý tại khu vực của bạn để biết thêm thông tin chi tiết.

### Tỉ lệ kết nối

Công suất kết nối tối đa là 200%

Tỉ lệ kết nối  
50%–200%

$$\text{Tỉ lệ kết nối} = \frac{\text{Tổng công suất danh nghĩa dàn lạnh}}{\text{Công suất danh nghĩa dàn nóng}}$$

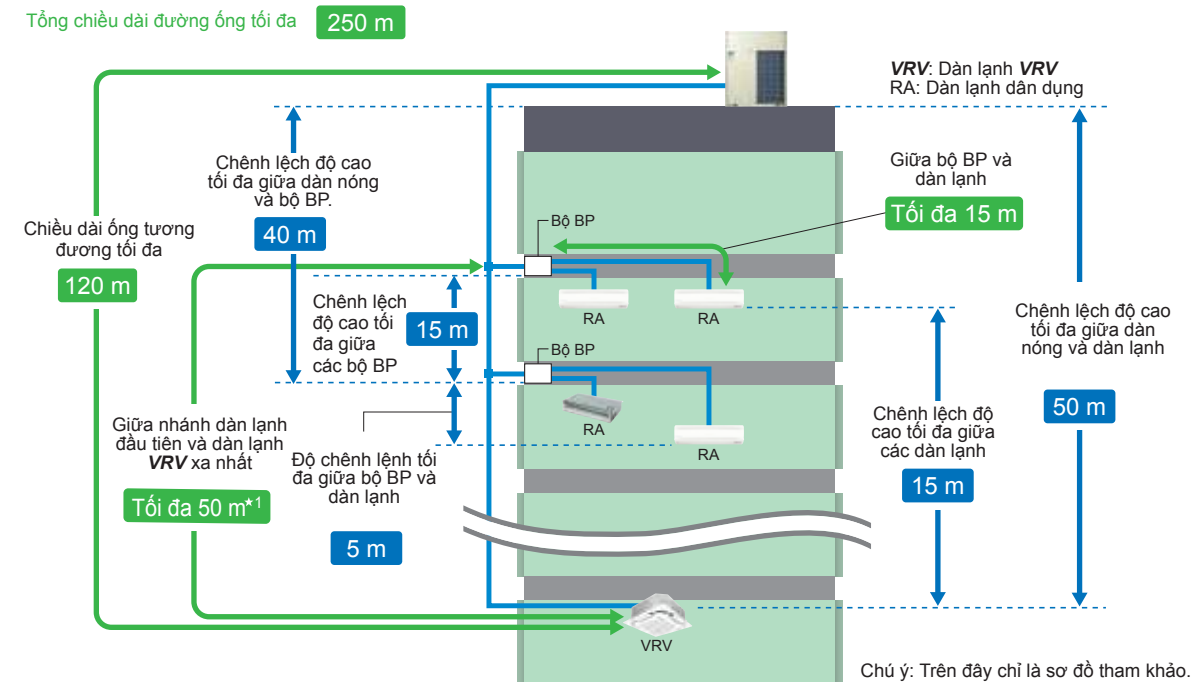
Điều kiện của công suất kết nối dàn lạnh VRV

Các dàn lạnh VRV thích hợp	Model FXDQ, FXSQ, FXMQ-PA, FXAQ, FXB(P)Q	Các kiểu dàn lạnh VRV khác <sup>*1</sup>
Dàn nóng đơn		200%
Tổ hợp 2 dàn nóng		160%
Tổ hợp 3 dàn nóng		130%

\*1 Đối với các model FXF(S)Q25 và FXVQ, tỉ lệ kết nối tối đa là 130% cho toàn bộ dàn lạnh.

Chú ý: Nếu công suất vận hành dàn lạnh lớn hơn 130%, tất cả các dàn lạnh phải hoạt động ở mức gió thấp  
\*Tham khảo ở trang 14 để biết thêm về các tổ hợp dàn nóng.

Đối với kết nối kết hợp dàn lạnh VRV và dàn lạnh dân dụng.



Khi các dàn lạnh VRV và dân dụng được kết nối với nhau hoặc chỉ có các dàn lạnh dân dụng được kết nối.

Chiều dài đường ống cho phép tối đa	Chiều dài đường ống thực tế (Tương đương)	100 m (120 m)
	Tổng chiều dài đường ống	250 m
	Giữa bộ BP và dàn lạnh	Nếu công suất danh nghĩa của dàn lạnh < 60: 2 m–15 m Nếu công suất danh nghĩa của dàn lạnh 60: 2 m–12 m Nếu công suất danh nghĩa của dàn lạnh 71: 2 m–8 m
	Giữa nhánh dàn lạnh đầu tiên và bộ BP xa nhất hoặc giữa nhánh dàn đầu tiên và dàn lạnh VRV xa nhất.	50 m <sup>*1</sup>
Chênh lệch độ cao cho phép tối đa	Giữa dàn nóng và nhánh dàn lạnh đầu tiên	5 m
	Giữa các dàn lạnh	15 m
	Giữa các bộ BP	15 m
	Giữa dàn nóng và dàn lạnh	Nếu dàn nóng ở trên: 50 m Nếu dàn nóng ở dưới: 40 m
	Giữa dàn nóng và bộ BP	40 m
	Giữa bộ BP và dàn lạnh	5 m

\*1. Nếu độ dài đường ống giữa nhánh dàn lạnh đầu tiên và bộ BP hoặc dàn lạnh VRV vượt quá 20m thì cần tăng kích cỡ đường ống hơi và lỏng giữa nhánh đầu tiên của dàn lạnh và bộ BP hoặc dàn lạnh VRV. Nếu đường kính của ống có kích thước vượt quá đường kính của ống trước nhánh đầu tiên dàn lạnh, thì đường ống lỏng và hơi cũng phải tăng lên. Vui lòng tham khảo sách hướng dẫn kỹ thuật để biết thêm chi tiết.

\*Khi tổ hợp dàn lạnh VRV và dàn lạnh dân dụng được kết nối hoặc khi chỉ kết nối với các dàn lạnh dân dụng, tỉ lệ kết nối phải từ 50% đến 130%. Tham khảo trang 14 để biết thêm chi tiết tổ hợp dàn nóng.

### Áp suất tĩnh ngoài cao

Dàn nóng VRV A Series đạt được áp suất tĩnh ngoài cao lên đến 78.4 Pa, đảm bảo sự tản nhiệt hiệu quả và giúp thiết bị vận hành ổn định theo bố trí phân cấp hoặc tập trung.

78.4 Pa

- Thêm lựa chọn về góc cửa cửa chớp
- Phương pháp giải nhiệt hiệu quả ở cả cách bố trí phân cấp hoặc tập trung



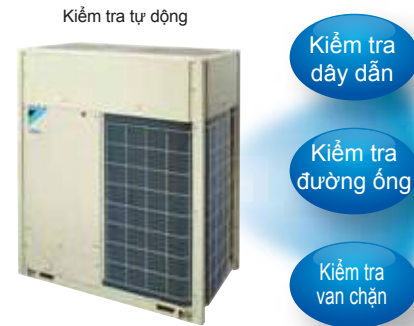


## Hệ thống vận hành thử chính xác và ổn định hơn

### Vận hành thử nghiệm tự động hiệu quả

Dòng Daikin **VRV A** kết hợp chức năng vận hành thử nghiệm hiệu quả và đơn giản, không chỉ đẩy nhanh quá trình lắp đặt, mà còn nâng cao chất lượng cài đặt tại công trình.

- Tự động kiểm tra dây dẫn giữa dàn nóng và dàn lạnh để xem liệu dây dẫn có bị lỗi hay không.
- Kiểm tra và chỉnh sửa chiều dài ống thực tế.
- Tự động kiểm tra tình trạng của van chặn ở mỗi dàn nóng để đảm bảo hệ thống điều hòa vận hành thông suốt.



## Đơn giản hóa vận hành thử và dịch vụ sau bán hàng.

### Hiện thị thông tin bằng màn hình đèn LED.

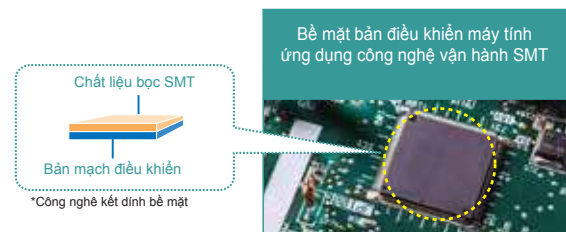
Hệ thống **VRV A** sử dụng đèn LED 7 đoạn để hiển thị thông tin vận hành hệ thống, cho phép hiển thị trạng thái vận hành, tạo thuận lợi cho việc vận hành thử và thực hiện các dịch vụ sau bán hàng một cách dễ dàng.



## Bản mạch PC điều khiển tiên tiến

### Công nghệ bọc SMT\*

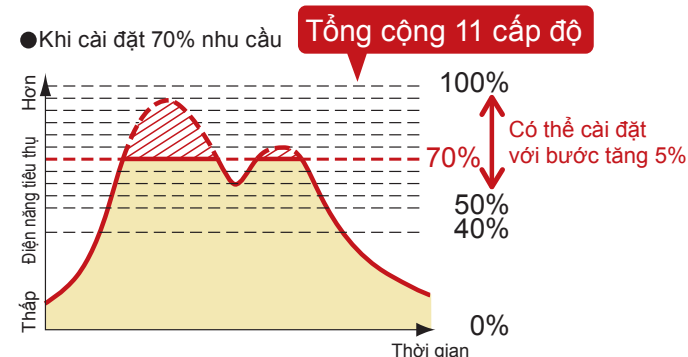
- Công nghệ bọc SMT áp dụng cho toàn bộ bản mạch điều khiển của máy tính cải thiện đặc tính chống nhiễu.
- Bảo vệ bản mạch điều khiển của máy tính chống lại ảnh hưởng của cát và thời tiết ẩm ướt.



## Tính năng I-demand

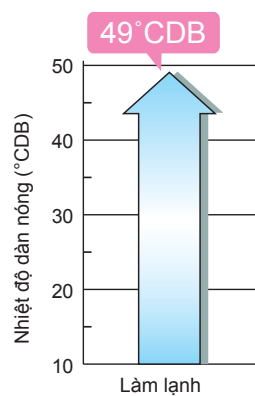
Giới hạn điện năng tiêu thụ được cài đặt chính xác với 11 cấp độ. Có thể thực hiện cắt giảm công suất đỉnh tùy theo từng trường hợp cụ thể.

\*Cài đặt trên bo mạch dàn nóng.



## Dải nhiệt độ hoạt động rộng lên đến 49°C

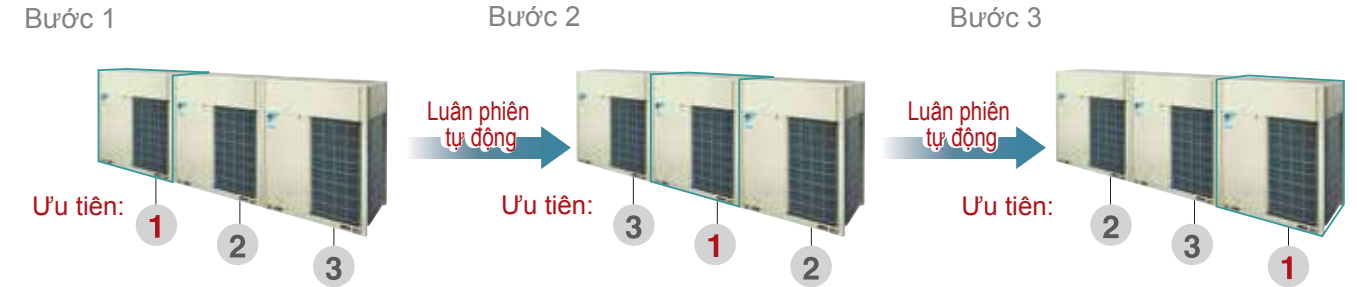
Dải hoạt động rộng của dòng VRV A giúp hạn chế các giới hạn về vị trí lắp đặt. Phạm vi nhiệt độ hoạt động để làm mát có thể được thực hiện khi nhiệt độ ngoài trời lên đến 49°C. Điều này cho phép hoạt động ngay cả trong điều kiện nhiệt độ cao.



Chú ý: Khi nhiệt độ ngoài trời xuống dưới 10°C, bộ điều nhiệt tắt, các dàn nóng dừng lại, và hoạt động chuyển từ làm lạnh sang quạt vận hành.

## Vận hành luân phiên tự động

Khi khởi động, **VRV A** sẽ kích hoạt chế độ hoạt động luân phiên để đảm bảo cân bằng thời gian hoạt động của từng dàn nóng nhằm tăng tuổi thọ của thiết bị và vận hành ổn định.



## Tính năng vận hành dự phòng kép

Hệ thống Daikin **VRV A** được tăng cường chức năng vận hành dự phòng kép, bảo đảm việc sử dụng máy điều hòa tại khu vực này ở mức độ lớn nhất bằng việc kích hoạt khẩn cấp các chức năng vận hành dự phòng ngay cả khi có sự cố xảy ra ở một hệ thống thiết bị điều hòa không khí. Trong trường hợp sự cố xảy ra, chế độ vận hành khẩn cấp có thể được kích hoạt để đảm bảo cho phép hệ thống còn lại hoạt động ở một mức giới hạn nào đó.

### Tính năng vận hành máy dự phòng

Nếu một trong số các máy của hệ thống tổ hợp các dàn nóng bị sự cố, các dàn nóng khác sẽ hoạt động khẩn cấp cho đến khi sửa chữa có thể được thực hiện.

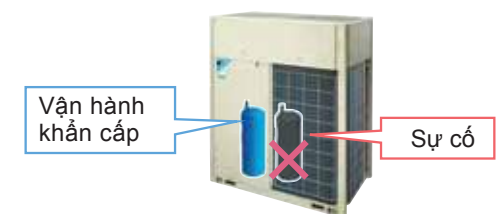
\* Đối với tổ hợp hệ thống hai hoặc ba dàn nóng.



### Tính năng vận hành máy nén dự phòng

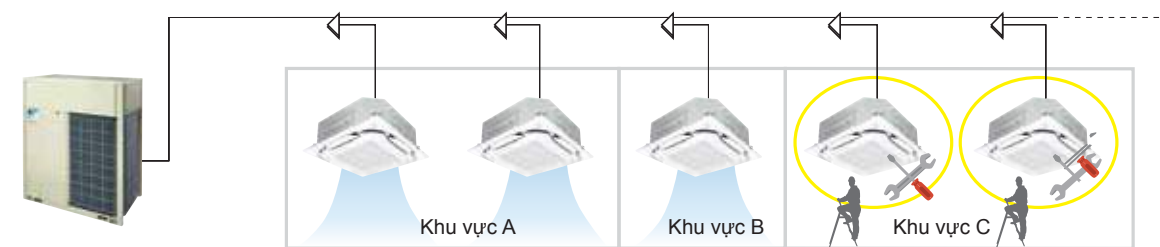
Các dàn nóng được trang bị hai máy nén. Ngay cả khi một máy nén trực trực, máy nén khác sẽ hoạt động khẩn cấp, giảm nguy cơ tắt máy do sự cố về máy nén. (Công suất sẽ được giữ trong khi vận hành dự phòng)

\* Đối với dàn nóng đơn RXQ16-20AYM. Yêu cầu cài đặt tại công trình trên bảng mạch của các dàn nóng.



## Bảo trì dễ dàng

**VRV A** mang đến những tính năng bảo trì cho phép tắt dàn lạnh mà không cần tắt toàn bộ hệ thống **VRV**. Tính năng này tiện lợi trong thời gian bảo trì vì những dàn lạnh còn lại vẫn hoạt động bình thường.



\* Cài đặt tại công trình. Tính năng này không áp dụng đối với kết nối qua bộ BP. Liên hệ Daikin để biết thêm chi tiết.

## Dàn Nóng VRV A Series

Mới

Công suất dàn nóng lên đến 60 HP (168 kW) với mức tăng 2 HP.

- Dàn nóng VRV IV có công suất cao hơn, lên đến 60 HP, đáp ứng nhu cầu của các tòa nhà lớn.
- Dàn nóng đơn chỉ có 2 kiểu dáng và kích thước, không chỉ đơn giản hóa về quá trình thiết kế, mà còn mang tính linh động cho hệ thống ở một cấp độ mới.
- Với công suất dàn nóng tăng lên khi gia số là 2 HP, nhu cầu khách hàng có thể đáp ứng một cách chính xác hơn.

### Dãy sản phẩm

HP		6	8	10	12	14	16	18	20	22	24	26	28	30	32	34	36	38	40	42	44	46	48	50	52	54	56	58	60	
VRV A SERIES	Dàn đơn	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
	Tổ hợp	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—

#### •Dàn Nóng Đơn

6, 8, 10, 12 HP, 14, 16, 18, 20 HP



RXQ6AYM  
RXQ8AYM  
RXQ10AYM  
RXQ12AYM

RXQ14AYM  
RXQ16AYM  
RXQ18AYM  
RXQ20AYM

#### •Tổ Hợp 2 Dàn Nóng

18, 20, 22, 24 HP 26, 28, 30 HP 32, 34, 36, 38, 40 HP



RXQ18AYM  
RXQ20AYM  
RXQ22AYM  
RXQ24AYM

RXQ26AYM  
RXQ28AYM  
RXQ30AYM

RXQ32AYM  
RXQ34AYM  
RXQ36AYM  
RXQ38AYM  
RXQ40AYM

#### •Tổ Hợp 3 Dàn Nóng

42, 44 HP



RXQ42AYM  
RXQ44AYM

46, 48, 50, 52, 54, 56, 58, 60 HP



RXQ46AYM  
RXQ48AYM  
RXQ50AYM  
RXQ52AYM

RXQ54AYM  
RXQ56AYM  
RXQ58AYM  
RXQ60AYM

## Các Tổ Hợp Dàn Nóng

Đối với kết nối dàn lạnh VRV

HP	kW	Công suất danh định	Tên model	Tổ hợp	Công cụ kết nối các dàn nóng*1	Tổng công suất danh định của tổ hợp dàn lạnh*2	Số dàn lạnh kết nối tối đa*2
6 HP	16.0	150	RXQ6A	RXQ6A	—	75 to 195 (300)	9 (15)
8 HP	22.4	200	RXQ8A	RXQ8A	—	100 to 260 (400)	13 (20)
10 HP	28.0	250	RXQ10A	RXQ10A	—	125 to 325 (500)	16 (25)
12 HP	33.5	300	RXQ12A	RXQ12A	—	150 to 390 (600)	19 (30)
14 HP	40.0	350	RXQ14A	RXQ14A	—	175 to 455 (700)	22 (35)
16 HP	45.0	400	RXQ16A	RXQ16A	—	200 to 520 (800)	26 (40)
18 HP	50.0	450	RXQ18A	RXQ18A	—	225 to 585 (900)	29 (45)
20 HP	56.0	500	RXQ20A	RXQ20A	—	250 to 650 (1,000)	32 (50)
18 HP	50.4	450	RXQ18AM	RXQ8A + RXQ10A	—	225 to 585 (720)	29 (36)
20 HP	55.9	500	RXQ20AM	RXQ8A + RXQ12A	—	250 to 650 (800)	32 (40)
22 HP	61.5	550	RXQ22AM	RXQ10A + RXQ12A	—	275 to 715 (880)	35 (44)
24 HP	67.0	600	RXQ24AM	RXQ12A x 2	—	300 to 780 (960)	39 (48)
26 HP	73.5	650	RXQ26AM	RXQ12A + RXQ14A	—	325 to 845 (1,040)	42 (52)
28 HP	78.5	700	RXQ28AM	RXQ12A + RXQ16A	—	350 to 910 (1,120)	45 (56)
30 HP	83.5	750	RXQ30AM	RXQ12A + RXQ18A	—	375 to 975 (1,200)	48 (60)
32 HP	90.0	800	RXQ32AM	RXQ14A + RXQ18A	—	400 to 1,040 (1,280)	52 (64)
34 HP	95.0	850	RXQ34AM	RXQ16A + RXQ18A	—	425 to 1,105 (1,360)	55 (64)
36 HP	100	900	RXQ36AM	RXQ18A x 2	—	450 to 1,170 (1,440)	58 (64)
38 HP	106	950	RXQ38AM	RXQ18A + RXQ20A	—	475 to 1,235 (1,520)	61 (64)
40 HP	112	1,000	RXQ40AM	RXQ20A x 2	—	500 to 1,300 (1,600)	64 (64)
42 HP	117	1,050	RXQ42AM	RXQ12A x 2 + RXQ18A	—	525 to 1,365 (1,365)	64 (64)
44 HP	123	1,100	RXQ44AM	RXQ12A x 2 + RXQ20A	—	550 to 1,430 (1,430)	64 (64)
46 HP	130	1,150	RXQ46AM	RXQ14A x 2 + RXQ18A	—	575 to 1,495 (1,495)	64 (64)
48 HP	135	1,200	RXQ48AM	RXQ14A + RXQ16A + RXQ18A	—	600 to 1,560 (1,560)	64 (64)
50 HP	140	1,250	RXQ50AM	RXQ14A + RXQ18A x 2	—	625 to 1,625 (1,625)	64 (64)
52 HP	145	1,300	RXQ52AM	RXQ16A + RXQ18A x 2	—	650 to 1,690 (1,690)	64 (64)
54 HP	150	1,350	RXQ54AM	RXQ18A x 3	—	675 to 1,755 (1,755)	64 (64)
56 HP	156	1,400	RXQ56AM	RXQ18A x 2 + RXQ20A	—	700 to 1,820 (1,820)	64 (64)
58 HP	162	1,450	RXQ58AM	RXQ18A + RXQ20A x 2	—	725 to 1,885 (1,885)	64 (64)
60 HP	168	1,500	RXQ60AM	RXQ20A x 3	—	750 to 1,950 (1,950)	64 (64)

Chú ý: \*1. Đối với kết nối tổ hợp, cần phải có bộ đa chức năng dàn nóng (bán riêng).

\*2. Giá trị trong ngoặc dựa trên kết nối các dàn lạnh được ghi nhận ở mức công suất tối đa, 200% dàn nóng đơn, 160% cho các tổ hợp 2 dàn nóng và 130% cho tổ hợp 3 dàn nóng.

### Đối với kết hợp của dàn lạnh VRV và các dàn lạnh dân dụng hoặc chỉ các dàn lạnh dân dụng.

Tên model*1	kW	HP	Công suất danh định	Tổng công suất danh định của tổ hợp dàn lạnh*2			Số dàn lạnh kết nối tối đa
				Tổ hợp (%) <sup>2</sup>			
				50%	100%	130%	
RXQ6AYM	16.0	6	150	75	150	195	9
RXQ8AYM	22.4	8	200	100	200	260	13
RXQ10AYM	28.0	10	250	125	250	325	16
RXQ12AYM	33.5	12	300	150	300	390	19
RXQ14AYM	40.0	14	350	175	350	455	22
RXQ16AYM	45.0	16	400	200	400	520	26
RXQ18AYM	50.0	18	450	225	450	585	29
RXQ20AYM	56.0	20	500	250	500	650	32

Chú ý: \*1. Duy nhất dàn nóng đơn (RXQ6-20AYM) có thể kết nối.

\*2. Tổng công suất danh định của các dàn lạnh có thể kết nối phải đạt 50% -130% công suất danh định của dàn nóng.

## VRV X SERIES

Một chiều lạnh 6 HP-60 HP



Mới

RXUQ-A

### Dãy sản phẩm

HP		6	8	10	12	14	16	18	20	22	24	26	28	30	32	34	36	38	40	42	44	46	48	50	52	54	56	58	60
VRV X SERIES	Dàn đơn	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
	Tổ hợp	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—

### Thông tin sơ bộ

## Nâng cao hiệu suất năng lượng trong hoạt động thực tế

- Dòng sản phẩm VRV X có các model mới được phát triển đặc biệt để đạt hiệu quả cao.
- Tất cả máy nén sử dụng trong các dàn nóng là những máy nén scroll mới được thiết kế để nâng cao hiệu suất năng lượng.

● Dây sản phẩm mới



## Dàn Nóng VRV A Series

### RXQ-A

MODEL		RXQ6AYM	RXQ8AYM	RXQ10AYM	RXQ12AYM	RXQ14AYM	RXQ16AYM	RXQ18AYM	RXQ20AYM	RXQ18AYM	RXQ20AYM	RXQ22AYM	RXQ24AYM	RXQ26AYM	RXQ28AYM	RXQ30AYM	
Tổ hợp kết nối		—	—	—	—	—	—	—	—	RXQ8AYM	RXQ8AYM	RXQ10AYM	RXQ12AYM	RXQ12AYM	RXQ12AYM	RXQ12AYM	
Nguồn điện		Hệ thống 3 pha 4 dây, 380-415V/ 380V, 50Hz/ 60Hz							Hệ thống 3 pha 4 dây, 380-415V/ 380V, 50Hz/ 60Hz								
Công suất làm lạnh	Btu/h	54,600	76,400	95,500	114,000	136,000	154,000	171,000	191,000	172,000	191,000	210,000	229,000	251,000	268,000	285,000	
	kW	16.0	22.4	28.0	33.5	40.0	45.0	50.0	56.0	50.4	55.9	61.5	67.0	73.5	78.5	83.5	
Điện năng tiêu thụ	kW	3.38	5.17	6.84	8.70	10.7	12.9	15.3	17.7	12.0	13.9	15.5	17.4	19.4	21.6	24.0	
Điều khiển công suất	%	25-100	20-100	13-100	12-100	11-100	10-100	10-100	7-100	7-100	7-100	6-100	6-100	6-100	5-100	5-100	
Màu sắc vỏ máy		Trắng ngà (5Y7.5/1)							Trắng ngà (5Y7.5/1)								
Máy nén	Loại	Xoắn ốc (scroll) dạng kín							Xoắn ốc (Scroll) dạng kín								
	Công suất động cơ	kW	2.3×1	3.4×1	4.5×1	5.6×1	6.4×1	(3.5×1)+(3.5×1)	(4.0×1)+(4.0×1)	(3.8×1)+(6.3×1)	(3.4×1)+(4.5×1)	(3.4×1)+(5.6×1)	(4.5×1)+(5.6×1)	(5.6×1)+(5.6×1)	(5.6×1)+(6.4×1)	(5.6×1)+(3.5×1)	(5.6×1)+(4.0×1)
Lưu lượng gió	m <sup>3</sup> /phút	119	178		191	257		297	178+178	178+191		191+191	191+257				
Kích thước (Cao×Rộng×Dày)	mm	1,657×930×765				1,657×1,240×765				1,657×1,240×765	(1,657×930×765)+(1,657×930×765)				(1,657×930×765)+(1,657×1,240×765)		
Trọng lượng máy	kg	175	185		215	260		285	175+185		185+185		185+215	185+260			
Trọng lượng máy	dB(A)	56	57	59	60	61	61	65	60	61	61	62	63	63	63		
Phạm vi vận hành	°CDB	10 đến 49							10 đến 49								
Môi chất lạnh	Loại	R-410A							R-410A								
	Lượng nạp	kg	5.9	6.7	6.8	7.4	8.2	8.4	11.8	5.9+6.7	5.9+6.8	6.7+6.8	6.8+6.8	6.8+7.4	6.8+8.2	6.8+8.4	
Ổng kết nối	Lồng	φ9.5 (Hàn)		φ12.7 (Hàn)			φ15.9 (Hàn)		φ15.9 (Hàn)				φ19.1 (Hàn)				
	Hơi	φ19.1 (Hàn)		φ22.2 (Hàn)		φ28.6 (Hàn)			φ28.6 (Hàn)				φ34.9 (Hàn)				

MODEL		RXQ32AYM	RXQ34AYM	RXQ36AYM	RXQ38AYM	RXQ40AYM	RXQ42AYM	RXQ44AYM	RXQ46AYM	RXQ48AYM	RXQ50AYM	RXQ52AYM	RXQ54AYM	RXQ56AYM	RXQ58AYM	RXQ60AYM
Tổ hợp kết nối		RXQ14AYM	RXQ16AYM	RXQ18AYM	RXQ18AYM	RXQ20AYM	RXQ12AYM	RXQ12AYM	RXQ14AYM	RXQ14AYM	RXQ14AYM	RXQ16AYM	RXQ18AYM	RXQ18AYM	RXQ18AYM	RXQ20AYM
Nguồn điện		Hệ thống 3 pha 4 dây, 380-415V/ 380V, 50Hz/ 60Hz							Hệ thống 3 pha 4 dây, 380-415V/ 380V, 50Hz/ 60Hz							
Công suất làm lạnh	Btu/h	307,000	324,000	341,000	362,000	382,000	399,000	420,000	444,000	461,000	478,000	495,000	512,000	532,000	553,000	573,000
	kW	90.0	95.0	100	106	112	117	123	130	135	140	145	150	156	162	168
Điện năng tiêu thụ	kW	26.0	28.2	30.6	33.0	35.4	32.7	35.1	36.7	38.9	41.3	43.5	45.9	48.3	50.7	53.1
Điều khiển công suất	%	5-100	5-100	5-100	4-100	3-100	4-100	3-100	3-100	3-100	3-100	3-100	3-100	3-100	2-100	2-100
Màu sắc vỏ máy		Trắng ngà (5Y7.5/1)							Trắng ngà (5Y7.5/1)							
Máy nén	Loại	Dạng xoắn ốc (scroll) kín							Xoắn ốc (Scroll) dạng kín							
	Công suất động cơ	kW	(6.4×1)+(4.0×1)	(3.5×1)+(3.5×1)	(4.0×1)+(4.0×1)	(4.0×1)+(4.0×1)	(3.8×1)+(6.3×1)	(5.6×1)+(5.6×1)	(5.6×1)+(5.6×1)	(6.4×1)+(6.4×1)	(6.4×1)+(3.5×1)+(3.5×1)	(6.4×1)+(4.0×1)+(4.0×1)	(3.5×1)+(3.5×1)+(4.0×1)	(4.0×1)+(4.0×1)+(4.0×1)	(4.0×1)+(4.0×1)+(4.0×1)	(4.0×1)+(4.0×1)+(3.8×1)
Lưu lượng gió	m <sup>3</sup> /phút	257+257		257+297	297+297	191+191+257	191+191+297	257+257+257		257+257+297	257+297+297	297+297+297				
Kích thước (Cao×Rộng×Dày)	mm	(1,657×1,240×765)+(1,657×1,240×765)				(1,657×930×765)+(1,657×930×765)+(1,657×1,240×765)			(1,657×1,240×765)+(1,657×1,240×765)+(1,657×1,240×765)							
Trọng lượng máy	kg	215+260	260+260		260+285	285+285	185+185+260	185+185+285	215+215+260	215+260+260		260+260+260		260+260+285	260+285+285	285+285+285
Độ ồn	dB(A)	64		66	68	65	67	65		66	68	69	70			
Phạm vi vận hành	°CDB	10 to 49							10 đến 49							
Môi chất lạnh	Loại	R-410A							R-410A							
	Lượng nạp	kg	7.4+8.4	8.2+8.4	8.4+8.4	8.4+11.8	11.8+11.8	6.8+6.8+8.4	6.8+6.8+11.8	7.4+7.4+8.4	7.4+8.2+8.4	7.4+8.4+8.4	8.2+8.4+8.4	8.4+8.4+8.4	8.4+8.4+11.8	8.4+11.8+11.8
Ổng kết nối	Lồng	φ34.9 (Hàn)		φ19.1 (Hàn)			φ41.3 (Hàn)		φ19.1 (Hàn)							
	Hơi	φ34.9 (Hàn)		φ19.1 (Hàn)			φ41.3 (Hàn)		φ41.3 (Hàn)							

Ghi chú: Những thông số kỹ thuật trên được xác định trong điều kiện sau:  
 •Làm lạnh: Trong nhà: 27°CDB, 19°CWB, Ngoài trời: 35°CDB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m.  
 •Độ ồn: Giá trị qui đổi trong điều kiện không khí đối âm, được đo tại điểm cách 1 m phía trước và 1,5 m phía trên dàn nóng  
 Trong suốt quá trình vận hành thực tế, những giá trị trên có thể cao hơn do ảnh hưởng của điều kiện xung quanh.

## Nhiều sự lựa chọn

Một tổ hợp dàn lạnh VRV và dàn lạnh dân dụng được kết hợp trong cùng một hệ thống, mở ra một thời kỳ mới cho các thể hệ dàn lạnh hoạt động êm ái và hợp thời trang.

### Dàn lạnh VRV

Loại dàn lạnh	Tên Model	Hình ảnh	Dây dẫn lạnh															
			Dây dẫn lạnh															
			20	25	32	40	50	63	71	80	100	125	140	200	250	400	500	
Capacity Range	0.8 HP	1 HP	1.25 HP	1.6 HP	2 HP	2.5 HP	3 HP	3.2 HP	4 HP	5 HP	6 HP	8 HP	10 HP	16 HP	20 HP			
Capacity Index	20	25	31.25	40	50	62.5	71	80	100	125	140	200	250	400	500			
Cassette âm trần (Đa hướng thổi có cảm biến)	FXFSQ-AVM																	
Cassette âm trần (Đa hướng thổi)	FXFQ-AVM																	
Cassette âm trần (4 hướng thổi nhỏ gọn)	FXZQ-MVE																	
Cassette âm trần (2 hướng thổi)	FXCQ-MVE																	
Cassette âm trần (1 hướng thổi)	FXEQ-AV36																	
Giấu trần nổi ống gió dạng mỏng (Loại tiêu chuẩn)	FXDQ-PDVE (Có bơm nước xả)																	
	FXDQ-PDVET (Không có bơm nước xả)																	
	FXDQ-NDVE (Có bơm nước xả)																	
	FXDQ-NDVET (Không có bơm nước xả)																	
Giấu trần nổi ống gió dạng mỏng (Loại nhỏ gọn)	FXDQ-SPV1																	
Giấu trần nổi ống gió áp suất tĩnh trung bình	FXSQ-PAVE																	
Giấu trần nổi ống gió hồi sau	FXMQ-PAVE																	
	FXMQ-MAVE																	
Bộ xử lý không khí	FXMQ-MFV1																	
Áp trần 4 hướng thổi	FXUQ-AVEB																	
Áp trần	FXHQ-MAVE																	
Treo tường	FXAQ-PVE																	
Đặt sàn	FXLQ-MAVE																	
Giấu sàn	FXNQ-MAVE																	
Tủ đứng đặt sàn nổi ống gió	FXVQ-NY1																	
	FXVQ-NY16 (Loại áp suất tĩnh cao)																	
Điều hòa không khí phòng sạch	FXBQ-PVE																	
	FXBPQ-PVE																	
Hệ thống thông gió thu hồi nhiệt với dàn dẫn nở trực tiếp và bộ tạo ẩm	VKM-GA(M)V1		Lưu lượng gió 500-1000 m³/h															
Hệ thống thông gió thu hồi nhiệt	VAM-GJVE		Lưu lượng gió 150-2000 m³/h															
Thiết bị xử lý không khí (AHU)	AHUR		Trang 55															

### Dàn lạnh dân dụng kết nối với bộ BP

Loại dàn lạnh	Tên Model	Hình ảnh	Dàn lạnh dân dụng				
			25	35	50	60	71
			Dây công suất (kW)	2.5	3.5	5.0	6.0
		Công suất định mức	25	35	50	60	71
Giấu trần nổi ống gió dạng mỏng	FDKS-EAVMB (Chiều rộng 700mm)						
	FDKS-C(A)VMB (Chiều rộng 900/1,100mm)						
Treo tường	FTKJ-NVMW						
	FTKJ-NVMS						
	FTKS-DVM						
	FTKS-BVMA						
	FTKS-FVM						

Chú ý: Các bộ BP là cần thiết cho các dàn lạnh dân dụng, và chỉ kết nối được các dàn nóng đơn (RXQ6-20AYM).

### Dàn lạnh VRV kết hợp với dàn lạnh dân dụng trong cùng một hệ thống.

#### Hệ thống dàn lạnh VRV



Chỉ có dàn lạnh VRV

Tối đa 64 dàn lạnh

- Nếu một hệ thống có các dàn lạnh có điều khiển Smart VRT và VRT, thì hệ thống đó chỉ được vận hành điều khiển VRT.
- Nếu một hệ thống có cả bộ xử lý không khí và các dàn lạnh xử lý không khí, điều khiển Smart VRT và điều khiển VRT sẽ bị vô hiệu.

#### Hệ thống kết hợp dàn lạnh VRV và dàn lạnh dân dụng



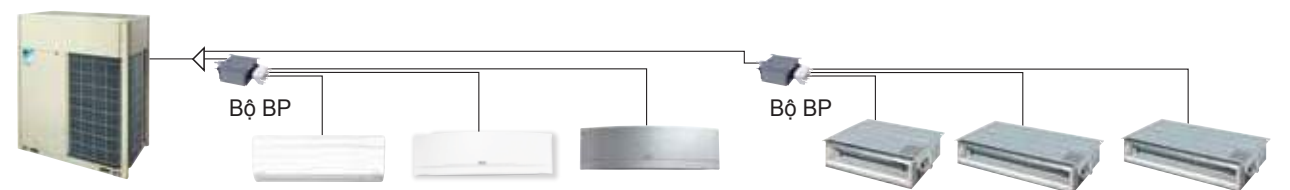
Tối đa 32 dàn lạnh

Dàn lạnh dân dụng

Dàn lạnh VRV

- Các bộ BP là cần thiết cho các dàn lạnh dân dụng, và chỉ kết nối được các dàn nóng đơn (RXQ6-20AYM).
- Nếu một hệ thống có cả dàn lạnh dân dụng và dàn lạnh VRV, thì hệ thống đó sẽ vận hành dưới điều khiển VRT.

#### Hệ thống dàn lạnh dân dụng



Tối đa 32 dàn lạnh

Chỉ có dàn lạnh dân dụng

- Các bộ BP là cần thiết cho các dàn lạnh dân dụng, và chỉ kết nối được các dàn nóng đơn (RXQ6-20AYM).
- Nếu một hệ thống chỉ có dàn lạnh dân dụng, thì hệ thống đó sẽ vận hành dưới điều khiển VRT.



Daikin cung cấp nhiều loại dàn lạnh bao gồm cả các model **VRV** và dân dụng đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng về các giải pháp điều hòa không khí.

## Các kiểu dàn lạnh VRV

Cassette âm trần  
(Đa hướng thổi có cảm biến)

Mới FXSQ-AVM



Sự hiện diện của người và nhiệt độ sàn nhà có thể được phát hiện nhằm tạo ra sự thoải mái tối ưu và tiết kiệm năng lượng.



Cassette âm trần  
(Đa hướng thổi)

Mới FXFQ-AVM



Luồng gió 360° giúp phân bố nhiệt độ đồng đều khắp phòng mang đến một môi trường sống tiện nghi.



Cassette âm trần  
(4 hướng thổi nhỏ gọn)

FXZQ-MVE



Thiết kế nhỏ gọn & hoạt động êm ái mang đến sự tiện nghi cho người sử dụng.



Cassette âm trần  
(2 hướng thổi)

FXCQ-MVE



Mỏng, nhẹ và dễ dàng lắp tại những khu vực có diện tích trần hẹp.



Cassette âm trần  
(1 hướng thổi)

Mới FXEQ-AV36

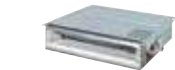


Thiết kế mỏng giúp linh hoạt trong việc lắp đặt.

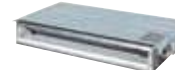


Giấu trần nổi ống gió dạng mỏng  
(Loại tiêu chuẩn)

Mới FXDQ-PDVE(T)



Mới FXDQ-NDVE(T)



Thiết kế mỏng, yên tĩnh và khả năng thay đổi áp lực tĩnh.



Giấu trần nổi ống gió dạng mỏng  
(Loại nhỏ gọn)

FXDQ-SPV1



Thiết kế mỏng và nhỏ gọn giúp linh hoạt trong việc lắp đặt.



Giấu trần nổi ống gió áp suất tĩnh trung bình

Mới FXSQ-PAVE



Áp suất tĩnh trung bình và thiết kế mỏng cho phép việc lắp đặt một cách linh hoạt.



Giấu trần nổi ống gió hồi sau

Mới FXMQ-PAVE



FXMQ-MAVE



Áp suất tĩnh cao cho phép việc lắp đặt một cách linh hoạt



Bộ xử lý không khí

FXMQ-MFV1



Kết hợp xử lý gió tươi và điều hòa không khí được tích hợp trong một hệ thống.



Áp trần 4 hướng thổi

FXUQ-AVEB



Dàn lạnh kiểu dáng mỏng giúp phân bố luồng gió tối ưu và có thể lắp đặt khi không có hốc trần.



Áp trần

FXHQ-MAVE



Kiểu dáng mỏng với luồng gió rộng và hoạt động êm ái



Treo tường

FXAQ-PVE



Mặt nạ phẳng, thời trang tạo sự hài hòa với không gian nội thất.



Đặt sàn

FXLQ-MAVE



Giấu sàn

FXNQ-MAVE



Thích hợp cho điều hòa không khí khu vực bao quanh



Đặt sàn nổi ống gió

FXVQ-NY1

FXVQ-NY16

(Áp suất tĩnh cao)

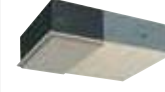


Luồng gió phân bố rộng thích hợp cho không gian lớn. Thiết kế nội thất linh hoạt cho mọi ứng dụng.

Điều hòa không khí cho phòng sạch

FXBQ-PVE

FXBPQ-PVE



Thích hợp cho các bệnh viện và các không gian sạch khác

Thiết bị xử lý không khí

AHUR



Thích hợp thiết bị xử lý không khí vào giải pháp tổng thể cho các không gian lớn như nhà máy và các cửa hàng có diện tích rộng.

## Các dàn lạnh dân dụng với kết nối đến bộ BP

Giấu trần nổi ống gió dạng mỏng

FDKS-EAVMB



FDKS-C(A)VMB



Thiết kế phẳng và mỏng thích hợp với trần mỏng

Treo tường

FTKJ-NVMW



FTKJ-NVMS



Mẫu mã thanh lịch với kiểu dáng Châu Âu

Treo tường

FTKS-DVM



FTKS-BVMA



Mặt nạ phẳng, thời trang tạo sự hài hòa với không gian nội thất.

## Thiết bị xử lý không khí

Hệ thống thông gió thu hồi nhiệt với dàn giãn nở trực tiếp và bộ tạo ẩm

VKM-GA(M)



Hệ thống thông gió thu hồi nhiệt

VAM-GJ







Cassette âm trần  
Đa hướng thổi có cảm biến

**Mới** FXFSQ-A

Round flow  
with sensing



Cassette âm trần  
(Đa hướng thổi)

**Mới** FXFQ-A

ROUND FLOW



**Mới** Mặt nạ trang trí đa dạng (Tùy chọn)

• Người thiết kế có nhiều sự lựa chọn hơn với các loại mặt nạ đa dạng.



- Trắng -

Chỉ dòng FXFSQ  
Mặt nạ tiêu chuẩn  
với cảm biến



- Đen -



- Trắng -

Mặt nạ thiết kế



- Trắng -

Mặt nạ tiêu chuẩn



- Đen -

**Mới** Mặt nạ thiết kế (Tùy chọn)

### Tiến đến phong cách hoàn hảo

Mặt nạ thiết kế mới

**PHẪNG**

Phong cách nổi bật:  
Lưới hời kết cấu  
bằng phẳng.

**SẠCH**

Mặt cắt thanh lịch:  
Vết bẩn khó nhìn thấy trên  
mặt nạ thông minh.

**ĐẸP**

Sự khác biệt tinh tế:  
Xung quanh miệng hời bạc là  
một đường bo tròn trang nhã.

Dãy sản phẩm mặt nạ (Tùy chọn)



Chỉ dòng FXFSQ

Mặt nạ tiêu chuẩn với cảm biến\*  
BYCQ125EEF (Trắng)



Mặt nạ tiêu chuẩn\*  
BYCQ125EAF (Trắng)



Mặt nạ thiết kế\*  
BYCQ125EAPF (Trắng)



Chỉ model FXFSQ

Mặt nạ tiêu chuẩn có cảm biến\*  
BYCQ125EEK (Đen)



Mặt nạ tiêu chuẩn\*  
BYCQ125EAK (Đen)

\*1. Tính năng cảm biến sẽ kích hoạt khi mặt nạ có cảm biến được lắp đặt.  
\*2. Những mặt nạ này không có tính năng cảm biến.



Mặt nạ lưới tự động\*  
BYCQ125EASF (Trắng)

## Thông số kỹ thuật

Cassette Âm Trần ( Đa Hướng Thổi Có Cảm Biến)

MODEL	FXFSQ25AVM	FXFSQ32AVM	FXFSQ40AVM	FXFSQ50AVM	FXFSQ63AVM	FXFSQ80AVM	FXFSQ100AVM	FXFSQ125AVM	FXFSQ140AVM	
Nguồn điện	1-pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz									
Công suất làm lạnh	Btu/h	9,600	12,300	15,400	19,100	24,200	30,700	38,200	47,800	54,600
	kW	2.8	3.6	4.5	5.6	7.1	9.0	11.2	14.0	16.0
Điện năng tiêu thụ	kW	0.028		0.035	0.038	0.061	0.092	0.144	0.170	0.194
Vỏ máy	Thép mạ kẽm									
Lưu lượng gió (5 cấp)	m <sup>3</sup> /phút	13/12.5/11.5/11/10	17/13.5/12.5/12/11	23/20.5/19/14.5/11	23.5/21/20/16/13.5	24.5/22/20.5/20/15	33.5/30.5/27/23.5/21	34.5/31.5/28.5/25.5/23	35.5/32.5/29.5/26.5/23	35.5/32.5/29.5/26.5/23
	cfm	459/441/406/388/353	600/477/441/424/388	812/724/671/512/388	830/741/706/565/477	865/777/724/706/530	1,183/1,077/953/830/741	1,218/1,121,006/900/812	1,253/1,147/1,041/935/812	1,253/1,147/1,041/935/812
Độ ồn (5 cấp)	dB(A)	30/29.5/28.5/28/27	35/29.5/29/28/27	38/35/34.5/29.5/27	38/36/35.5/31.5/28	39/37/36/35.5/31	44/41/38/35/33	45/42.5/39.5/37/35	46/43.5/40.5/38/35	
Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm	256x840x840						298x840x840		
Trọng lượng máy	kg	19			24	22		25	26	
	Ø kết nối	Lồng (Loe)	Ø 6.4			Ø 9.5		Ø 15.9		
	Hơi (Loe)	Ø 12.7			Ø 15.9		Ø 15.9			
	Nước xả	VP25 (Đường kính ngoài, 32 đường kính trong, 25)								

Cassette Âm Trần (Đa Hướng Thổi)

MODEL	FXFQ25AVM	FXFQ32AVM	FXFQ40AVM	FXFQ50AVM	FXFQ63AVM	FXFQ80AVM	FXFQ100AVM	FXFQ125AVM	FXFQ140AVM	
Nguồn điện	1-pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz									
Công suất làm lạnh	Btu/h	9,600	12,300	15,400	19,100	24,200	30,700	38,200	47,800	54,600
	kW	2.8	3.6	4.5	5.6	7.1	9.0	11.2	14.0	16.0
Điện năng tiêu thụ	kW	0.029		0.036	0.040	0.063	0.096	0.158	0.178	0.203
Vỏ máy	Thép mạ kẽm									
Lưu lượng gió (5 cấp)	m <sup>3</sup> /phút	13/12.5/11.5/11/10	17/13.5/13/12/11	18/17/13.5/12.5/11	21/20/16/15/13.5	22.5/21.5/21/20/15	32/29/26/23/21	33/30.5/28/25.5/21	35.5/32.5/29.5/26.5/23	35.5/32.5/29.5/26.5/23
	cfm	459/441/406/388/353	600/477/459/424/388	635/600/477/441/388	741/706/565/530/477	794/759/741/706/530	1,130/1,024/918/812/741	1,165/1,077/988/900/741	1,253/1,147/1,041/935/812	1,253/1,147/1,041/935/812
Độ ồn (5 cấp)	dB(A)	30/29.5/28.5/28/27	35/29.5/29/28/27	35/33.5/29.5/28.5/27	36/35.5/31.5/31/28	37/36.5/36/35.5/29.5	43/40.5/37.5/35/33	44/41.5/39/36.5/33	46/43.5/40.5/38/35	
Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm	256x840x840						298x840x840		
Trọng lượng máy	kg	19			22		25		26	
	Ø kết nối	Lồng (loe)	Ø 6.4			Ø 9.5		Ø 15.9		
	Hơi (loe)	Ø 12.7			Ø 15.9		Ø 15.9			
	Nước xả	VP25 (Đường kính ngoài, 32 đường kính trong, 25)								

Lưu ý: Các thông số kỹ thuật được đưa trên các điều kiện sau:

- Làm lạnh: Nhiệt độ trong phòng 27°CDB, 19.0°CWB; nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, Ống dẫn môi chất làm lạnh chiều dài tương đương 7.5 m, chênh lệch độ cao: 0m
- Công suất dàn lạnh chỉ để tham khảo. Công suất thực tế của dàn lạnh được đưa trên công suất danh định. (Xem thêm tài liệu Kỹ thuật để biết chi tiết.)
- Độ ồn: Giá trị quy đổi trong điều kiện phòng không dội âm. Vị trí đo phía dưới cách trung tâm máy 1.5m.
- Trong quá trình vận hành thực tế, các giá trị này thường hơi cao hơn do điều kiện môi trường xung quanh

Mặt nạ trang trí (Tùy chọn)

Mặt nạ tiêu chuẩn có cảm biến	Đa hướng thổi có cảm biến		Đa hướng thổi	
	FXFSQ-A		FXFQ-A	
Model	BYCQ125EEF (Trắng) / BYCQ125EEK (Đen)		—	
Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm		50x950x950	
Trọng lượng	kg		5.5	
Model	BYCQ125EAF (Trắng) / BYCQ125EAK (Đen)			
Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm			
Trọng lượng	kg			
Model	BYCQ125EAPF (Trắng)			
Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm			
Trọng lượng	kg			
Model	BYCQ125EASF (Trắng)			
Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm			
Trọng lượng	kg			

Các tính năng

	Có dây	Đa hướng thổi có cảm biến		Đa hướng thổi	
		FXFSQ-A		FXFQ-A	
Điều khiển từ xa	Không dây	BRC1E63	—	BRC1E63	—
Cảm biến kép **		—	BRC7M635F	—	BRC7M635F
Luồng gió trực tiếp **		○			
Chế độ dò cảm biến thấp **		○			
Chế độ tắt cảm biến **		○			
Luồng gió tuần hoàn		○		○	
Điều khiển hướng gió độc lập		○		○	
5 cấp tốc độ quạt		○	○	○	○
Luồng gió tự động		○	○	○	○
Đảo gió tự động		○	○	○	○
Lựa chọn kiểu đảo gió		○	○	○	○
Ứng dụng cho trần cao		○		○	

\*1. Áp dụng khi mặt nạ cảm biến được lắp đặt.





## Công Nghệ Cảm Biến Daikin<sup>\*1,2</sup>

Chỉ có dòng FXFSQ

Cassette âm trần (Đa hướng thổi có Cảm Biến)

Mới FXFSQ-A

### Cảm Biến Kép<sup>\*1</sup>

Cảm biến kép và điều khiển luồng gió độc lập giúp cho việc kiểm soát luồng gió tối ưu một cách tự động.

\*1. Áp dụng khi mặt nạ cảm biến (BYCQ125EEF/EEK) được lắp đặt.  
\*2. Áp dụng khi điều khiển từ xa có dây BRC1E63 được sử dụng.

#### Cảm biến nhận biết người bằng tia hồng ngoại

Cảm biến nhận biết có người ở một trong 4 khu vực.

Chiều cao trần nhà	2.7m	3.5m	4.0m
Khoảng cách nhận biết (đường kính) <sup>*3</sup>	Khoảng 8.5m	Khoảng 11.5m	Khoảng 13.5m

\*3. Cảm biến nhận biết người bằng tia hồng ngoại có thể nhận biết ở khoảng cách 80cm so với sàn nhà.

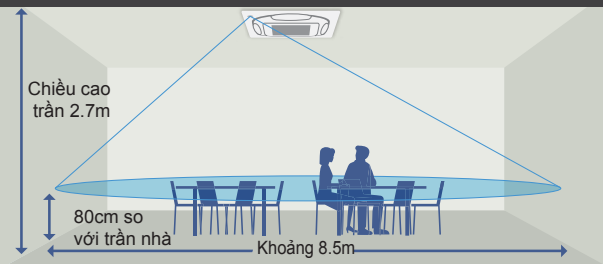
#### Cảm biến nhiệt sàn bằng tia hồng ngoại

Cảm biến nhận biết nhiệt độ sàn nhà và tự động điều chỉnh hoạt động dàn lạnh để giảm sự chênh lệch nhiệt độ giữa trần nhà và sàn nhà.

Chiều cao trần nhà	2.7m	3.5m	4.0m
Khoảng cách nhận biết (đường kính) <sup>*4</sup>	Khoảng 11m	Khoảng 14m	Khoảng 16m

\*4. Cảm biến hồng ngoại phát hiện ở bề mặt sàn.

#### Phạm vi tiêu chuẩn cho cảm biến nhận biết người bằng tia hồng ngoại \*



\*[Liên quan đến cảm biến nhận biết người bằng tia hồng ngoại]  
- Nhận biết người bằng các chuyển động mạnh như bước đi khi cách cảm biến ở một khoảng nhất định.  
- Cảm biến không thể nhận biết có người khi nằm trong các khu vực điểm mù.  
[Lưu ý khi sử dụng cảm biến sàn nhà bằng tia hồng ngoại]  
- Nhiệt độ nhận biết có thể bị ảnh hưởng bởi các nguồn nhiệt khác, cửa sổ hoặc các thiết bị phát nhiệt trong phạm vi nhận biết.

Đa hướng thổi có cảm biến

Nhận biết có người ở một trong 4 khu vực này

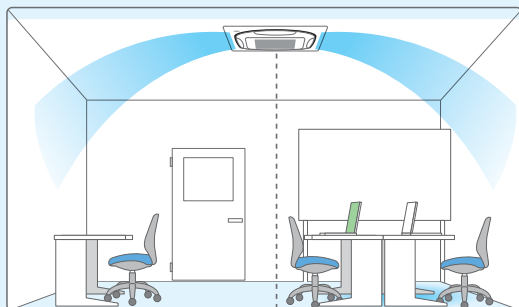
Nhận biết nhiệt độ trung bình của sàn nhà

### Chức năng luồng gió tự động<sup>\*5</sup>

\*5. Hướng gió nên được cài đặt ở chế độ "Tự động".

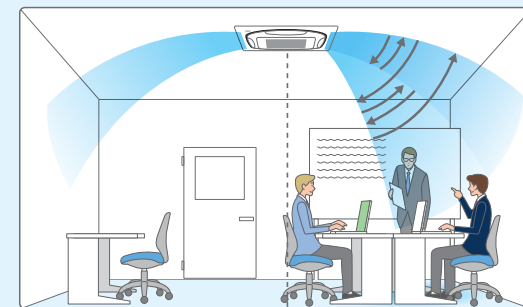
Mới Luồng gió trực tiếp (mặc định: TẮT) **Làm lạnh** **Khử ẩm**

#### Khi không phát hiện người



Hướng gió tối ưu bằng chế độ "Tự động"

#### Khi phát hiện có người



Hướng gió tối ưu bằng chế độ "Tự động" **Đào gió (hẹp)**

• Với chế độ hướng gió "Tự động", các miệng gió được điều khiển mang lại luồng gió tối ưu khi phòng không có người.

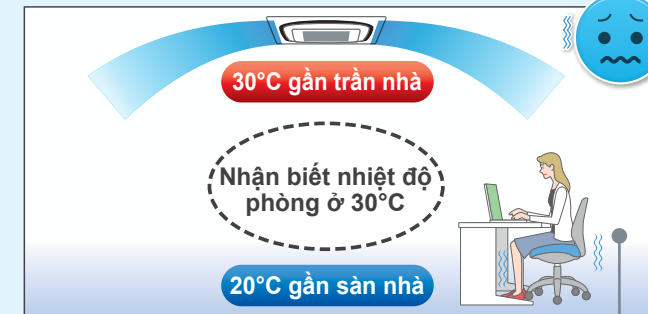
• Khi nhận biết có người, hướng gió chuyển sang cài đặt "Đào gió (hẹp)" để làm mát người dùng.

### Thoải mái và tiết kiệm năng lượng ngăn ngừa tình trạng quá lạnh/quá nóng<sup>\*6</sup>

\*6. Hướng gió và tốc độ gió nên được chỉnh ở chế độ "Tự động".

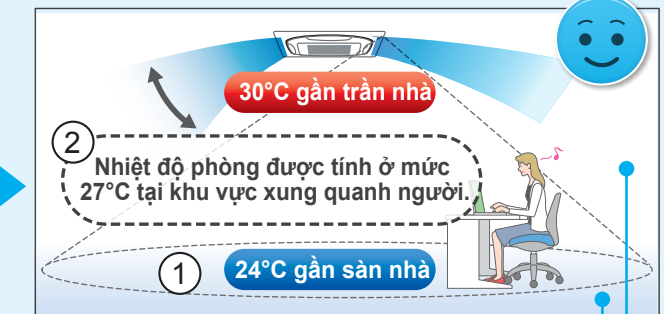
#### Nhận biết nhiệt độ sàn và ngăn ngừa tình trạng quá lạnh. **Làm lạnh**

Không có chức năng cảm biến



Khu vực xung quanh bàn chân trở nên quá lạnh bởi vì máy điều hòa tiếp tục vận hành cho đến khi trần nhà đạt nhiệt độ cài đặt.

Có chức năng cảm biến



Nhiệt độ sàn nhà thấp hơn nhiệt độ gần trần nhà được cảm biến nhận biết.

Điều khiển nhiệt độ tự động sử dụng nhiệt độ gần người như là nhiệt độ phòng.

Tiết kiệm năng lượng

Nhiệt độ gần người được tự động tính toán bằng cách nhận biết nhiệt độ sàn. Năng lượng sẽ được tiết kiệm do khu vực xung quanh chân không bị quá lạnh.

### Chức năng cảm biến nhiệt độ<sup>\*7,8,9</sup>

\*7. Áp dụng khi mặt nạ cảm biến (BYCQ125EEF/EEK) được sử dụng.  
\*8. Không có chức năng này khi sử dụng điều khiển nhòm.  
\*9. Người dùng có thể cài đặt những tính năng này bằng điều khiển từ xa.

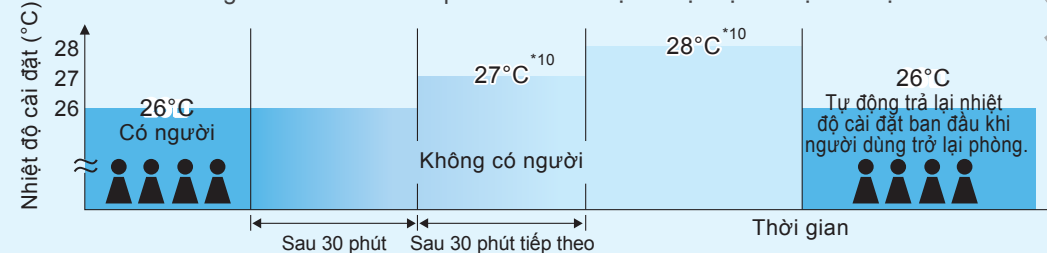
#### Chế độ cảm biến giảm nhiệt độ (mặc định: TẮT)

Khi không có người trong phòng, nhiệt độ cài đặt được tự động điều chỉnh.

- Hệ thống tự động tiết kiệm năng lượng bằng việc nhận biết phòng có người hay không. Nhiệt độ cài đặt được tự động điều chỉnh khi phòng không có người.

Giảm hoạt động ở những nơi không có người.

Ví dụ • Nhiệt độ cài đặt làm lạnh: 26°C • Biên độ nhiệt điều chỉnh: 1.0°C  
• Thời gian điều chỉnh: 30 phút • Giới hạn nhiệt độ cài đặt làm lạnh: 30°C



Nếu người dùng không trở lại phòng, máy điều hòa sẽ tăng nhiệt độ thêm 1°C cứ mỗi 30 phút và sau đó sẽ hoạt động ở nhiệt độ 30°C.

Biên độ nhiệt và thời gian có thể được lựa chọn từ 0.5 đến 4°C với mức tăng 0.5°C và thời gian tương ứng 15, 30, 45, 60, 90 hoặc 120 phút tương ứng bằng điều khiển từ xa.

\*10. Trên màn hình tùy chỉnh của điều khiển từ xa, nhiệt độ cài đặt không thay đổi.

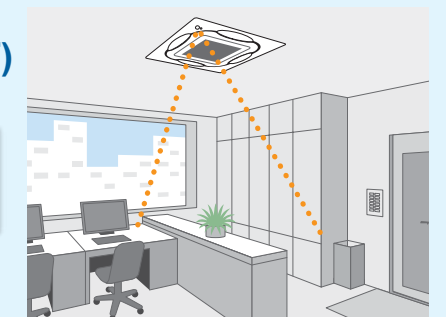
#### Chế độ cảm biến ngưng hoạt động (mặc định: TẮT)

Khi không có người trong phòng, hệ thống tự động ngưng hoạt động.<sup>\*11,12</sup>

- Hệ thống tự động tiết kiệm năng lượng bằng cách nhận biết phòng có người hay không.  
- Dựa trên điều kiện sử dụng được cài đặt sẵn, hệ thống tự động ngưng hoạt động nếu phòng không có người.

Thời gian ngưng hoạt động khi không có người có thể tùy chọn từ 1 đến 24 giờ với mức lũy tiến 1 giờ bằng điều khiển từ xa.

\*11. Lưu ý rằng khi người dùng trở lại phòng, máy điều hòa sẽ không tự động bật lại.  
\*12. Để bảo vệ máy, hệ thống có thể tạm thời ngưng hoạt động ở chế độ dừng chờ.



### New Luồng Gió Tuần Hoàn\*1

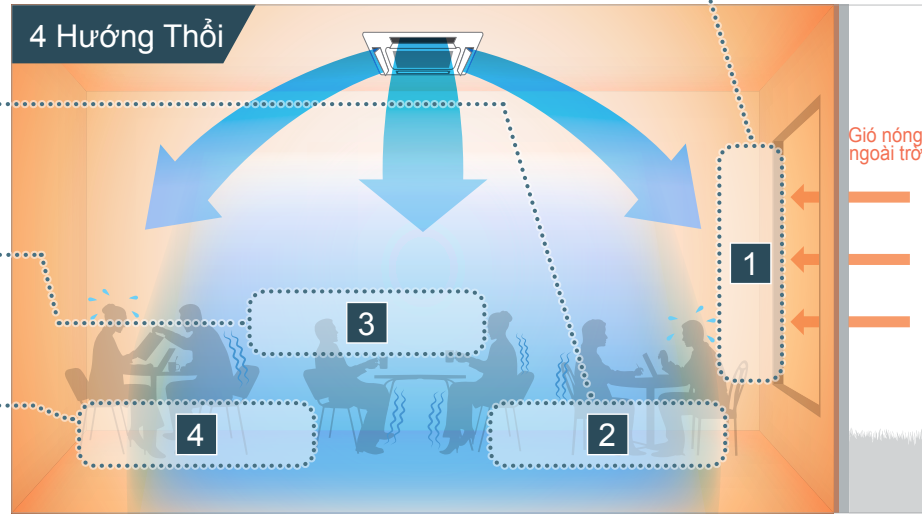
\*1. Áp dụng khi sử dụng điều khiển từ xa BRC1E63.

#### Luồng gió hiện tại

tạo ra các khu vực quá lạnh hoặc không đủ mát.



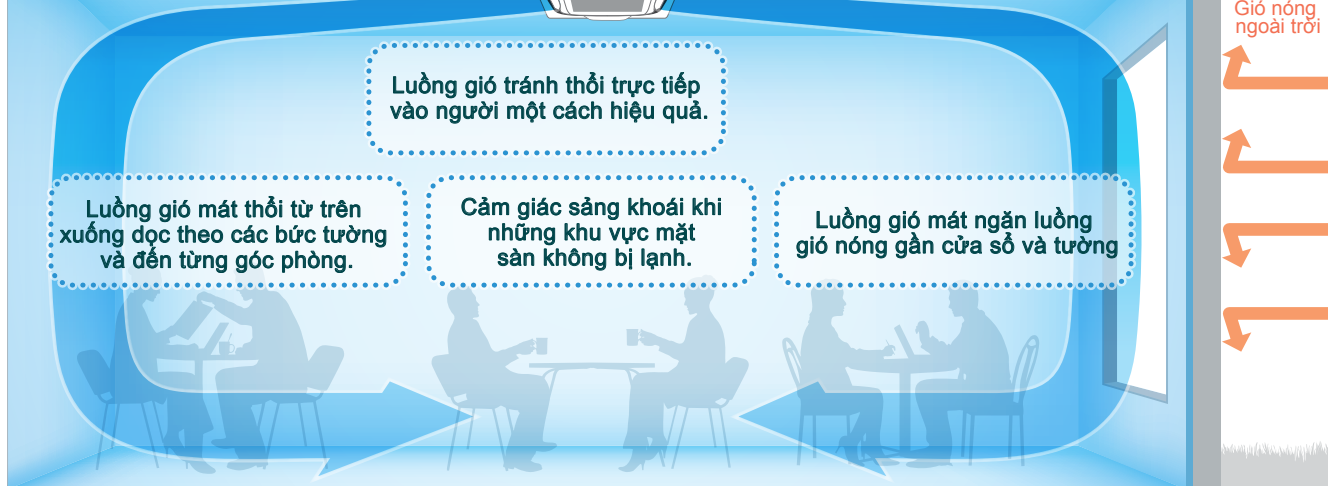
- Vấn đề 1**  
Gió nóng bên ngoài đi vào phòng theo các cửa sổ và tường làm cho khu vực này nóng lên.
- Vấn đề 2**  
Luồng gió lạnh chỉ tập trung ở bên dưới tạo ra những khu vực lạnh trên mặt sàn.
- Vấn đề 3**  
Luồng gió thổi trực tiếp vào người tạo cảm giác không thoải mái cho người ở trong phòng.
- Vấn đề 4**  
Luồng gió lạnh giảm nhanh gây ra hiện tượng không đủ lạnh ở các góc phòng.



#### Luồng gió tuần hoàn làm mát toàn bộ căn phòng mang lại cảm giác sảng khoái mà không cảm thấy lạnh.

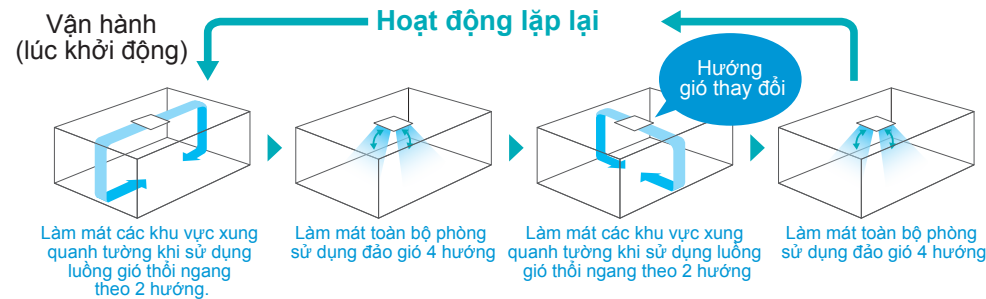


##### Trong lúc thổi gió ngang theo 2 hướng



#### Cách hoạt động của luồng gió tuần hoàn

Làm mát toàn bộ căn phòng mang lại cảm giác sảng khoái mà không cảm thấy lạnh.



Khi đạt đến nhiệt độ cài đặt, chế độ vận hành bình thường (thổi đa hướng) bắt đầu.

Ghi chú: Các kết quả có thể khác nhau tùy theo điều kiện thiết bị, kích thước phòng và khoảng cách từ dàn lạnh đến tường.

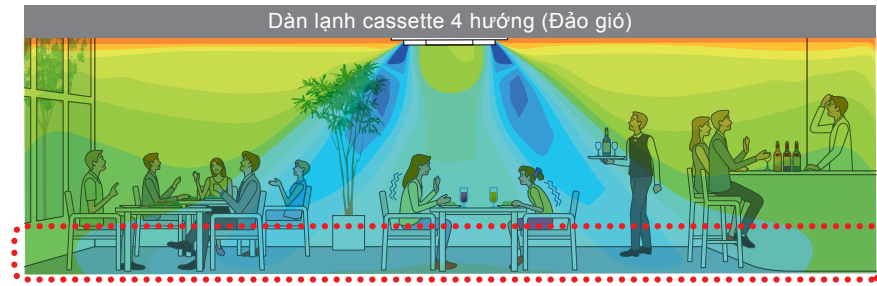
Cassette âm trần (Đa hướng thổi có cảm biến)

Mới FXFSQ-A

Cassette âm trần (Đa hướng thổi)

Mới FXFQ-A

#### Mang lại sự thoải mái khắp phòng với nhiệt độ ổn định và không có khu vực quá lạnh ở mặt sàn



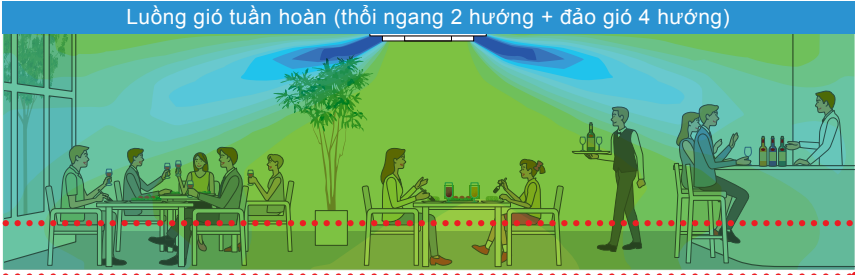
- Các điều kiện so sánh:**
- Kích thước phòng: Rộng 7.5m x Dài 7.5m x Cao 2.6m
  - Công suất dàn lạnh: 8.0kW
  - Nhiệt độ ngoài trời: 35°C
  - Lưu lượng gió và hướng gió: cao/ đảo gió

Những khu vực ở mặt sàn thì lạnh trong khi những khu vực xung quanh tường thì nóng.

Tiết kiệm năng lượng khoảng 5% bằng cách ổn định nhiệt độ\*2

\*2. Tính toán theo những điều kiện sau: Khi nhiệt độ trung bình ở độ cao 0.6m so với mặt sàn thì sẽ đạt đến nhiệt độ cài đặt (26°C)

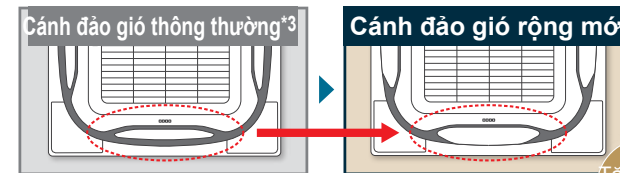
Sự thoải mái tối đa và không bị lạnh ở bàn chân.



#### Ba công nghệ tạo ra luồng gió tuần hoàn

##### 1 Sử dụng cánh đảo gió rộng mới (Thẳng)

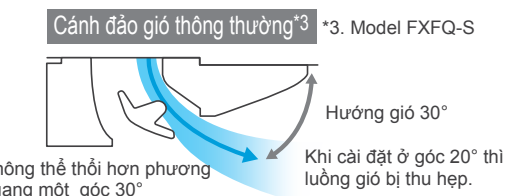
Với cánh đảo gió loại mới lớn hơn, quỹ đạo gió thổi thẳng hơn.



**Cấu trúc cánh đảo gió rộng ngăn bụi bẩn và bụi trần.**  
Bằng cách thu hẹp hai đầu cánh đảo gió, luồng gió gây ra bụi trần được hướng xuống dưới.

##### 2 Tối ưu góc thổi gió (Phương ngang)

Góc thổi gió theo phương ngang nhiều hơn.

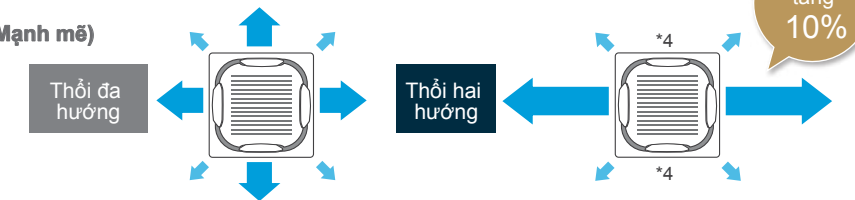


Không thể thổi hơn phương ngang một góc 30°  
Hướng gió 30°  
Khi cài đặt ở góc 20° thì luồng gió bị thu hẹp.  
Hướng gió 20°  
Luồng gió 20° được tạo ra.

##### 3 Tăng vận tốc thổi 2 hướng (Mạnh mẽ)

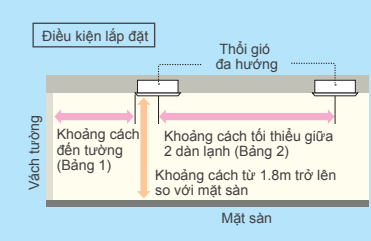
Vận tốc tăng lên nhờ thổi 2 hướng. Luồng gió thổi mạnh được tạo ra.

\*4.2 cửa gió còn lại được điều khiển bằng cách thay đổi hướng (góc) cánh đảo gió để chặn lưu lượng gió thổi ra 2 cửa gió này.



#### Những điều cần nhớ khi sử dụng luồng gió tuần hoàn

- Các điểm chính khi sử dụng**
- Hiệu quả có thể khác nhau tùy theo điều kiện phòng, kích thước phòng và khoảng cách đến tường.
  - Sự thổi gió có thể khác khi sử dụng mặt nạ thở trang (Sự thổi gió thay đổi lặp đi lặp lại từ thổi ngang 3 hướng thành thổi 4 hướng từ trên xuống (đảo gió) đến thổi 2 hướng theo phương ngang và thổi 4 hướng từ trên xuống (đảo gió)).
  - Luồng gió tuần hoàn hoạt động khi kết nối với điều khiển từ xa có dây (BRC1E63). Tuy nhiên, không thể sử dụng trong các điều kiện sau:
    - Khi sử dụng tấm chắn miệng gió và ống gió nhánh;
    - Khi lựa chọn cài đặt luồng gió đơn;
    - Khi sử dụng điều khiển nhóm ngoài từ luồng gió thổi đa hướng.



[Bảng 1] Khoảng cách từ dàn lạnh đến tường.

Công suất dàn lạnh	FXF(S)Q 25-50	FXF(S)Q 63/80	FXF(S)Q 100-140
Khoảng cách tối đa	1.5m-4m	1.5m-5m	1.5m-7m

[Bảng 2] Khoảng cách tối thiểu giữa các dàn lạnh

Công suất dàn lạnh	FXF(S)Q 25-50	FXF(S)Q 63/80	FXF(S)Q 100-140
Khoảng cách tối đa	tối thiểu 4m	tối thiểu 5m	tối thiểu 7m



### Mới Điều Khiển Hướng Gió Độc Lập\*

\*1. Áp dụng khi sử dụng điều khiển từ xa BRC1E63.

Điều hòa không khí thoải mái cho tất cả các cách bố trí phòng và điều kiện khác nhau.

Hướng gió có thể được điều chỉnh riêng cho mỗi miệng gió để đạt sự phân phối gió tối ưu nhất.

Cài đặt dễ dàng với điều khiển từ xa có dây.

Màn hình điều khiển từ xa

Gắn các miệng gió có các ký hiệu nhận biết.

Vị trí 0 (Luồng gió cố định ở vị trí cao nhất)



#### Các cài đặt độc lập cho luồng gió

- Không cài đặt đơn (Luồng gió tự động)
- Vị trí 0 (Điểm cao nhất)
- Vị trí 1
- Vị trí 2
- Vị trí 3
- Vị trí 4 (Điểm thấp nhất)
- Đào gió

Các cài đặt độc lập có thể thiết lập như nêu trên.

Khi luồng gió độc lập được lựa chọn, hướng gió có thể được điều chỉnh theo cách bố trí phòng.

#### Đối với văn phòng

Những cuộc họp gần cửa sổ nóng sẽ "tăng nhiệt" nhanh chóng.

Ở đây lạnh quá nhỉ?...

Thảo luận nhẹ nhàng, cởi mở.

Thật thoải mái khi không bị gió lạnh thổi thẳng vào người.

Đào gió  
Đào gió được cài đặt cho các cuộc họp gần cửa sổ.

Vị trí 0  
Luồng gió ở cài đặt cao nhất (Vị trí 0) cho những người không thích gió thổi trực tiếp vào người.

#### Đối với cửa hàng và nhà hàng

Ngồi ở đây thì nóng vì gió nóng từ bên ngoài thổi vào.

Chỗ ngồi ở đây thì lại thoải mái...

Đào gió  
Đào gió được lựa chọn cho những khu vực gần cửa sổ.

Không cài đặt đơn (Tự động)  
Chế độ tự động được cài đặt cho người ngồi xa nhất so với cửa ra vào.

Cassette âm trần (Đa hướng thổi có cảm biến)

Mới FXFSQ-A

Cassette âm trần (Đa hướng thổi)

Mới FXFQ-A

## Những Tính Năng Khác

### Tiện nghi

### Luồng Gió 360° & Những Loại Luồng Gió Có Thể Lựa Chọn

Dàn lạnh cung cấp luồng gió 360° với mọi hướng bởi sự phân bố nhiệt độ đồng đều. Bởi vì luồng gió thoát ra ở các góc mặt nạ sẽ càng tiện nghi hơn.

Những kiểu luồng

Có tổng cộng 18 kiểu luồng.

Thổi đa hướng

(Ví dụ: Máy được lắp đặt ở giữa trần)  
Cũng có thể thổi 4 hướng.

Thổi 3 hướng

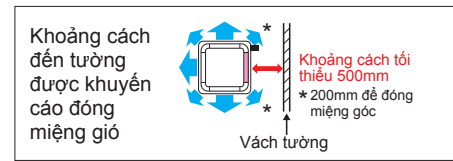
(Ví dụ: Máy được lắp đặt gần tường)

Thổi 2 hướng hình chữ L

(Ví dụ: Máy được lắp đặt ở trong góc)

Thổi 2 hướng đối diện

(Ví dụ: Máy được lắp đặt trong phòng dài)



Lưu ý:

- Kiểu mặt nạ được sử dụng dành cho tất cả các kiểu thổi. Nếu lắp đặt các kiểu khác ngoài kiểu thổi đa hướng, cần sử dụng tấm chắn miệng gió (phụ kiện tùy chọn) để che các miệng gió không sử dụng.
- Độ ồn tăng khi sử dụng thổi 2 hướng hoặc 3 hướng.
- Mặt nạ thời trang không thể thổi 2 hướng và 3 hướng.

### Tiện lợi và thoải mái tối ưu từ 3 chế độ đảo gió

Hướng gió	Cài đặt tiêu chuẩn <sup>1</sup>	Cài đặt ngăn gió lùa (cài đặt tại chỗ)	Cài đặt chống bắn trần <sup>2</sup> (cài đặt tại chỗ)
Hướng gió theo ý muốn	Sử dụng khi cần gió nhẹ.	Khi không thích gió lùa.	Khuyến khích sử dụng cho các cửa hàng có trần nhà màu sáng cần giữ sạch.
Đào gió tự động			
Cài đặt hướng thổi 5 mức độ			
Điều khiển hướng thổi tự động		Hướng gió được cài đặt tự động đến vị trí đã được ghi nhớ của vị trí trước đó.	

Chú ý:

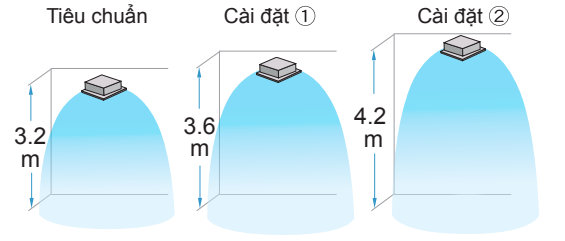
- Hướng thổi được cài đặt ở vị trí chuẩn khi dàn lạnh được giao từ nhà máy. Vị trí này có thể thay đổi bằng điều khiển từ xa.
- Nên đóng các miệng gió ở góc dàn lạnh.

### Tốc độ quạt có thể thay đổi: 5 bước và tự động

Việc điều khiển lưu lượng gió đã được tăng từ 3 bước đến 5 bước. Chức năng lưu lượng gió tự động là chức năng mới ở loại dàn lạnh này.

### Thích hợp với các trần nhà cao

Ngay cả khi trong những không gian trần nhà cao, luồng gió vẫn được điều chỉnh thổi xuống mặt sàn.



Khi chế độ thổi đa hướng được chọn, gió vẫn có thể thổi được đến các trần nhà ở độ cao 4.2m (FXF(S)Q100-140A)

■ Chiều cao trần nhà tiêu chuẩn và số lượng miệng gió (Chiều cao trần chỉ là các giá trị tham khảo)

Chiều cao trần nhà	Tiêu chuẩn	Số lượng miệng gió được sử dụng							
		FXF(S)Q25-80A				FXF(S)Q100-140A			
		Thổi đa hướng	Thổi 4 hướng	Thổi 3 hướng	Thổi 2 hướng	Thổi đa hướng	Thổi 4 hướng	Thổi 3 hướng	Thổi 2 hướng
Trần cao ①	3.0 m	3.4 m	3.3 m	3.8 m	3.6 m	3.9 m	4.0 m	4.2 m	
Trần cao ②	3.5 m	4.0 m	3.5 m	—	4.2 m	4.5 m	4.2 m	—	

Chú ý:

- Những giá trị nêu trên dành cho các mặt nạ tiêu chuẩn. Vui lòng xem hướng dẫn cài đặt cho các mặt nạ thời trang.
- Cài đặt của nhà máy dành cho chiều cao trần nhà tiêu chuẩn và luồng gió thổi đa hướng.
- Các cài đặt cho trần nhà cao mức (1) và (2) được cài đặt tại chỗ bằng điều khiển từ xa
- Các bộ lọc hiệu suất cao không có trong các ứng dụng trần nhà cao.

## Lắp đặt nhanh chóng và dễ dàng

### Gọn nhẹ

Tất cả các model đều có thể lắp đặt mà không cần sử dụng thiết bị nâng đỡ

### Có thể lắp đặt trong không gian trần hẹp

Mặt nạ tiêu chuẩn

256 mm (25-80A)	261 mm (25-80A)
298 mm (100-140A)	303 mm (100-140A)

Mặt nạ thiết kế

256 mm	261 mm	+42 mm <sup>*1</sup>
298 mm	303 mm	
42 mm <sup>*1</sup>		

\*1. Chiều cao thân máy (Chiều cao trần yêu cầu) tăng 42mm so với mặt nạ tiêu chuẩn.

Mặt nạ lưới tự động

256 mm	261 mm	+55 mm <sup>*2</sup>
298 mm	303 mm	
55 mm <sup>*2</sup>		

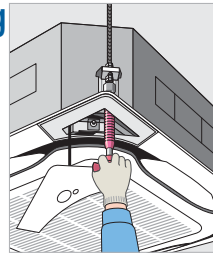
\*2. Chiều cao thân máy (Chiều cao trần yêu cầu) tăng 42mm so với mặt nạ tiêu chuẩn.

\* Khi không gian trần nhà hạn chế thì có thể lựa chọn sử dụng đệm mặt nạ (xem trang 87).

### Điều chỉnh độ cao dễ dàng

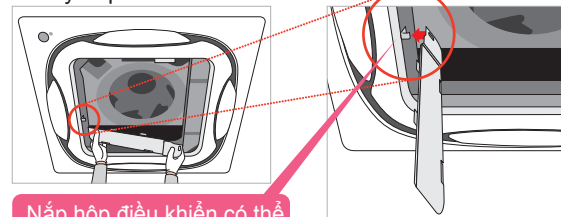
Mỗi góc máy đều có một vít điều chỉnh giúp cho việc điều chỉnh độ cao áp trần của máy trở nên dễ dàng.

Lưu ý:  
Nếu có lắp đặt điều khiển từ xa thì một bộ thu tín hiệu sẽ được đặt ở một trong các vít điều chỉnh này.



### Gắn tạm thời nắp hộp điều khiển

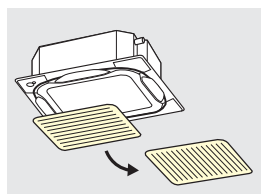
Nắp hộp điều khiển có thể gắn tạm thời trên dàn lạnh, không cần phải leo xuống thang để lấy nắp.



Nắp hộp điều khiển có thể treo vào móc khi tháo ra

### Lắp đặt ở bất kỳ vị trí nào

Vì hướng của lưới hút gió có thể điều chỉnh sau khi lắp đặt nên có thể chỉnh đồng nhất khe của hướng lưới khi lắp đặt nhiều dàn



### Treo dễ dàng

Các tấm cố định vòng đệm giúp giữ cố định vòng đệm và ngăn vòng đệm rơi xuống, giúp việc lắp đặt dễ dàng



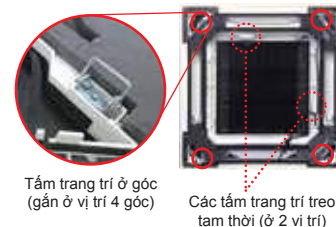
### Tháo nắp đậy góc dễ dàng

Có thể dễ dàng tháo nắp đậy góc mà không cần sử dụng vít hoặc công cụ.



### Dễ dàng gắn tạm thời mặt nạ trang trí

Bên cạnh các tấm trang trí gắn tạm thời ở 2 vị trí thường sử dụng, các tấm trang trí gấp ở 4 góc cũng được cung cấp.

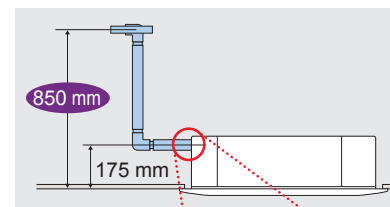


Tấm trang trí ở góc (gắn ở vị trí 4 góc)

Các tấm trang trí treo tạm thời (ở 2 vị trí)

### Bơm nước xả

Bơm nước xả được trang bị như phụ kiện tiêu chuẩn của máy với độ nặng 850 mm

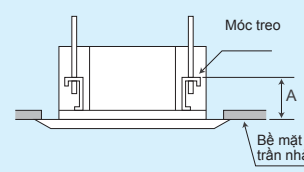


### Đầu nối ống nước xả trong suốt



### Điều chỉnh độ cao móc treo

Vì cấu trúc dầm treo thay đổi, các kích thước từ trần nhà đến dầm treo cũng thay đổi khi điều chỉnh độ cao từng dàn lạnh.



Kích thước	
Mặt nạ tiêu chuẩn	125-130mm
Mặt nạ thiết kế	167-172mm
Mặt nạ lưới tự động	180-185mm
Tùy chọn khoảng* + mặt nạ tiêu chuẩn	175-180mm

\*Phin lọc hiệu suất cao, phin lọc siêu bền và cửa lấy gió sạch

Cassette âm trần (Đa hướng thổi có cảm biến)

Mới FXFSQ-A

Cassette âm trần (Đa hướng thổi)

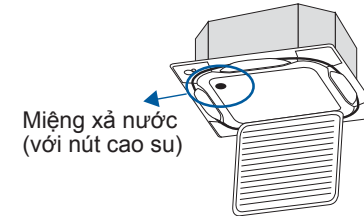
Mới FXFQ-A

### Dễ dàng bảo dưỡng

#### Tình trạng máng nước xả và nước xả

Có thể kiểm tra tình trạng của máng nước xả và nước xả bằng cách mở nút nước xả và lưới hút gió.

Chú ý: Đối với các yêu cầu liên quan đến việc lắp đặt mặt nạ lưới tự động, vui lòng liên hệ với đại lý bán hàng địa phương hoặc đại diện Daikin.



Miệng xả nước (với nút cao su)

Chỉ cần mở lưới hút gió!

#### Miệng thoát nước 24mm

Miệng thoát nước cho phép đưa một ngón tay hoặc một tấm gương nha khoa vào để kiểm tra máng nước xả có sạch không. Tháo lưới hút gió để có thể tiếp xúc miệng xả nước.



#### Mặt nạ lưới tự động (tùy chọn)

Việc vệ sinh lưới và phin lọc gió có thể được thực hiện mà không cần sử dụng thang leo bằng cách hạ độ cao lưới.

Điều khiển từ xa chuyên dụng cho mặt nạ lưới tự động (BRC16A2) được bao gồm trong máy. Không thể thực hiện được thao tác này với điều khiển BRC1E63.

Mức giảm độ cao tương ứng với độ cao trần nhà và có thể cài đặt với 8 mức độ khác nhau.

Tiêu chuẩn độ cao trần nhà (m)	Mức giảm độ cao
2.4	1.2
2.7	1.6
3.0	2.0
3.5	2.4
3.8	2.8
4.2	3.1
4.5	3.5
5.0*	3.9

\*Phạm vi luồng gió là 4.5m. Vui lòng tham khảo "các tiêu chuẩn độ cao trần nhà và số lượng miệng gió" ở trang 25.



#### Phin lọc siêu bền (tùy chọn)

Xem trang 87

Không cần bảo dưỡng khi sử dụng trong các cửa hàng thông thường hoặc văn phòng trong thời gian lên đến bốn năm.

### Sạch sẽ

#### Máng nước xả ion bạc kháng khuẩn

Phương pháp kháng khuẩn được tích hợp trong dàn lạnh, sử dụng ion bạc trong máng nước xả để ngăn sự phát triển của các chất nhờn, vi khuẩn, nấm mốc gây ra mùi hôi và tắc nghẽn. (Tuổi thọ của ống ion bạc phụ thuộc vào môi trường sử dụng, nhưng 2 đến 3 năm nên thay một lần.)



#### Cánh đảo gió không có gờ

Các cánh đảo gió có thể được tháo rời mà không cần dùng công cụ. Tránh hiện tượng bắn bám vào cánh đảo gió. Dễ dàng vệ sinh.



#### Phin lọc được xử lý kháng khuẩn và chống mốc

Ngăn mốc và các vi sinh phát triển từ bụi và hơi ẩm bám vào bộ lọc



## Cassette âm trần (4 hướng thổi nhỏ gọn) FXZQ-M

Thiết kế nhỏ gọn và hoạt động êm mang lại tiện nghi cho người sử dụng.

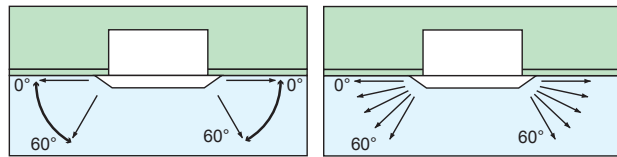


• Luồng gió thoải mái

### 1 Hướng cánh gió rộng: 0°-60°C

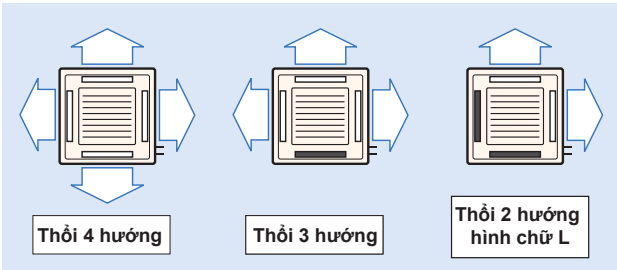
• Tự động đảo gió

• Góc thổi cố định: 5 cấp độ



\* Các góc điều chỉnh cũng có thể cài đặt ở công trường để tránh hút khí (0°-35°) hay làm bẩn trần (25°-60°), ngoài việc cài đặt tiêu chuẩn (0°-60°).

### 2-, 3-, 4 hướng thổi sẵn có, có thể được lắp đặt ở góc phòng.

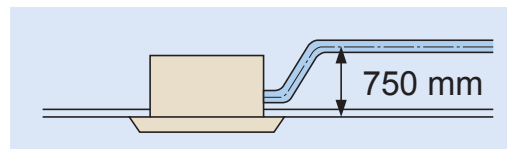


\* Đối với kiểu 3 hoặc 2 hướng thổi, phải sử dụng tấm chắn miệng thổi (tùy chọn) để che các cửa thổi không dùng đến.

• Độ ồn thấp

• Kích thước 600 mm x 600 mm phù hợp với đặc tính để thiết kế kiến trúc trần.

• Bơm nước xả được trang bị phụ kiện tiêu chuẩn với độ cao 750 mm.



## Thông số kỹ thuật

MODEL	FXZQ20MVE	FXZQ25MVE	FXZQ32MVE	FXZQ40MVE	FXZQ50MVE	
Nguồn điện	1-pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz					
Công suất làm lạnh	Btu/h	7,500	9,600	12,300	15,400	19,100
	kW	2.2	2.8	3.6	4.5	5.6
Điện năng tiêu thụ	kW	0.073		0.076	0.089	0.115
Vỏ máy	Thép mạ kẽm					
Lưu lượng gió (Cao/Thấp)	m³/phút	9/7		9.5/7.5	11/8	14/10
	cfm	318/247		335/265	388/282	493/353
Độ ồn (Cao/Thấp)	230 V, 50 Hz-240 V, 50 Hz	30/25-32/26		32/26-34/28	36/28-37/29	41/33-42/35
Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm	286x575x575				
Trọng lượng máy	kg	18				
Ống kết nối	Lồng (loe)	φ6.4				
	Hơi (loe)	φ12.7				
	Ống xả	VP20 (đường kính ngoài, 26 đường kính trong, 20)				
Mặt nạ (Tùy chọn)	Model	BYFQ60B3W1				
	Màu	Trắng (6.5Y9.5/0.5)				
	Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm	55x700x700			
	Trọng lượng	kg	2.7			

Lưu ý: Các thông số kỹ thuật được dựa trên các điều kiện sau:

- Làm lạnh: Nhiệt độ trong phòng 27°C DB, 19.0°C WB; nhiệt độ ngoài trời 35°C DB, Ống dẫn môi chất làm lạnh chiều dài tương đương 7.5 m, chênh lệch độ cao: 0m
- Công suất dàn lạnh chỉ để tham khảo. Công suất thực tế của dàn lạnh được dựa trên công suất danh định. (Xem thêm tài liệu Kỹ thuật để biết chi tiết.)
- Độ ồn: Giá trị quy đổi trong điều kiện phòng không đối âm. Vị trí đo phía dưới cách trung tâm máy 1.5m.

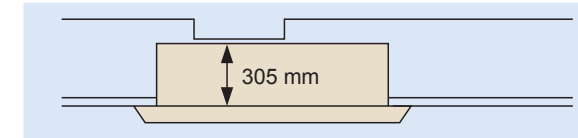
Trong quá trình vận hành thực tế, các giá trị này thường hơi cao hơn do điều kiện môi trường xung quanh

## Cassette âm trần ( Hai hướng thổi) FXCQ-M

Mỏng, nhẹ và dễ dàng lắp đặt ở không gian trần hẹp



• Máy mỏng (chỉ cao 305 mm) thích hợp lắp đặt cho các không gian trần hẹp khoảng 350 mm. Các loại công suất đều được thiết kế nhỏ gọn với cùng chiều rộng 600 mm.



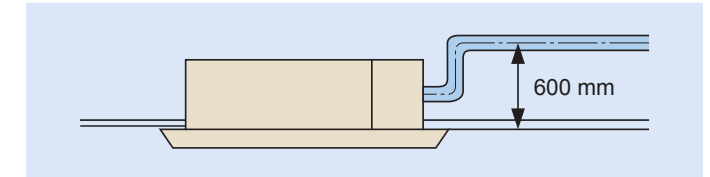
(Khi kết hợp thêm bộ lọc hiệu suất cao, chiều cao máy là 400 mm.)

• Độ ồn vận hành thấp

• Lưu lượng gió lớn hơn thích hợp với trần nhà cao đến 3 m.

• Với hai chế độ cài đặt khác nhau Tiêu chuẩn và Chống bẩn trần, cơ cấu cánh đảo gió tự động giúp phân phối gió và nhiệt độ đều khắp phòng.

• Bơm nước xả được lắp sẵn với độ nâng đường ống lên đến 600 mm.



• Hai loại bộ lọc hiệu suất cao tùy chọn sẵn có (65% và 95%, phương pháp màu).

• Bộ lọc tuổi thọ cao (bảo trì sau 1 năm\*) là phụ kiện tiêu chuẩn.

\*8 giờ/ngày, 25 ngày/tháng. Cho nồng độ bụi là 0.15 mg/m³

• Công việc bảo trì chủ yếu được thực hiện bằng cách tháo rời mặt nạ xuống. Mặt nạ hút gió phẳng, dạng rời rất dễ lau chùi.

## Thông số kỹ thuật

MODEL	FXCQ20MVE	FXCQ25MVE	FXCQ32MVE	FXCQ40MVE	FXCQ50MVE	FXCQ63MVE	FXCQ80MVE	FXCQ125MVE	
Nguồn điện	1-pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz								
Công suất làm lạnh	Btu/h	7,500	9,600	12,300	15,400	19,100	24,200	30,700	47,800
	kW	2.2	2.8	3.6	4.5	5.6	7.1	9.0	14.0
Điện năng tiêu thụ	kW	0.077	0.092	0.092	0.130	0.130	0.161	0.209	0.256
Vỏ máy	Thép mạ kẽm								
Lưu lượng gió (Cao/Thấp)	m³/phút	7/5	9/6.5	9/6.5	12/9	12/9	16.5/13	26/21	33/25
	cfm	247/177	318/230	318/230	424/318	424/318	582/459	918/741	1,165/883
Độ ồn (Cao/Thấp)	220 V	32/27	34/28	34/28	34/29	34/29	37/32	39/34	44/38
	240 V	34/29	36/30	36/30	37/32	37/32	39/34	41/36	46/40
Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm	305x775x600	305x775x600	305x775x600	305x990x600	305x990x600	305x1,175x600	305x1,665x600	305x1,665x600
Trọng lượng máy	kg	26.0	26.0	26.0	31.0	32.0	35.0	47.0	48.0
Ống kết nối	Lồng (loe)	φ6.4							
	Hơi (loe)	φ12.7							
	Ống xả	VP25 (đường kính ngoài, 32đ đường kính trong, 25)							
Panel (Option)	Model	BYBC32G-W1			BYBC50G-W1			BYBC63G-W1	BYBC125G-W1
	Màu	Trắng (10Y9/0.5)							
	Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm	53x1,030x680	53x1,030x680	53x1,030x680	53x1,245x680	53x1,245x680	53x1,430x680	53x1,920x680
	Trọng lượng	kg	8.0	8.0	8.0	8.5	8.5	9.5	12.0

Lưu ý: Các thông số kỹ thuật được dựa trên các điều kiện sau:

- Làm lạnh: Nhiệt độ trong phòng 27°C DB, 19.0°C WB; nhiệt độ ngoài trời 35°C DB, Ống dẫn môi chất làm lạnh chiều dài tương đương 7.5 m, chênh lệch độ cao: 0m
- Công suất dàn lạnh chỉ để tham khảo. Công suất thực tế của dàn lạnh được dựa trên công suất danh định. (Xem thêm tài liệu Kỹ thuật để biết chi tiết.)
- Độ ồn: Giá trị quy đổi trong điều kiện phòng không đối âm. Vị trí đo phía dưới cách trung tâm máy 1.5m.

Trong quá trình vận hành thực tế, các giá trị này thường hơi cao hơn do điều kiện môi trường xung quanh

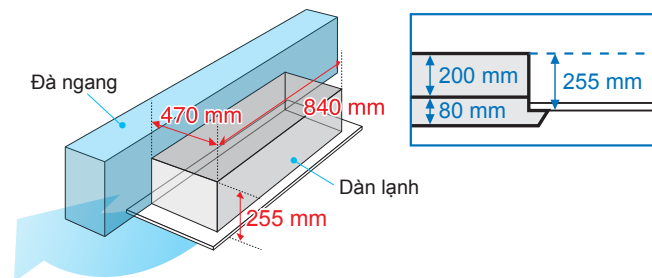
## Cassette Âm Trần (1 Hướng Thổi)

Mới FXEQ-A

### Thiết kế mỏng cho lắp đặt linh hoạt hơn



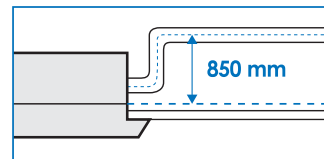
- Dàn lạnh được thiết kế gọn nhẹ với chiều cao 200mm và chiều sâu 470mm, giúp dễ dàng lắp đặt cho trần hẹp



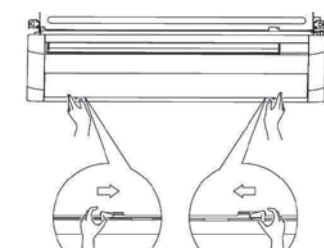
- Thiết kế mặt nạ phẳng và trơn giúp khó bám bụi, do đó làm sạch dễ dàng hơn.



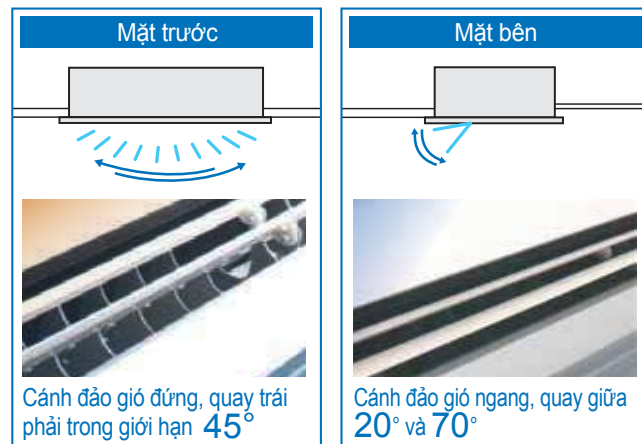
- Bơm nước xả tiêu chuẩn với độ nâng 850 mm.



- Bảo trì các bộ phận phổ biến như hộp điều khiển v.v... được thực hiện dễ dàng với việc tháo mặt nạ phía đường hồi.



- Cánh đảo gió ngang và đứng có thể điều chỉnh bằng điều khiển từ xa, mang luồng gió 3 chiều đến mọi góc phòng.



- 5 cấp độ gió cùng chế độ vận hành yên tĩnh giúp mang lại luồng gió dễ chịu.
- Dàn lạnh với quạt và bơm nước xả có động cơ DC không chỉ gia tăng hiệu suất năng lượng mà còn giảm độ ồn và độ rung khi máy hoạt động.
- Không chỉ tạo ra vẻ ấm cúng cho căn phòng, dàn lạnh còn có khả năng chống làm bẩn khu vực trần xung quanh bằng cách điều chỉnh các cánh hướng dòng.



### Điều khiển từ xa mới (Tùy chọn)

#### Điều khiển từ xa không dây

- Thiết kế mới mang lại sự hài lòng cho khách hàng.
- Màu trắng sáng
- Phím bấm thân thiện với người dùng với các tính năng mới như điều khiển 2 cánh đảo gió, tốc độ gió 5 cấp, luồng gió tự động.
- Tính năng đèn nền giúp vận hành dễ dàng trong phòng tối.



BRC4M63

Đèn nền LED



Màn hình điều khiển LCD với đèn nền sáng, dễ dàng sử dụng trong bóng tối.

#### Điều khiển điều hướng từ xa (Điều khiển từ xa có dây)

- Các tính năng mới như điều khiển 2 cánh đảo gió, tốc độ gió 5 cấp, luồng gió tự động có thể được điều chỉnh bằng điều khiển từ xa có dây mới này.



BRC1F61



### Thông số kỹ thuật

MODEL	FXEQ20AV36	FXEQ25AV36	FXEQ32AV36	FXEQ40AV36	FXEQ50AV36	FXEQ63AV36	
Nguồn điện	1-pha, 220-240 V, 50 Hz						
Công suất làm lạnh	Btu/h	7,500	9,600	12,300	15,400	19,100	24,200
	kW	2.2	2.8	3.6	4.5	5.6	7.1
Công suất định mức	20						
Điện năng tiêu thụ	kW						
Vỏ máy	Thép mạ kẽm						
	Lưu lượng gió (5 cấp)	m <sup>3</sup> /Phút	6.0/5.4/4.9/4.4/4.0	6.9/6.4/5.8/5.3/4.8	8.0/7.5/7.0/6.3/5.5	9.8/8.8/7.8/7.0/6.2	12.5/11.4/10.4/9.5/8.7
Độ ồn (5 cấp)	cfm	212/191/173/155/141	244/226/205/187/169	282/265/247/222/194	346/311/275/247/219	441/402/367/335/307	530/480/431/388/346
	dB(A)	30/29/28/27/26	32/31/30/29/28	35/34/33/32/30	38/37/35/33/31	38/37/35/33/31	43/41/39/37/35
Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm						
Trọng lượng máy	200x840x470			200x1,240x470			
	kg	17			18		23
Ống kết nối	Lòng (loe)	ø 6.4				ø 9.5	
	Hơi (loe)	ø 12.7				ø 15.9	
	Nước xả	PVC26 (đường kính ngoài, 26 đường kính trong, 20)					
Mặt nạ (Tùy chọn)	Model	BYEP40AW1			BYEP63AW1		
	Màu sắc	Trắng					
	Kích thước (CaoxRộngxDày)	80x950x550			80x1,350x550		
	Trọng lượng	kg			8.0		10.0

Lưu ý: Các thông số kỹ thuật được đưa ra trên các điều kiện sau:  
 • Làm lạnh: Nhiệt độ trong phòng 27°C DB, 19.0°C WB; nhiệt độ ngoài trời 35°C DB, Ống dẫn môi chất làm lạnh chiều dài tương đương 7.5 m, chênh lệch độ cao: 0m  
 • Công suất làm lạnh chỉ để tham khảo. Công suất thực tế của dàn lạnh được dựa trên công suất danh định. (Xem thêm tài liệu Kỹ thuật để biết chi tiết.)  
 • Độ ồn: Giá trị quy đổi trong điều kiện phòng không dội âm. Vị trí đo phía dưới cách trung tâm máy 1m.

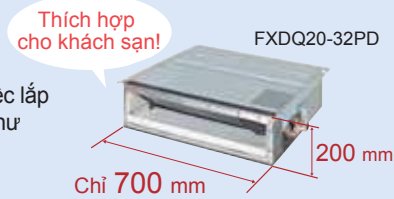


## Giấu Trần Nối Ống Gió Dạng Mỏng (Loại Tiêu Chuẩn) **Mới** FXDQ-PD / ND

Kiểu dáng mảnh, hoạt động êm và áp suất tĩnh có thể thay đổi được

### Thích hợp cho trần giạt cấp!

- Với 700mm chiều rộng, trọng lượng 23kg, đây là kiểu dàn lạnh hoàn hảo cho việc lắp đặt không gian hẹp như trần giạt cấp trong khách sạn.



- Có thể lựa chọn tốc độ gió 3 bước và tự động. Tự động kiểm soát tốc độ gió khi kết nối với bộ điều khiển từ xa có dây BRC1E63.

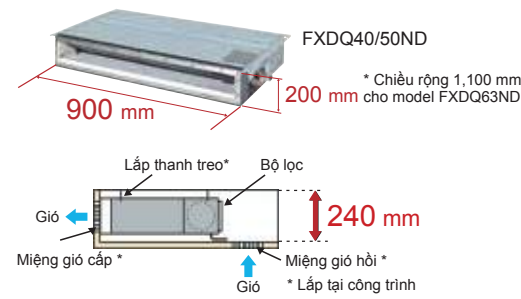
- Độ ồn thấp.

- Dàn lạnh trở nên tiện nghi và linh hoạt khi áp suất tĩnh ngoài có thể điều chỉnh bằng điều khiển từ xa.

- 10 Pa-30 Pa/cài đặt nhà máy;
- 10 Pa đối với models FXDQ-PD.
- 15 Pa-44 Pa/cài đặt nhà máy;
- 15 Pa đối với models FXDQ-ND.

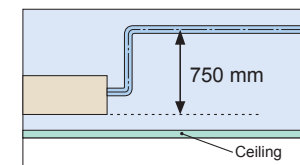


- Chỉ với 200mm chiều dày, kiểu dàn lạnh mới này có thể lắp đặt trong không gian trần chỉ có 240mm.



- Gồm hai loại FXDQ-PD và FXDQ-ND đều có 2 loại, phù hợp với các điều kiện lắp đặt khác nhau.

FXDQ-PD/NDVE: bơm nước xả được lắp sẵn (độ nâng đường ống 750 mm)  
FXDQ-PD/NDVET: không có bơm nước xả.



## Thông số kỹ thuật

MODEL	Cổ bơm		FXDQ20PDVE	FXDQ25PDVE	FXDQ32PDVE	FXDQ40NDVE	FXDQ50NDVE	FXDQ63NDVE
	Không có bơm		FXDQ20PDVET	FXDQ25PDVET	FXDQ32PDVET	FXDQ40NDVET	FXDQ50NDVET	FXDQ63NDVET
Nguồn điện	1-pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz							
Công suất làm lạnh	Btu/h	7,500	9,600	12,300	15,400	19,100	24,200	
	kW	2.2	2.8	3.6	4.5	5.6	7.1	
Điện năng tiêu thụ (FXDQ-PDVE)*1	kW	0.086	0.086	0.089	0.160	0.165	0.181	
	kW	0.067	0.067	0.070	0.147	0.152	0.168	
Điện năng tiêu thụ (FXDQ-PDVET)*1	kW	0.067	0.067	0.070	0.147	0.152	0.168	
Vỏ máy	Thép mạ kẽm							
Lưu lượng gió (RấtCao/Cao/Thấp)	m³/phút	8.0/7.2/6.4	8.0/7.2/6.4	8.0/7.2/6.4	10.5/9.5/8.5	12.5/11.0/10.0	16.5/14.5/13.0	
	cfm	282/254/226	282/254/226	282/254/226	371/335/300	441/388/353	583/512/459	
Áp suất tĩnh ngoài	Pa	30-10 *2						44-15 *2
Độ ồn (RấtCao/Cao/Thấp) *1*3	dB(A)	28/26/23		28/26/24	30/28/26	33/30/27	33/31/29	
Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm	200x700x620	200x700x620	200x700x620	200x900x620	200x900x620	200x1,100x620	
Trọng lượng máy	kg	23	23	23	27	28	31	
Ống kết nối	Lông (loe)	φ6.4						φ9.5
	Hơi (loe)	φ12.7						φ15.9
	Nước xả	VP20 (đường kính ngoài, 26 đường kính trong, 20)						

Ghi chú: Thông số kỹ thuật dựa trên các điều kiện sau:

- Làm lạnh: Nhiệt độ trong phòng: 27°CDB, 19°CWB, Nhiệt độ ngoài trời: 35°CDB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m.
- Công suất dàn lạnh chỉ để tham khảo. Công suất thực của dàn lạnh dựa vào tổng chỉ số công suất. (Tham khảo tài liệu kỹ thuật để biết thêm chi tiết.)
- Độ ồn: Giá trị quy đổi trong điều kiện không dội âm, được đo tại điểm cách 1.5 m hướng xuống từ tâm dàn lạnh. Trong quá trình máy hoạt động thực tế, những giá trị trên có thể cao hơn do ảnh hưởng của điều kiện xung quanh.
- \*1: Giá trị dựa trên các điều kiện sau: FXDQ-PD: Áp suất tĩnh ngoài 10 Pa; FXDQ-ND: Áp suất tĩnh ngoài 15 Pa.
- \*2: Áp suất tĩnh ngoài có thể thay đổi bằng cách cài đặt trên remote, áp suất này nghĩa là "Áp suất tĩnh cao - Tiêu chuẩn" (Cài đặt tại nhà máy là 10 Pa đối với model FXDQ-PD và 15 Pa đối với model FXDQ-ND.)
- \*3: Trị số độ ồn dựa ra trên đây dùng cho trường hợp hồi phía sau. Trong trường hợp hồi dưới đây có thể được tính toán bằng cách cộng thêm 5 dB(A)

## Giấu trần nối ống gió dạng mỏng (Loại nhỏ gọn) FXDQ-SP

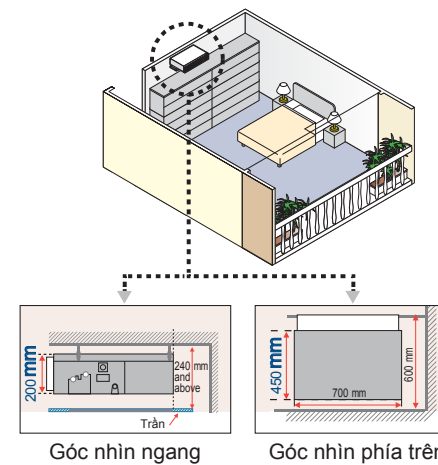
Thiết kế mỏng, nhỏ gọn, dễ dàng và linh hoạt trong việc lắp đặt.



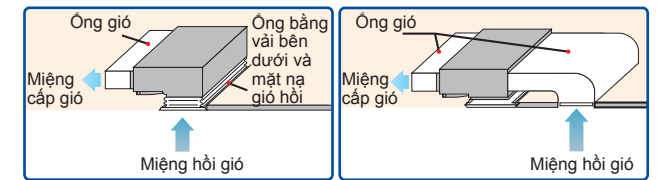
- Thiết kế mỏng, nhỏ gọn với chiều cao chỉ 200 mm, kiểu dàn lạnh này thích hợp cho việc lắp đặt ở những không gian trần có khoảng cách nhỏ khoảng 240 mm giữa trần giạt cấp và vách trần trong phòng. Chiều ngang của dàn lạnh chỉ 450 mm rất phù hợp lắp đặt những không gian trên trần bị giới hạn.



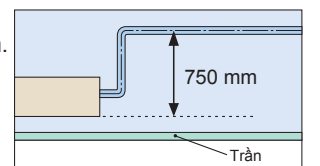
\*Đối với các model FXDQ20-32SP



- Có thể sử dụng 2 kiểu gió hồi - Hồi trần hoặc hồi bằng đường ống gió để phù hợp với các điều kiện lắp đặt khác nhau.



- Có sẵn bơm nước xả với độ nâng nước xả lên đến 750 mm.



## Thông số kỹ thuật

MODEL	FXDQ20SPV1		FXDQ25SPV1		FXDQ32SPV1		FXDQ40SPV1		FXDQ50SPV1		FXDQ63SPV1	
	Không có bơm		Không có bơm		Không có bơm		Không có bơm		Không có bơm		Không có bơm	
Nguồn điện	1-pha, 220-240 V, 50 Hz											
Công suất làm lạnh	Btu/h	7,500	9,600	12,300	15,400	19,100	24,200					
	kW	2.2	2.8	3.6	4.5	5.6	7.1					
Điện năng tiêu thụ *1	kW	0.072	0.075	0.078	0.180	0.180	0.196					
	kW	0.072	0.075	0.078	0.180	0.180	0.196					
Vỏ máy	Thép mạ kẽm											
Lưu lượng gió (RấtCao/Cao/Thấp)	m³/phút	8.7/7.6/6.5	9.0/8.0/7.0	10.0/9.0/8.0	15.0/13.0/10.5	20.0/16.0/12.5						
	cfm	307/268/229	318/282/247	353/318/282	530/459/371	706/565/441						
Áp suất tĩnh ngoài	Pa	30-10 *2						50-20 *2	40-20 *2			
Độ ồn (HH/H/L) *1*3	dB(A)	33/31/29			34/32/30		35/33/31		37/35/33			
Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm	200x700x450					200x900x450		200x1,100x450			
Trọng lượng máy	kg	17					20		23			
Ống kết nối	Lông (loe)	φ6.4										φ9.5
	Hơi (loe)	φ12.7										φ15.9
	Nước xả	VP20 (đường kính ngoài, 26 đường kính trong, 20)										

Ghi chú: Thông số kỹ thuật dựa trên các điều kiện sau:

- Làm lạnh: Nhiệt độ trong phòng: 27°CDB, 19°CWB /Nhiệt độ ngoài trời: 30°C, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m.
- Công suất dàn lạnh chỉ để tham khảo. Công suất thực của dàn lạnh dựa vào tổng chỉ số công suất. (Tham khảo tài liệu kỹ thuật để biết thêm chi tiết.)
- Độ ồn: Giá trị quy đổi trong điều kiện không dội âm, được đo tại điểm cách 1.5 m hướng xuống từ tâm dàn lạnh. Trong quá trình máy hoạt động thực tế, những giá trị trên có thể cao hơn do ảnh hưởng của điều kiện xung quanh.
- \*1: Giá trị dựa trên các điều kiện sau: FXDQ20-32SP: Áp suất tĩnh ngoài 10 Pa; FXDQ40-63SP: Áp suất tĩnh ngoài 20 Pa.
- \*2: Áp suất tĩnh ngoài có thể thay đổi bằng cách cài đặt trên remote, áp suất này nghĩa là "Áp suất tĩnh cao - Tiêu chuẩn" (Cài đặt tại nhà máy là 10 Pa đối với model FXDQ20-32SP và 20 Pa đối với model FXDQ40-63SP.)
- \*3: Trị số độ ồn dựa ra trên đây dùng cho trường hợp hồi phía sau. Trong trường hợp hồi dưới đây có thể được tính toán bằng cách cộng thêm 5 dB(A).

## Giấu Trần Nổi Ống Gió Áp Suất Tĩnh Trung Bình

Mới FXSQ-PA

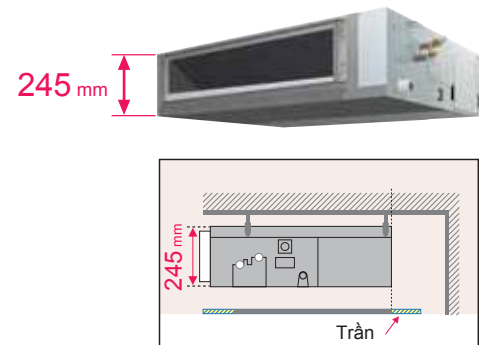
Áp suất tĩnh ngoài trung bình và thiết kế mỏng cho phép linh hoạt hơn trong lắp đặt.



### Lắp đặt linh hoạt

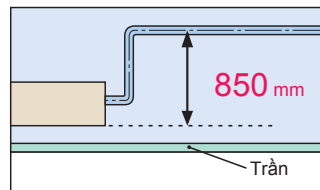
#### Thiết kế mỏng

- Với chiều cao chỉ 245 mm, kiểu dàn lạnh có thể lắp đặt ở những tòa nhà có không gian trần hẹp.



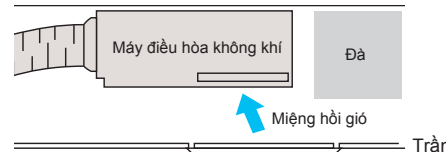
#### Bơm nước xả tiêu chuẩn DC

- Có sẵn bơm nước xả với độ nâng nước xả 850 mm.



#### Gió có thể hồi dưới đáy

- Gió hồi đáy tạo điều kiện thuận lợi cho công việc lắp đặt và bảo trì. Dây điện kết nối và công việc sửa chữa các hộp điện điều khiển có thể được thực hiện từ bên dưới máy với một miếng chắn tùy chọn cho mặt cạnh \*, do đó có thể mở rộng thêm không gian trống cho lắp đặt trên trần.



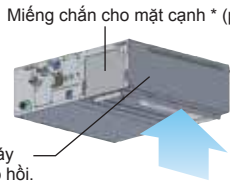
- Hướng gió hồi có thể thay đổi từ phía sau xuống phía dưới đáy.

#### Hồi phía sau



#### Hồi phía dưới đáy

Miếng chắn cho mặt cạnh \* (phụ kiện tùy chọn)

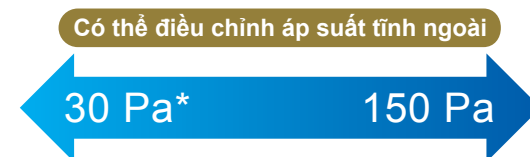


\*Yêu cầu thêm một phụ kiện miếng chắn cho mặt cạnh nếu cần thiết thực hiện kết nối dây điện và sửa chữa hộp điện điều khiển từ bên dưới dàn lạnh. Phụ kiện tùy chọn này chỉ có sẵn cho các mode FXSQ20-125P.

### Thiết kế linh hoạt

#### Có thể điều chỉnh áp suất tĩnh ngoài

- Sử dụng một động cơ quạt DC, áp suất tĩnh ngoài có thể được điều khiển trong giới hạn 30 Pa\* đến 150 Pa.



Cài đặt áp suất tĩnh thấp khi ống gió ngắn

Cài đặt áp suất tĩnh cao khi cần thiết ưu tiên cho sử dụng ống gió dài và bộ giảm âm.

Đạt được luồng gió theo yêu cầu, đáp ứng với các điều kiện chiều dài ống gió.

- \*30 Pa-150 Pa đối với FXSQ20-40PAVE
- 50 Pa-150 Pa đối với FXSQ50-125PAVE
- 50 Pa-140 Pa đối với FXSQ140PAVE

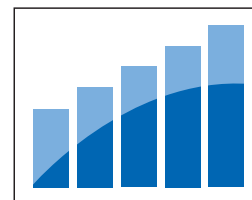
### Tiện nghi

#### Có thể thay đổi lưu lượng gió

- Có thể điều khiển lưu lượng gió ở 3 mức.

#### Lưu lượng gió tự động

- 5 mức lưu lượng gió được điều khiển tự động dựa trên sự chênh lệch giữa nhiệt độ phòng và nhiệt độ cài đặt. Điều khiển lưu lượng gió tự động có thể được cài đặt bằng điều khiển từ xa có dây BRC1E63.



#### Độ ồn thấp

FXSQ-PAVE	20/25	32	40	50	63
Độ ồn (Cao/Trung Bình/Thấp)	33/30/28	34/32/30	36/33/30	34/32/29	36/32/29

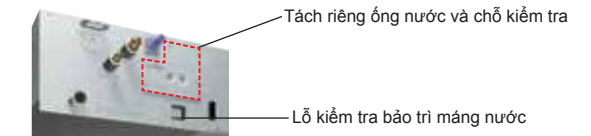
  

FXSQ-PAVE	80	100	125	140
Độ ồn (Cao/Trung Bình/Thấp)	37.5/34/30	39/35/32	42/38.5/35	43/40/36



### Đễ dàng bảo trì

- Việc kiểm tra và làm sạch được thuận lợi hơn nhờ vào việc tách riêng ống nước và chỗ kiểm tra, lỗ kiểm tra bảo trì máng nước.



- Máng nước xả được xử lý bằng một lớp ion bạc kháng khuẩn, ngăn ngừa sự phát triển của nấm mốc và vi khuẩn gây tắc nghẽn và mùi hôi. (Tuổi thọ của ống ion bạc tùy thuộc và điều kiện sử dụng, nhưng cần được thay thế hai hoặc ba năm 1 lần)



### Đễ dàng lắp đặt

Tính năng tự động điều chỉnh lưu lượng gió

- Trong khi lắp đặt hoặc ngay cả khi áp suất tĩnh ngoài thay đổi do sự thay đổi đường đi của ống gió, lưu lượng gió có thể được tự động điều chỉnh trong giới hạn áp suất tĩnh bên ngoài của dàn lạnh.
- Lưu lượng gió có thể được điều chỉnh bằng điều khiển từ xa trong quá trình chạy kiểm tra. Lưu lượng này có thể được điều chỉnh tự động trong giới hạn khoảng +/- 10% của mức gió cao.

### Thông số kỹ thuật

MODEL	FXSQ20PAVE	FXSQ25PAVE	FXSQ32PAVE	FXSQ40PAVE	FXSQ50PAVE	
Nguồn điện	1-pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz					
Công suất làm lạnh	Btu/h	7,500	9,600	12,300	15,400	19,100
	kW	2.2	2.8	3.6	4.5	5.6
Điện năng tiêu thụ	kW	0.058 *1	0.058 *1	0.066 *1	0.101 *1	0.075 *1
Vỏ máy	Thép mạ kẽm					
Lưu lượng gió (Cao/Trung Bình/Thấp)	m <sup>3</sup> /phút	9/7.5/6.5	9/7.5/6.5	9.5/8/7	15/12.5/10.5	17/14.5/11.5
	cfm	318/265/230	318/265/230	335/282/247	530/441/371	600/512/406
Áp suất tĩnh ngoài	Pa	30-150 (50)*2				
Độ ồn (Cao/Trung Bình/Thấp)	dB(A)	33/30/28		34/32/30	36/33/30	34/32/29
Kích thước (CaoxRộngxDây)	mm	245x550x800		245x700x800	245x1,000x800	
Trọng lượng máy	kg	25		27	35	
Ống kết nối	Lồng (loe)	φ 6.4				
	Hơi (loe)	φ 12.7				
	Nước xả	VP25 (đường kính ngoài, 32 đường kính trong, 25)				

MODEL	FXSQ63PAVE	FXSQ80PAVE	FXSQ100PAVE	FXSQ125PAVE	FXSQ140PAVE	
Nguồn điện	1-pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz					
Công suất làm lạnh	Btu/h	24,200	30,700	38,200	47,800	54,600
	kW	7.1	9.0	11.2	14.0	16.0
Điện năng tiêu thụ	kW	0.106 *1	0.126 *1	0.151 *1	0.206 *1	0.222 *1
Vỏ máy	Thép mạ kẽm					
Lưu lượng gió (Cao/Trung Bình/Thấp)	m <sup>3</sup> /phút	21/17.5/14.5	23/19.5/16	32/27/22.5	37/31.5/26	39/33.5/28
	cfm	741/618/512	812/688/565	1,130/953/794	1,306/1,112/918	1,377/1,183/988
Áp suất tĩnh ngoài	Pa	50-150 (50)*2				
Độ ồn (Cao/Trung Bình/Thấp)	dB(A)	36/32/29	37.5/34/30	39/35/32	42/38.5/35	43/40/36
Kích thước (CaoxRộngxDây)	mm	245x1,000x800		245x1,400x800		245x1,550x800
Trọng lượng máy	kg	35	37	46	47	52
Ống kết nối	Lồng (loe)	φ 9.5				
	Hơi (loe)	φ 15.9				
	Nước xả	VP25 (đường kính ngoài, 32 đường kính trong, 25)				

Lưu ý: Các đặc tính kỹ thuật dựa trên các điều kiện sau đây:  
 \*Làm lạnh: Nhiệt độ trong nhà: 27°CDB, 19°CWB /Nhiệt độ ngoài trời: 30°C, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m.  
 \*Công suất dàn lạnh để tham khảo. Công suất thực của dàn lạnh dựa vào tổng chỉ số công suất (tham khảo tài liệu kỹ thuật để biết thêm chi tiết).  
 \*Độ ồn: Giá trị được đo trong phòng cách âm tại vị trí dưới tầm máy 1.5m. Khi hoạt động những giá trị này sẽ cao hơn do các điều kiện môi trường xung quanh.  
 1: Giá trị điện năng tiêu thụ là giá trị khi lưu lượng gió là tối đa tại vị trí áp suất tĩnh ngoài tối đa.  
 \*2: Ngoại áp suất tĩnh có thể bị thay đổi bằng cách sử dụng điều khiển từ xa ở mức điều khiển mười ba (FXSQ20-40PA), mười một (FXSQ50-125PA) hoặc mười (FXSQ140P) mức điều khiển. Các giá trị này cho thấy mức áp suất tĩnh cao nhất và thấp nhất. Áp suất tĩnh chuẩn là 50 Pa.

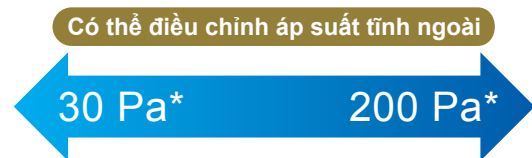


## Giấu Trần Nối Ống Gió Hồi Sau

Mới FXMQ-PA / MA

### Áp suất tĩnh cao và trung bình cho phép thiết kế ống gió linh hoạt

- Động cơ quạt một chiều mở rộng dải áp suất tĩnh ngoài của dàn lạnh từ mức trung bình đến cao, tăng tính linh hoạt trong thiết kế.



Cài đặt áp suất tĩnh thấp khi ống gió ngắn

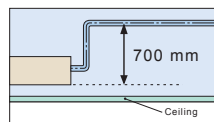
Cài đặt áp suất tĩnh cao khi cần thiết ưu tiên cho sử dụng ống gió dài và bộ giảm âm.

Đạt được luồng gió thoải mái theo yêu cầu, đáp ứng với các điều kiện chiều dài ống gió.

- \*30 Pa-100 đối với FXMQ20P-32PA
- \*30 Pa-160 đối với FXMQ40PA
- \*50 Pa-200 đối với FXMQ50PA-125PA
- \*50 Pa-140 đối với FXMQ140PA

- Tất cả các model có độ dày chỉ 300 mm và trọng lượng của các model FXMQ40-140PA đều giảm.

- Bơm nước xả được lắp sẵn với độ nâng đường ống là 700 mm.



- Có thể lựa chọn tốc độ gió theo 3 cấp độ hoặc tự động. Điều khiển lưu lượng gió tự động có thể được cài đặt bằng điều khiển từ xa có dây BRC1E63.

- Độ ồn thấp

- Hiệu suất năng lượng

- Động cơ quạt DC giúp vận hành tiết kiệm năng lượng

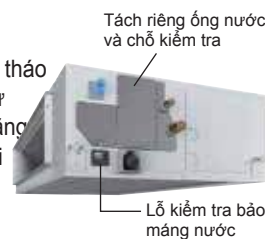
- Dễ dàng lắp đặt

- Lưu lượng gió có thể được điều chỉnh bằng điều khiển từ xa trong khi vận hành thử, lưu lượng gió được điều chỉnh tự động trong khoảng ±10% của mức gió cao đối với FXMQ20P-125P.



- Dễ dàng bảo trì

- Máng nước xả dễ dàng được tháo lắp để vệ sinh. Máng nước sử dụng một lớp kháng khuẩn bằng ion bạc, có tác dụng chống lại sự phát triển của rêu mốc, nguyên nhân gây tắc và han rỉ máng nước.



- Máng nước xả được xử lý bằng một lớp ion bạc kháng khuẩn, ngăn ngừa sự phát triển của nấm mốc và vi khuẩn gây tắc nghẽn và mùi hôi. (Tuổi thọ của ống ion bạc tùy thuộc và điều kiện sử dụng, nhưng cần được thay thế ba năm một lần).



### Thông số kỹ thuật

MODEL	FXMQ20PAVE	FXMQ25PAVE	FXMQ32PAVE	FXMQ40PAVE	FXMQ50PAVE
Nguồn điện	1-pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz				
Công suất làm lạnh	Btu/h	7,500	9,600	12,300	15,400
	kW	2.2	2.8	3.6	4.5
Điện năng tiêu thụ	kW	0.056 *1	0.056 *1	0.060 *1	0.151 *1
Vỏ máy	Thép mạ kẽm				
Lưu lượng gió (Rất cao/Cao/Thấp)	m³/phút	9/7.5/6.5	9/7.5/6.5	9.5/8/7	16/13/11
	cfm	318/265/230	318/265/230	335/282/247	565/459/388
Áp suất tĩnh ngoài	Pa	30-100 (50)*2	30-100 (50)*2	30-100 (50)*2	30-160 (100)*2
Độ ồn (Rất cao/Cao/Thấp)	dB(A)	33/31/29	33/31/29	34/32/30	39/37/35
Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm	300x550x700	300x550x700	300x550x700	300x700x700
Trọng lượng máy	kg	25	25	25	27
Ống kết nối	Lồng (loe)	φ 6.4	φ 6.4	φ 6.4	φ 6.4
	Hơi (loe)	φ 12.7	φ 12.7	φ 12.7	φ 12.7
	Nước xả	VP25 (đường kính trong, 32 đường kính ngoài, 25)			

MODEL	FXMQ63PAVE	FXMQ80PAVE	FXMQ100PAVE	FXMQ125PAVE	FXMQ140PAVE
Nguồn điện	1-pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz				
Công suất làm lạnh	Btu/h	24,200	30,700	38,200	47,800
	kW	7.1	9.0	11.2	14.0
Điện năng tiêu thụ	kW	0.138 *1	0.185 *1	0.215 *1	0.284 *1
Vỏ máy	Thép mạ kẽm				
Lưu lượng gió (Rất cao/Cao/Thấp)	m³/phút	19.5/17.5/16	25/22.5/20	32/27/23	39/33/28
	cfm	688/618/565	883/794/706	1,130/953/812	1,377/1,165/988
Áp suất tĩnh ngoài	Pa	50-200 (100)*2	50-200 (100)*2	50-200 (100)*2	50-140 (100)*2
Độ ồn (Rất cao/Cao/Thấp)	dB(A)	42/40/38	43/41/39	43/41/39	44/42/40
Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm	300x1,000x700	300x1,000x700	300x1,400x700	300x1,400x700
Trọng lượng máy	kg	35	35	45	45
Ống kết nối	Lồng (loe)	φ 9.5	φ 9.5	φ 9.5	φ 9.5
	Hơi (loe)	φ 15.9	φ 15.9	φ 15.9	φ 15.9
	Nước xả	VP25 (đường kính trong, 32 đường kính ngoài, 25)			

Lưu ý: Các đặc tính kỹ thuật dựa trên các điều kiện sau đây:  
 • Làm lạnh: Nhiệt độ trong nhà: 27°CDB, 19°CWB, Nhiệt độ ngoài trời: 35°CDB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m.  
 • Công suất dàn lạnh để tham khảo. Công suất thực của dàn lạnh dựa vào tổng chỉ số công suất. (tham khảo tài liệu kỹ thuật để biết thêm chi tiết).  
 • Độ ồn: Giá trị được đo trong phòng cách âm tại vị trí dưới tâm máy 1.5m.  
 Khi hoạt động những giá trị này sẽ cao hơn do các điều kiện môi trường xung quanh.  
 \*1: Giá trị tiêu thụ điện năng tùy thuộc vào điều kiện ngoài áp suất tĩnh.  
 \*2: Ngoại áp suất tĩnh có thể bị thay đổi bằng cách sử dụng điều khiển từ xa ở mức điều khiển bằng (FXMQ20-32P), mười ba (FXMQ40PA), mười bốn (FXMQ50-125PA) hoặc mười (FXMQ140PA) mức điều khiển. Áp suất tĩnh chuẩn là 50 Pa đối với FXMQ20-32PA và 100 Pa đối với FXMQ40-140PA.

MODEL	FXMQ200MAVE	FXMQ250MAVE
Nguồn điện	1-pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz	
Công suất làm lạnh	Btu/h	76,400
	kW	22.4
Điện năng tiêu thụ	kW	1.294 *1
Vỏ máy	Thép mạ kẽm	
Lưu lượng gió (Cao/Thấp)	m³/phút	58/50
	cfm	2,047/1,765
Áp suất tĩnh ngoài	Pa	132-221*2
Độ ồn (Cao/Thấp)	220 V	48/45
	240 V	49/46
Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm	470x1,380x1,100
Trọng lượng máy	kg	137
Ống kết nối	Lồng (loe)	φ 9.5
	Hơi (hàn)	φ 19.1
	Nước xả	PS1B

Lưu ý: Các đặc tính kỹ thuật dựa trên các điều kiện sau đây:  
 • Làm lạnh: Nhiệt độ trong nhà: 27°CDB, 19°CWB, Nhiệt độ ngoài trời: 35°CDB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m.  
 • Công suất dàn lạnh để tham khảo. Công suất thực của dàn lạnh dựa vào tổng chỉ số công suất. (tham khảo tài liệu kỹ thuật để biết thêm chi tiết).  
 • Độ ồn: (FXMQ-MA) giá trị qui đổi trong điều kiện không đối âm, được đo tại điểm cách 1.5m hướng xuống từ trung tâm dàn lạnh.  
 Trong suốt quá trình hoạt động, những giá trị trên có thể cao hơn do ảnh hưởng của điều kiện xung quanh.  
 \*1: Giá trị tiêu thụ điện năng tùy thuộc vào điều kiện ngoài áp suất tĩnh.  
 \*2: Ngoại áp suất tĩnh có thể bị thay đổi quá bộ nối bên trong hộp điện, áp suất này là "Áp suất tĩnh cao - Tiêu chuẩn"



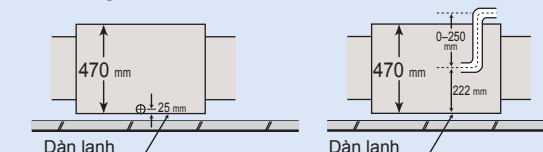
FXMQ200/250MA

- Đơn giản hóa trong điều khiển áp suất tĩnh

Áp suất tĩnh của máy dễ dàng được điều chỉnh nhờ vào bộ chuyển đổi bên trong hộp điện khi vấp phải vấn đề trở lực trong hệ thống ống dẫn gió.

- Bơm nước xả lắp trong (Tùy chọn) Bơm nước xả lắp trong giúp tiết kiệm không gian lắp đặt.

- Không bơm nước xả
- Có bơm nước xả



## Áp Trần 4 Hướng Thổi

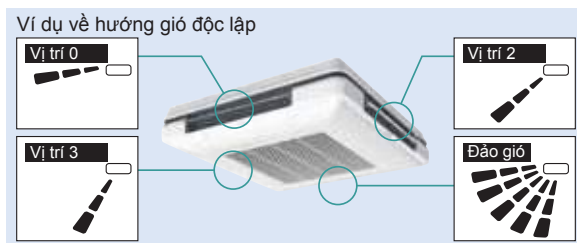
FXUQ-A

**Dàn lạnh mỏng và thời trang, phân phối khí tối ưu, lắp đặt không cần mở trần**

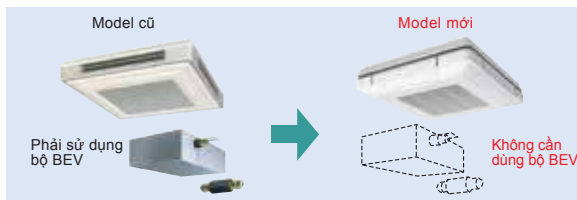
- Phần thân máy và bảng hút hình dạng tròn thiết kế bên ngoài mỏng, đẹp. Thiết bị có thể được sử dụng cho nhiều vị trí như trần nhà mà không có khoang và trần nhà không.
- Nắp miệng gió tự động đóng lại khi thiết bị dừng hoạt động, tạo vẻ bề ngoài đơn giản.
- Chiều cao tổng nhất 198mm cho tất cả các model tạo ấn tượng đồng nhất ngay cả khi các model công suất khác nhau được lắp đặt trong cùng khu vực.
- Với việc áp dụng điều khiển cánh đảo gió riêng, quá trình điều chỉnh hướng gió có thể được cài đặt riêng cho mỗi miệng gió. Dòng khí 5 hướng và đảo gió tự động có thể được lựa chọn bằng điều khiển có dây BRC1E63 cho việc phân phối gió tối ưu.



- Việc kiểm soát lưu lượng gió đã được cải thiện nhờ bộ điều khiển 2 bước đến 3 bước. Kiểm soát lưu lượng gió tự động có thể được lựa chọn trên điều khiển có dây BRC1E63.
- Hiệu suất năng lượng được cải thiện nhờ vào việc sử dụng bộ trao đổi nhiệt mới với ống nhỏ hơn, động cơ quạt DC và động cơ bơm xả DC.
- Bơm xả được trang bị như một phụ kiện tiêu chuẩn, và chiều cao mức nâng gia tăng từ 500 mm đến 600 mm.
- Tùy theo yêu cầu lắp đặt hoặc điều kiện phòng có thể lựa chọn các kiểu miệng gió 2 hướng thổi, 3 hướng thổi và 4 hướng thổi.



- Van tiết lưu điện tử tích hợp giúp loại bỏ nhu cầu sử dụng thiết bị BEV cải thiện tính linh hoạt khi lắp đặt.



- Máng nước xả được xử lý bằng một lớp ion bạc kháng khuẩn, ngăn ngừa sự phát triển của nấm mốc và vi khuẩn gây tắc nghẽn và mùi hôi. (Tuổi thọ của ống ion bạc tùy thuộc và điều kiện sử dụng, nhưng cần được thay thế hai hoặc ba năm 1 lần).



## Thông số kỹ thuật

MODEL	FXUQ71AVEB	FXUQ100AVEB
Nguồn điện	1-pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz	
Công suất làm lạnh	Btu/h	27,300
	kW	8.0
Điện năng tiêu thụ	kW	0.090
Vỏ máy	Trắng	
Lưu lượng gió (Cao/Trung/Bình/Thấp)	m³/phút	22.5/19.5/16
	cfm	794/688/565
Độ ồn (Cao/Trung/Bình/Thấp)	dB(A)	40/38/36
Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm	198x950x950
Trọng lượng máy	kg	26
Ống kết nối	Lồng (loe)	φ9.5
	Hơi (loe)	φ15.9
	Nước xả	VP20 (đường kính ngoài, 26 đường kính trong, 20)

Lưu ý: Các đặc tính kỹ thuật dựa trên các điều kiện sau đây:  
 • Làm lạnh: Nhiệt độ trong nhà: 27°CDB, 19°CWB, Nhiệt độ ngoài trời: 35°CDB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m.  
 • Công suất dàn lạnh để tham khảo. Công suất thực của dàn lạnh dựa vào tổng chỉ số công suất (tham khảo tài liệu kỹ thuật để biết thêm chi tiết).  
 • Độ ồn: (FXUQ-A) giá trị qui đổi trong điều kiện không đối âm, được đo tại điểm cách 1.5m hướng xuống từ trung tâm dàn lạnh. Trong suốt quá trình hoạt động, những giá trị trên có thể cao hơn do ảnh hưởng của điều kiện xung quanh.  
 \* 1 : Giá trị tiêu thụ điện năng tùy thuộc vào điều kiện ngoài áp suất tĩnh.  
 \* 2 : Ngoại áp suất tĩnh có thể bị thay đổi quá độ nổi bên trong hộp điện, áp suất này là "Áp suất tĩnh cao - Tiêu chuẩn"

## Áp Trần

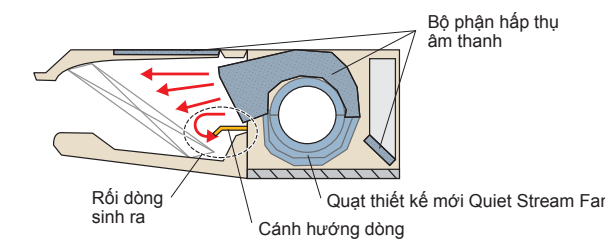
FXHQ-MA

**Thân mỏng với luồng gió rộng và hoạt động êm**

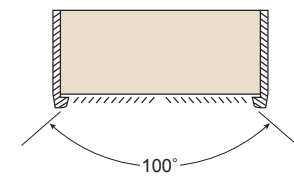


- Quạt thiết kế mới QUIET STREAM FAN tạo ra luồng gió êm hơn.

Sử dụng quạt thiết kế mới kết hợp với nhiều công nghệ giảm âm khác.



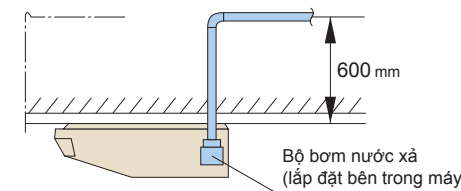
- Vùng thổi gió trải rộng đều đến 100°.



- Độ ồn thấp

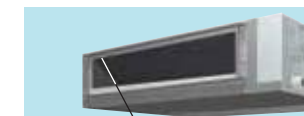
- Lắp đặt dễ dàng

- Có thể kết hợp sử dụng bộ bơm xả (tùy chọn).



- Dễ dàng bảo trì

- Cánh đảo gió không động sương mới với lớp lông nỉ không bó sát. Cánh đảo gió với lớp lông nỉ mịn giảm thiểu sự bám bẩn để vệ sinh hơn.



Cánh đảo không động sương

- Thiết kế phẳng, dễ lau chùi.

- Bảo trì dễ hơn vì mọi công việc đều thực hiện bên dưới máy.

- Bộ lọc có tuổi thọ cao (bảo trì sau 1 năm\*) là phụ kiện tiêu chuẩn.

\* 8 giờ/ngày, 25 ngày/tháng. Cho nồng độ bụi là 0.15 mg/m³

## Thông số kỹ thuật

MODEL	FXHQ32MAVE	FXHQ63MAVE	FXHQ100MAVE
Nguồn điện	1-pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz		
Công suất làm lạnh	Btu/h	12,300	24,200
	kW	3.6	7.1
Điện năng tiêu thụ	kW	0.111	0.115
Vỏ máy	Trắng (10Y9/0.5)		
Lưu lượng gió (Cao/Trung/Bình/Thấp)	m³/phút	12/10	17.5/14
	cfm	424/353	618/494
Độ ồn (Cao/Thấp)	dB(A)	36/31	39/34
Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm	195x960x680	195x1,160x680
Trọng lượng máy	kg	24.0	28.0
Ống kết nối	Lồng (loe)	φ6.4	φ9.5
	Hơi (loe)	φ12.7	φ15.9
	Nước xả	VP20 (đường kính ngoài, 26 đường kính trong, 20)	

Lưu ý: Các đặc tính kỹ thuật dựa trên các điều kiện sau đây:  
 • Làm lạnh: Nhiệt độ trong nhà: 27°CDB, 19°CWB, Nhiệt độ ngoài trời: 35°CDB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m.  
 • Công suất dàn lạnh để tham khảo. Công suất thực của dàn lạnh dựa vào tổng chỉ số công suất (tham khảo tài liệu kỹ thuật để biết thêm chi tiết).  
 • Độ ồn: Giá trị qui đổi trong điều kiện không đối âm, được đo tại điểm cách 1.5m hướng xuống từ trung tâm dàn lạnh. Trong suốt quá trình hoạt động, những giá trị trên có thể cao hơn do ảnh hưởng của điều kiện xung quanh.



## Treo Tường

FXAQ-P

### Mặt nạ phẳng thời trang, hài hòa với mọi không gian nội thất

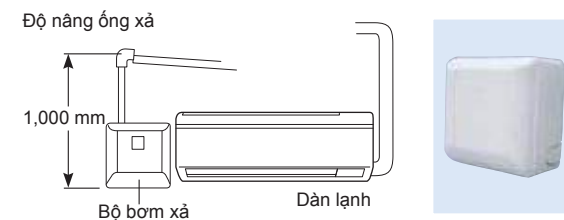


- Thiết kế mặt nạ phẳng phong cách tạo ra một sự hài hòa duyên dáng cho bất kỳ không gian nội thất nào.
- Mặt nạ phẳng dễ dàng được làm sạch bằng mảnh vải lưới nhẹ trên bề mặt. Mặt nạ phẳng cũng có thể dễ dàng tháo rời và chùi rửa để được làm sạch triệt để hơn.
- Độ ồn thấp.
- Máng nước xả và bộ lọc duy trì độ sạch lâu hơn nhờ vật liệu polystyrene chống mốc.
- Đảo gió tự động đảm bảo hiệu quả phân phối gió. Cách đảo gió tự động đóng kín khi máy ngừng.
- 5 góc thổi có thể được cài đặt bằng bộ điều khiển từ xa.

- Khi máy hoạt động lại, góc thổi tự động điều chỉnh như trước khi máy ngừng. (Cài đặt ban đầu: 10° khi làm lạnh và 70° khi sưởi ấm).

- Lắp đặt linh hoạt.
  - Ống nước xả có thể được đầu nối bên trái hoặc bên phải.

- Bơm nước xả là phụ kiện tùy chọn, độ nâng ống xả là 1000 mm tính từ đáy máy.



## Thông số kỹ thuật

MODEL		FXAQ20PVE	FXAQ25PVE	FXAQ32PVE	FXAQ40PVE	FXAQ50PVE	FXAQ63PVE
Nguồn điện		1-pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz					
Công suất làm lạnh	Btu/h	7,500	9,600	12,300	15,400	19,100	24,200
	kW	2.2	2.8	3.6	4.5	5.6	7.1
Điện năng tiêu thụ	kW	0.019	0.028	0.030	0.020	0.033	0.050
Vỏ máy		Trắng (3.0Y8.5/0.5)					
Lưu lượng gió (Cao/Thấp)	m³/phút	7.5/4.5	8/5	8.5/5.5	12/9	15/12	19/14
	cfm	265/159	282/177	300/194	424/318	530/424	671/494
Độ ồn (Cao/Thấp)	dB(A)	35/31	36/31	38/31	39/34	42/37	47/41
Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm	290×795×238	290×795×238	290×795×238	290×1,050×238	290×1,050×238	290×1,050×238
Trọng lượng máy	kg	11.0	11.0	11.0	14.0	14.0	14.0
Ổng kết nối	Lồng (loe)	φ6.4	φ6.4	φ6.4	φ6.4	φ6.4	φ9.5
	Hơi (loe)	φ12.7	φ12.7	φ12.7	φ12.7	φ12.7	φ15.9
	Nước xả	VP13 (đường kính ngoài, 18 đường kính trong, 13)					

Lưu ý: Các đặc tính kỹ thuật dựa trên các điều kiện sau đây:  
 • Làm lạnh: Nhiệt độ trong nhà: 27°CDB, 19°CWB, Nhiệt độ ngoài trời: 35°CDB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m.  
 • Công suất dàn lạnh để tham khảo. Công suất thực của dàn lạnh dựa vào tổng chỉ số công suất (tham khảo tài liệu kỹ thuật để biết thêm chi tiết).  
 • Độ ồn: Giá trị qui đổi trong điều kiện không dội âm, được đo tại điểm cách 1.5m hướng xuống từ trung tâm dàn lạnh. Trong suốt quá trình hoạt động, những giá trị trên có thể cao hơn do ảnh hưởng của điều kiện xung quanh.

## Đặt Sàn

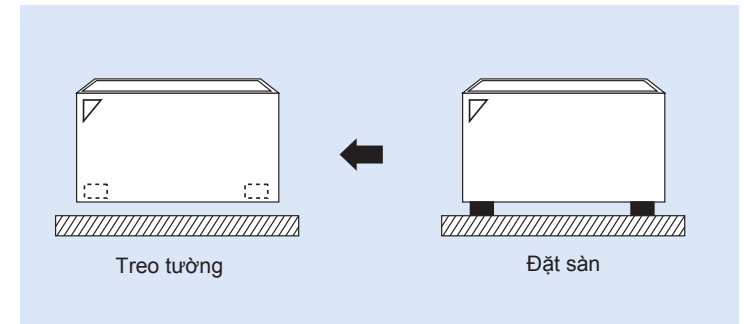
FXLQ-MA

### Phù hợp cho điều hòa không khí xung quanh phòng



- Loại đặt sàn có thể được treo trên tường để thuận tiện cho việc lau chùi. Do ống đi vào sau lưng máy nên có thể treo máy lên tường. Việc lau chùi bên dưới máy nơi dễ bám bụi được thực hiện dễ dàng hơn.
- Bề mặt miệng thổi gió ít xơ sợi là nét đặc trưng của thiết kế ban đầu, giúp chống lại hiện tượng đọng sương cũng như tránh được sự loang màu và dễ lau chùi hơn.
- Bộ lọc tuổi thọ cao (bảo trì sau 1 năm\*) là phụ kiện tiêu chuẩn.

\* 8 giờ/ngày, 25 ngày/tháng. Cho nồng độ bụi là 0.15 mg/m³



## Thông số kỹ thuật

MODEL		FXLQ20MAVE	FXLQ25MAVE	FXLQ32MAVE	FXLQ40MAVE	FXLQ50MAVE	FXLQ63MAVE
Nguồn điện		1-pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz					
Công suất làm lạnh	Btu/h	7,500	9,600	12,300	15,400	19,100	24,200
	kW	2.2	2.8	3.6	4.5	5.6	7.1
Điện năng tiêu thụ	kW	0.049	0.049	0.090	0.090	0.110	0.110
Vỏ máy		Trắng ngà (5Y7.5/1)					
Lưu lượng gió (Cao/Thấp)	m³/phút	7/6	7/6	8/6	11/8.5	14/11	16/12
	cfm	247/212	247/212	282/212	388/300	494/388	565/424
Độ ồn (Cao/Thấp)	220 V	35/32	35/32	35/32	38/33	39/34	40/35
	240 V	37/34	37/34	37/34	40/35	41/36	42/37
Kích thước (Cao/Thấp)	mm	600×1,000×222	600×1,000×222	600×1,140×222	600×1,140×222	600×1,420×222	600×1,420×222
Trọng lượng	kg	25.0	25.0	30.0	30.0	36.0	36.0
Ổng kết nối	Lồng (loe)	φ6.4	φ6.4	φ6.4	φ6.4	φ6.4	φ9.5
	Hơi (loe)	φ12.7	φ12.7	φ12.7	φ12.7	φ12.7	φ15.9
	Nước xả	210.D.					

Lưu ý: Các đặc tính kỹ thuật dựa trên các điều kiện sau đây:  
 • Làm lạnh: Nhiệt độ trong nhà: 27°CDB, 19°CWB, Nhiệt độ ngoài trời: 35°CDB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m.  
 • Công suất dàn lạnh để tham khảo. Công suất thực của dàn lạnh dựa vào tổng chỉ số công suất (tham khảo tài liệu kỹ thuật để biết thêm chi tiết).  
 • Độ ồn: Giá trị qui đổi trong điều kiện không dội âm, được đo tại điểm cách 1.5m hướng xuống từ trung tâm dàn lạnh. Trong suốt quá trình hoạt động, những giá trị trên có thể cao hơn do ảnh hưởng của điều kiện xung quanh.

## Giấu Sàn

FXNQ-MA

Được thiết kế để ẩn giấu vào các vách tường



• Máy được ẩn giấu hoàn toàn theo hộp vách ván chân tường.

• Các đầu ống nối hướng xuống thuận tiện rất nhiều cho việc thi công.



\* Áp dụng cho cả loại đặt sàn (FXLQ-MA)

• Bộ lọc tuổi thọ cao (bảo trì sau 1 năm\*) là phụ kiện tiêu chuẩn.

\* 8 giờ/ngày, 25 ngày/tháng. Cho nồng độ bụi là 0.15 mg/m<sup>3</sup>

## Thông số kỹ thuật

MODEL	FXNQ20MAVE	FXNQ25MAVE	FXNQ32MAVE	FXNQ40MAVE	FXNQ50MAVE	FXNQ63MAVE	
Nguồn điện	1-pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz						
Công suất làm lạnh	Btu/h	7,500	9,600	12,300	15,400	19,100	24,200
	kW	2.2	2.8	3.6	4.5	5.6	7.1
Điện năng tiêu thụ	kW	0.049	0.049	0.090	0.090	0.110	0.110
Vỏ máy	Thép mạ kẽm						
Lưu lượng gió (Cao/Thấp)	m <sup>3</sup> /phút	7/6	7/6	8/6	11/8.5	14/11	16/12
	cfm	247/212	247/212	282/212	388/300	494/388	565/424
Độ ồn (Cao/Thấp)	220 V	35/32	35/32	35/32	38/33	39/34	40/35
	240 V	37/34	37/34	37/34	40/35	41/36	42/37
Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm	610×930×220	610×930×220	610×1,070×220	610×1,070×220	610×1,350×220	610×1,350×220
Trọng lượng máy	kg	19.0	19.0	23.0	23.0	27.0	27.0
Ống kết nối	Lồng (loe)	φ6.4	φ6.4	φ6.4	φ6.4	φ6.4	φ9.5
	Hơi (loe)	φ12.7	φ12.7	φ12.7	φ12.7	φ12.7	φ15.9
	Nước xả	210.D.					

Lưu ý: Các đặc tính kỹ thuật dựa trên các điều kiện sau đây:

• Làm lạnh: Nhiệt độ trong nhà: 27°CDB, 19°CWB, Nhiệt độ ngoài trời: 35°CDB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m.

• Công suất dàn lạnh để tham khảo. Công suất thực của dàn lạnh dựa vào tổng chỉ số công suất

(tham khảo tài liệu kỹ thuật để biết thêm chi tiết).

• Độ ồn: Giá trị qui đổi trong điều kiện không dội âm, được đo tại điểm cách 1.5m hướng xuống từ trung tâm dàn lạnh.

Trong suốt quá trình hoạt động, những giá trị trên có thể cao hơn do ảnh hưởng của điều kiện xung quanh.

## Tủ Đứng Đặt Sàn Nối Ống Gió

FXVQ-N

Loại có lưu lượng khí rộng dành cho các không gian lớn. Thiết kế nội thất linh hoạt cho mọi ứng dụng

- Loại luồng khí rộng phù hợp cho các khu vực rộng rãi như các nhà máy và các cửa hàng lớn.
- Có thể hỗ trợ các kiểu lắp đặt khác nhau từ nối ống gió đèn thổi trực tiếp cho phép lắp đặt dễ dàng.

- Luồng khí nối ống gió cho phép điều hòa không khí đồng đều ở các khu vực rộng rãi

### Loại nối ống gió

- Việc bổ sung buồng thông gió (tùy chọn) cho phép hoạt động đơn giản với luồng khí trực tiếp.

\* Lưu ý rằng độ ồn tăng khoảng 5 dB(A).

### Loại thổi trực tiếp

- Loại áp suất tĩnh cao điều khiển bằng hệ thống đai truyền động cho phép sử dụng ống xả khí ở các hình dạng khác nhau cũng như các ống dẫn dài. Có thể lắp đặt rất linh hoạt.

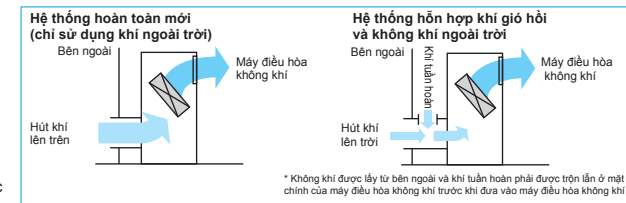
- Thiết kế với khả năng bảo trì cao cho phép thực hiện các dịch vụ chính và dịch vụ bảo trì ở phía trước.

- Phin lọc bền (bảo trì miễn phí lên đến một năm\*) được trang bị như một phụ kiện tiêu chuẩn. \* 8 giờ/ngày, 26 ngày/tháng. Cho nồng độ bụi là 0.15 mg/m<sup>3</sup>

- Phụ kiện đa dạng như phin lọc hiệu suất cao.

- Chế độ hút khí ngoài trời có thể được sử dụng như máy điều hòa không khí xử lý không khí ngoài trời.

\*Tồn tại một vài hạn chế khi sử dụng thiết bị như một thiết bị xử lý không khí ngoài trời. Hãy tuân thủ nghiêm ngặt các quy định trong sách dữ liệu kỹ thuật.



\* Không khí được lấy từ bên ngoài và khi tuần hoàn phải được trộn lẫn ở một chính của máy điều hòa không khí trước khi đưa vào máy điều hòa không khí

## Thông số kỹ thuật

MODEL	FXVQ125NY1	FXVQ200NY1	FXVQ250NY1	FXVQ400NY1	FXVQ500NY1	FXVQ500NY16		
Nguồn điện	Hệ thống 3 pha 4 dây, 380-415 V, 50 Hz							
Công suất làm lạnh	Btu/h	47,800	76,400	95,500	154,000	191,000		
	kW	14.0	22.4	28.0	45.0	56.0		
Điện năng tiêu thụ	kW	0.53	1.33	1.61	3.97	2.62	4.70	
Màu vỏ máy	Trắng ngà (5Y7.5/1)							
Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm	1,670×750×510	1,670×950×510	1,670×1,170×510	1,900×1,170×720	1,900×1,470×720		
Trọng lượng máy	kg	118	144	169	236	281	306	
Độ ồn *1	dB(A)	52	56	60	65	62	66	
Ống kết nối	Lồng	mm	φ 9.5 (Hàn)	φ 12.7 (Hàn)	φ 15.9 (Hàn)	φ 19.1 (Hàn)	φ 22.2 (Hàn)	
	Hơi	mm	φ 15.9 (Hàn)	φ 19.1 (Hàn)	φ 22.2 (Hàn)	φ 28.6 (Hàn)	φ 31.8 (Hàn)	
	Nước xả	mm	Rp1 (PS 1B ren trong)					
Bộ lọc khí	Loại	Bộ lọc tuổi thọ cao (bộ chuyển lọc chống mực)						
Quạt	Đầu ra động cơ	kW	0.75	1.5	3.7	5.5		
	Lưu lượng gió	m <sup>3</sup> /phút	43	69	86	134	165	172
		cfm	1,518	2,436	3,036	4,730	5,825	6,072
	Áp suất tĩnh ngoài *2	Pa	152	217	281	420	142	390
	Hệ thống truyền động	Hệ thống đai truyền động						

Lưu ý: Các đặc tính kỹ thuật dựa trên các điều kiện sau đây:

• Làm lạnh: Nhiệt độ trong nhà: 27°CDB, 19°CWB, Nhiệt độ ngoài trời: 35°CDB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m.

• Sưởi: Nhiệt độ trong nhà: 20°CDB, Nhiệt độ ngoài trời: 7°CDB, 6°CDB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m.

• Công suất dàn lạnh chỉ để tham khảo. Công suất thực của dàn lạnh dựa vào tổng chỉ số công suất

(tham khảo tài liệu kỹ thuật để biết thêm chi tiết)

\*1: Độ ồn: Được đo khi ống gió (2 m) được kết nối (giá trị qui đổi trong điều kiện không dội âm).

Độ ồn tăng xấp xỉ 5 dB(A) khi thông gió được lắp đặt để xả khí trực tiếp.

\*2: Giá trị này là ngoại áp suất tĩnh với rơng rọc tiêu chuẩn



## Điều Hòa Không Khí Cho Phòng Sạch

FXB(P)Q-P

### Phù hợp với bệnh viện và các không gian sạch khác



### Đáp ứng nhu cầu về không gian sạch một cách dễ dàng của các ngành nghề khác nhau

Máy điều hòa không khí dành cho phòng sạch của Daikin được thiết kế để đạt được độ sạch của không khí ở mức 10,000. Máy điều hòa không khí loại này dễ dàng mang đến không gian sạch cao cấp và giúp tạo ra một môi trường phù hợp cho bệnh viện, các nhà máy thực phẩm và nước giải khát, các nhà máy sản xuất thiết bị điện tử, và những không gian khác cần không khí sạch.

Ví dụ về lắp đặt theo loại dàn lạnh (dành cho bệnh viện)

### Lựa chọn hệ thống thổi gió và phương pháp lắp đặt phù hợp với cách bố trí và mục đích của căn phòng

Có 2 loại điều hòa không khí cho phòng sạch: loại dàn lạnh tích hợp và dàn lạnh tách rời. Có thể lựa chọn hệ thống hút gió từ trần hoặc từ sàn tùy theo loại mặt nạ. Thiết kế linh hoạt này cho phép máy điều hòa dễ dàng phù hợp với bất kỳ kiểu bố trí hoặc mục đích sử dụng của phòng.

Loại	Loại hút gió từ trần (Model tốc độ gió cao/trần cao)	Loại hút gió từ sàn (Model phân phối gió nhẹ/độ sạch cao)
Tính năng	Thiết kế đơn giản và có thể lắp đặt trên trần. Phin lọc bụi và điều hòa không khí có thể khởi động ngay lập tức.	Dễ dàng gia tăng độ sạch và hiệu ứng điều hòa không khí. Tốc độ gió thấp ngăn chặn việc làm khô những bộ phận bị tác động và gió lùa.
Cấp độ sạch*1	100,000 đến 10,000	10,000
Tốc độ gió	1.0m/s hoặc cao hơn	Xấp xỉ 0.5m/s
Phương pháp thổi	<p><b>Loại dàn lạnh tích hợp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Điều hòa không khí tập trung tại khu vực trung tâm bên dưới máy.</li> <li>Dễ lắp đặt</li> </ul> <p>Ứng dụng: Phòng tiền phẫu thuật, phòng hồi sức, phòng điều dưỡng, v.v...</p>	<p><b>Loại dàn lạnh tách rời</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Điều hòa không khí toàn phần tập trung vào độ sạch</li> <li>Điều hòa không khí toàn phần tập trung vào độ sạch</li> <li>Có thể bảo dưỡng từ phòng khác</li> </ul> <p>Ứng dụng: Phòng phẫu thuật, phòng sinh, v.v...</p>
	<p><b>Loại dàn lạnh tích hợp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Điều hòa không khí bán tập trung tại khu vực trung tâm bên dưới máy.</li> <li>Có thể cấp gió cho phòng có hình dáng đặc biệt.</li> </ul> <p>Ứng dụng: CCU*2, phòng vô trùng, v.v...</p>	<p><b>Loại dàn lạnh tách rời</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Điều hòa không khí toàn phần tập trung vào độ sạch</li> <li>Có thể bảo dưỡng từ phòng khác</li> </ul> <p>Ứng dụng: phòng chăm sóc trẻ sơ sinh, phòng chăm sóc trẻ sơ sinh, ICU, v.v...</p>

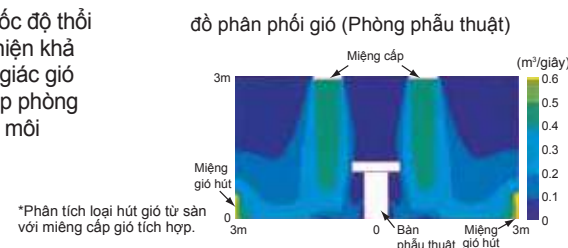
\*1. Cấp độ sạch: Thang về độ sạch được thiết lập bởi NASA (Cục vũ trụ và hàng không quốc gia Mỹ). Mức 10,000 thể hiện trạng thái có ít hơn 10,000 hạt bụi đường kính dưới 0.5um trên mỗi foot khối. So sánh, độ sạch của văn phòng bình thường khoảng 1,000,000.  
 \*2. CCU (Cardiac Care Unit): Khu vực dành riêng cho tiếp nhận những bệnh nhân bị nhồi máu cơ tim và các bệnh tim mạch khác.  
 \*3. ICU (Intensive Care Unit): Khu vực điều trị và chăm sóc bệnh nhân bệnh nặng, chấn thương hoặc đang trong quá trình hồi phục sau phẫu thuật

### Dễ dàng lắp đặt tại các tòa nhà có sẵn

Cấu trúc đơn giản giúp dễ dàng hiện thực hóa không gian có độ sạch cao với công việc lắp đặt như máy điều hòa thông thường. Có thể dễ dàng lắp đặt tại các tòa nhà mới, những kiến trúc cũ và những tòa nhà dựng lại.

### Ngăn gió lùa khó chịu với tốc độ thổi thấp xấp xỉ 0.5m/s

Hệ thống hút gió từ sàn có tốc độ thổi gió thấp xấp xỉ 0.5m/s, cải thiện khả năng lọc bụi và loại bỏ cảm giác gió lùa. Điều hòa không khí khắp phòng với luồng gió thổi nhẹ tạo ra môi trường dễ chịu.

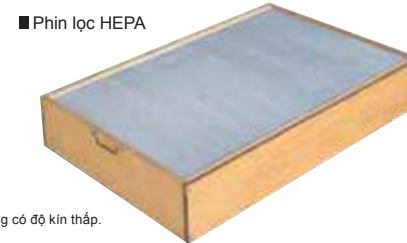


### Phương pháp lọc

#### Phòng sạch ở mức 10,000 có thể đạt được với phin lọc HEPA (Bán rời)

Phin lọc HEPA tổn thất áp suất thấp (Bán rời) mang lại khả năng lọc bụi vượt trội và dễ dàng đạt được độ sạch không khí ở mức 10,000.

Phin lọc HEPA có cấu trúc tích hợp phương pháp lọc sợi thủy tinh xếp lớp, mang lại hiệu suất lọc rất cao và phù hợp với các loại phòng sạch, v.v...



\*Việc duy trì độ sạch có thể không thực hiện được trong phòng có độ kín thấp.



Ví dụ về lắp đặt (trong một cơ sở y tế)

### Kháng khuẩn

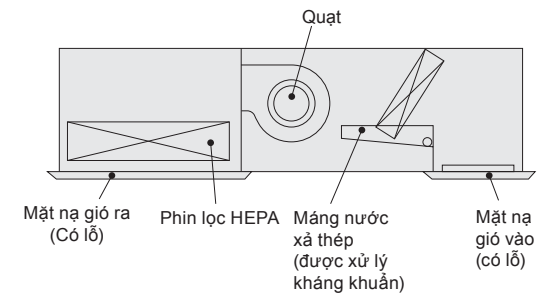
#### Ngăn chặn sự lan truyền của vi khuẩn trong ống gió nhờ vào lớp tráng phủ kháng khuẩn đặc biệt.

Phin lọc áp dụng phương pháp xử lý kháng khuẩn với một lớp phủ mới kết hợp với vật liệu kháng khuẩn vô cơ gốc kim loại bạc (một vật liệu kháng khuẩn hữu cơ rất hiệu quả trong việc chống lại vi khuẩn) giúp ngăn nấm mốc. Phương pháp này gia tăng tính kháng khuẩn của ống gió. Phương pháp xử lý kháng khuẩn sử dụng chất hữu cơ gốc kim loại bạc làm giảm nấm mốc.

#### Sợi kháng khuẩn được sử dụng trong phin lọc gió vào

Với phin lọc tuổi thọ cao sử dụng sợi kháng khuẩn chống nấm mốc gần miệng gió vào, hiệu suất lọc sạch tiếp tục được nâng cao.

\* Lưu ý rằng các sản phẩm kháng khuẩn ngăn chặn sự lan truyền của vi khuẩn nhưng không có tác dụng khử trùng. Ngoài ra, nấm mốc có thể phát triển ở những nơi bẩn hoặc bỏ hỏng tích tụ.  
 \* Vật liệu có độ an toàn đã đăng ký được chứng nhận bởi Luật quy định về các chất nguy hiểm và hóa chất Nhật Bản (Đạo luật về các chất hóa học và quy định về sản xuất, v.v...) được sử dụng làm vật liệu kháng khuẩn.  
 \* Cần bảo dưỡng định kỳ (làm sạch phin lọc gió và rửa bên trong máy).



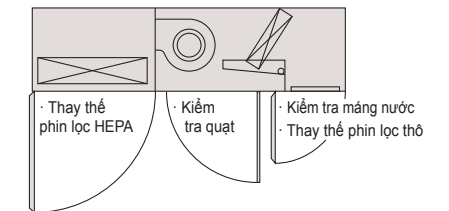
### Tiết kiệm nhân công

#### Không cần bảo dưỡng phin lọc trong 5 năm.

#### Dễ tiếp cận từ mặt dưới máy cho phép bảo dưỡng dễ dàng

Phin lọc HEPA có độ bền rất cao và không cần bảo dưỡng trong vòng 5 năm. Daikin hướng đến việc giảm thiểu các công việc bảo dưỡng từ nhiều khía cạnh khác nhau, bao gồm cả khả năng tiếp cận hệ thống trong quá trình bảo dưỡng đã loại bỏ sự cần thiết của mặt nạ dịch vụ.

\*Thời gian bảo dưỡng khác nhau tùy thuộc vào độ sạch của phòng và thời gian làm việc của máy điều hòa.



### Yên tĩnh

#### Tất cả các model được thiết kế với sự vận hành yên tĩnh nhất, hoạt động dưới 41dB

Độ ồn được giảm đáng kể bằng cách sử dụng một buồng lọc tại miệng gió có cấu trúc tinh tế, cách âm và một bộ lọc HEPA có sự tổn thất áp suất thấp. Độ ồn của tất cả các model dưới 41dB (38dB trong vận hành tốc độ quạt thấp).

\*Độ ồn có thể lớn hơn các giá trị này ở các vị trí trí âm cao.

# Dãy Dẫn Lạnh

## Điều Hòa Không Khí Cho Phòng Sạch

FXB(P)Q-P

### Thông số kỹ thuật

Loại		Loại dàn lạnh tích hợp			Loại dàn lạnh tách rời
MODEL	Dàn lạnh	FXBQ40PVE	FXBQ50PVE	FXBQ63PVE	FXBPQ63PVE
	Miệng thổi	Tích hợp với dàn lạnh			
Nguồn điện		1-pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz			
Công suất làm lạnh	Btu/h	15,400	19,100	24,200	24,200
	kW	4.5	5.6	7.1	7.1
Điện năng tiêu thụ	kW	0.31	0.31	0.45	0.45
		70% bằng phương pháp trọng lực			
Hiệu suất phin lọc hút gió *1		99.97% bằng phương pháp DOP *5			
Hiệu suất phin lọc HEPA đầu ra *2					
Khối lượng dàn lạnh	kg	140 *3	185 *3	120 *6	
Vỏ máy		Thép mạ kẽm			
Lưu lượng gió(Cao/Thấp)	m³/phút	19.5/17.5		26/22.5	
	cfm	688/618		918/794	
Độ ồn (Cao/thấp) *4	dB(A)	44/42			
Kích thước (Cao×Rộng×Dày)	mm	492×1,788×1,000		492×1,788×1,300	492×1,078×1,300
Trọng lượng máy	kg	-		65 *3	
Ống kết nối	Lông (loe)	φ6.4		φ9.5	
	Hơi (loe)	φ12.7		φ15.9	
	Nước xả	PT1B			
Phin lọc	Phin lọc HEPA	BAFH82A50		BAFH82A63	
Mặt nạ (Tùy chọn)	Loại hút gió ở trần	BYB82A50C		BYB82A63C	BYB82A63CP
	Loại hút gió ở sàn	BYB82A50W		BYB82A63W	BYB82A63WP

Lưu ý: Các đặc tính kỹ thuật dựa trên các điều kiện sau đây:  
 \* Làm lạnh: Nhiệt độ trong nhà: 27°CDB, 19°CWB, Nhiệt độ ngoài trời: 35°CDB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m.  
 \* Công suất dàn lạnh chỉ để tham khảo. Công suất thực của dàn lạnh dựa vào tổng chỉ số công suất (tham khảo tài liệu kỹ thuật để biết thêm chi tiết)  
 \*1: Phin lọc hút gió chỉ đi kèm với loại hút gió từ trần  
 \*2: Phin lọc HEPA bán riêng. Hiệu suất thu hồi bụi của phin lọc HEPA là 99.97%. Tuy nhiên, không khí có thể bị rò rỉ nhẹ xung quanh phin lọc trong khi lắp đặt.  
 \*3: Khối lượng đã bao gồm phin lọc HEPA và mặt nạ.  
 \*4: Điều kiện thử nghiệm: quy đổi trong phòng không độ ẩm theo tiêu chuẩn JIS B 8616. Giá trị có thể gia tăng trong thực tế do điều kiện xung quanh.  
 \*5: Điều hòa không khí cho phòng sạch không hỗ trợ thử nghiệm DOP (thử rò rỉ) dựa theo tiêu chuẩn GMP (Tiêu chuẩn Quản lý Sản xuất và Quản lý Chất lượng đối với các thiết bị y tế) do có xảy ra rò rỉ tại một vài thời điểm khi lắp đặt sản phẩm.  
 \*6: Khối lượng bao gồm mặt nạ  
 \*Trong trường hợp lắp đặt ở nhà hát đang hoạt động, v.v..., nơi sự cố của máy điều hòa có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng, vui lòng kết nối thêm với tối thiểu 2 dàn nóng.



Warning

- Do loại hút gió từ trần cấp gió tập trung thổi ra trực tiếp từ bên dưới miệng thổi, vì vậy vui lòng lưu ý những trường hợp sau:
  - Những khu vực gần sân nhà hoặc những vị trí xa miệng thổi sẽ không được sưởi đủ ấm.
  - Trường hợp sử dụng cho bệnh viện, một số bệnh nhân có thể nhạy cảm với gió lùa lạnh, vì thế vui lòng đảm bảo những bệnh nhân này không trực tiếp đứng dưới miệng thổi.
  - Lắp đặt nhiều máy sử dụng hệ thống hai hoặc nhiều dàn nóng cho các phòng như phòng phẫu thuật nơi việc cấp gió bị gián đoạn có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng.
  - Để duy trì áp suất tĩnh trong phòng, quạt dàn lạnh vẫn tiếp tục vận hành ngay cả khi có sự cố bất thường xảy ra do cảm biến nhiệt tắt, vận hành xả đá, vận hành thiết bị bảo vệ hoặc những vấn đề tương tự.
  - Khi kết hợp với không khí ngoài trời từ bộ lấy gió tươi, cần lắp đặt van điều tiết hoặc thiết bị tương tự cho ống gió và khóa lẩn với quạt dàn lạnh để gió tươi sẽ ngắt khi quạt dừng.
  - Không khí kết hợp với phin lọc hút gió có thể sẽ thổi ngược lại và để bụi bẩn trên phin lọc thổi ngược vào phòng.
  - Khi sử dụng khí để khử trùng các phòng phẫu thuật trong bệnh viện nơi có lắp đặt thiết bị này, ngưng vận hành và che miệng gió vào và gió ra bằng tấm nhựa để ngăn khí thổi vào và làm hư hại máy điều hòa.

- Sử dụng loại hút gió từ sàn ở những vị trí sau:
  - Những vị trí ở đó việc sưởi ấm khu vực sân hoặc cả phòng quan trọng hơn.
  - Những vị trí đặc biệt cần độ sạch cao và có nhiều người.

# Dàn Lạnh Dán Dựng Kết Nối Với Bộ Bp

## Giấu Trần Nối Ống Gió Dạng Mỏng

FDKS-EA/C



Phụ kiện tiêu chuẩn  
 Lưu ý: Không thể sử dụng các bộ điều khiển từ xa ngoài bộ điều khiển từ xa không dây tiêu chuẩn.

### Thiết kế nhỏ gọn thích hợp với trần nông

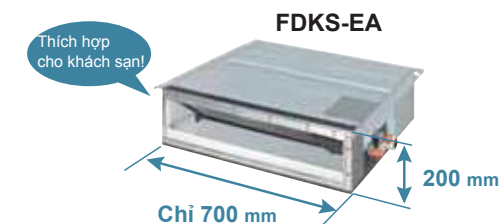
- Các models trong FDKS-EA series chỉ rộng 700 mm và nặng 21 kg, vì vậy có thể dễ dàng lắp đặt trong không gian giới hạn. Chỉ cao 200mm tất cả các model có thể đặt trong các phòng có chiều sâu 240mm giữa trần treo và tấm trần, lý tưởng cho cả các trần trần thấp.

- Độ ồn thấp (Cao/Thấp/Rất thấp)

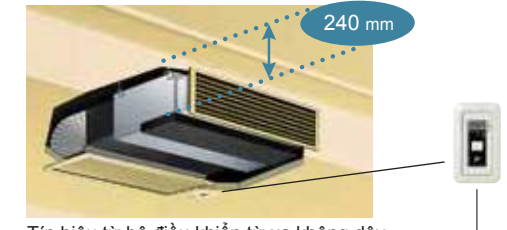
FDKS25	FDKS35	FDKS50	FDKS60
35/31/29 dB (A)	35/31/29 dB (A)	37/33/31 dB (A)	38/34/32 dB (A)

- Chế độ hoạt động khi vắng nhà sẽ ngăn sự tăng hoặc giảm nhiệt độ trong nhà bằng cách tiếp tục hoạt động\* trong khi bạn đang ngủ hoặc ra khỏi nhà. Máy điều hòa không khí luôn ở trong trạng thái đợi bạn thức giấc hoặc trở về. Khi đó nhiệt độ trong phòng nhanh chóng trở lại chế độ cài đặt bạn yêu thích.

- \* Chế độ hoạt động khi vắng nhà có thể được chọn ở bất kỳ nhiệt độ nào từ 18 đến 32°C khi vận hành chế độ làm lạnh 10 - 30°C ở chế độ sưởi.
- \* Chế độ hoạt động khi vắng nhà phải được thiết lập bằng cách sử dụng bộ điều khiển từ xa khi đi ngủ hoặc rời khỏi nhà và sau khi thức dậy hoặc trở về nhà.



	FDKS25EA	FDKS35EA	FDKS25CA	FDKS35CA
Kích thước (Cao×Rộng×Dày)	200 x 700 x 620 mm		200 x 900 x 620 mm	
Trọng lượng máy	21 kg		25 kg	
Lưu lượng khí (cao)	8.7 m³/phút		9.5 m³/phút, 10 m³/phút	
Áp suất tĩnh bên ngoài	30 Pa		40 Pa	



Tín hiệu từ bộ điều khiển từ xa không dây được truyền tới bộ thu tín hiệu.

### Thông số kỹ thuật

MODEL	FDKS25EAVMB	FDKS35EAVMB	FDKS25CAVMB	FDKS35CAVMB	FDKS50CVMB	FDKS60CVMB
Nguồn điện	1-pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz					
Lưu lượng gió (Cao)	m³/phút (cfm)	8.7 (307)	9.5 (335)	10.0 (353)	12.0 (424)	16.0 (565)
Độ ồn (Cao/Thấp/Rất thấp)*	dB (A)	35/31/29			37/33/31	38/34/32
Tốc độ quạt	5 bước, yên tĩnh và tự động					
Điều khiển nhiệt độ	Điều khiển bằng máy tính					
Kích thước (Cao×Rộng×Dày)	mm	200×700×620		200×900×620		200×1,100×620
Trọng lượng máy	kg	21	25	27	30	
Ống kết nối	Lông (loe)	φ6.4		φ12.7		
	Hơi (loe)	φ9.5				
	Nước xả	VP20 (đường kính ngoài .26 / đường kính trong .20)				
Cách nhiệt	Cả ống lông và hơi					
Áp suất tĩnh ngoài	Pa	30		40		

Lưu ý: \* Giá trị độ ồn đo ở hoạt động hút sau và ngoài áp suất tĩnh 30 Pa với FDKS-EA và 40 Pa với FDKS-C. Giá trị độ ồn đối với hoạt động hút đây có thể đạt thêm 6 dB (A) for FDKS-EA và 5 dB (A) đối với FDKS-C.

Dãy dẫn lạnh





## Treo Tường

FTKJ-N

### Mẫu mã thanh lịch với phong cách Châu Âu

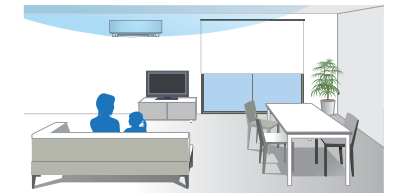


Phụ kiện kèm theo máy

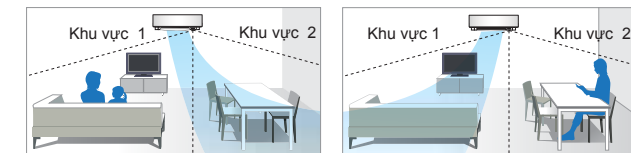
- Kiểu dáng thanh lịch với mặt nạ cong
- Kiểu dáng thiết kế dàn lạnh FTK(X)J-N có phong cách độc đáo của châu Âu. Kiểu dáng thanh lịch này là sự kết hợp hoàn hảo của nghệ thuật và công nghệ mang đến hiệu quả vượt trội. Model FTK(X)J-N tạo ra sự lựa chọn sử dụng linh hoạt cho chủ nhà, nhà thiết kế và kiến trúc sư.



- Chế độ luồng gió tiện nghi
- Chế độ luồng gió tiện nghi sẽ ngăn hướng gió thổi trực tiếp vào cơ thể người. Trong chế độ làm lạnh, cánh đảo gió sẽ hướng lên để ngăn luồng gió lạnh. Trong chế độ sưởi, cánh đảo gió sẽ hướng xuống để thổi luồng gió ấm xuống sàn.

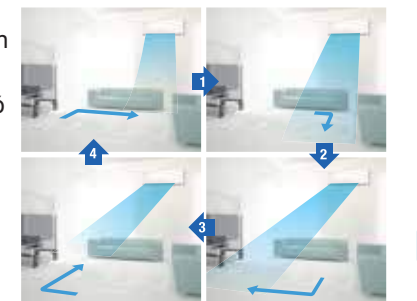


- Mắt thần thông minh hai khu vực
- Một sự kết hợp giữa chế độ hướng gió tiện nghi và mắt thần thông minh sẽ hướng luồng không khí lạnh tránh xa cơ thể người. Nếu không có chuyển động trong phòng trong 20 phút, mắt thần thông minh sẽ tự động điều chỉnh nhiệt độ cài đặt khoảng 2°C để tiết kiệm điện năng.



Nếu phát hiện có người trong khu vực 1, luồng gió sẽ được hướng xa khỏi người này.  
Nếu phát hiện có người trong khu vực 2, luồng gió sẽ được hướng xa khỏi người này.

- Luồng gió 3 chiều (3-D)
- Luồng gió 3 chiều (3-D) là sự kết hợp của đảo gió tự động theo phương ngang và phương đứng để giảm sự chênh lệch nhiệt độ giữa các vị trí trong phòng. Chức năng này tuần hoàn không khí đến tất cả các vị trí trong phòng ngay cả những không gian lớn. Để kích hoạt chức năng này, nhấn cả hai nút đảo gió tự động theo phương ngang và phương đứng, cánh đảo gió sẽ hoạt động.



Cả hai cánh đảo gió sẽ hoạt động để tăng mức độ tiện nghi trong phòng.

## Thông số kỹ thuật

MODEL	FTKJ25VMW	FTKJ25VMS	FTKJ35VMW	FTKJ35VMS	FTKJ50VMW	FTKJ50VMS
Điện nguồn	1-pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz					
Màu mặt nạ trước	Trắng	Bạc	Trắng	Bạc	Trắng	Bạc
Tốc độ quạt (Cao)	m <sup>3</sup> /phút(cfm) 8.9 (313)		10.9 (385)			
Độ ồn (Cao/Thấp/Rất thấp)	dB (A) 38/25/19		45/26/20		46/35/29	
Lưu lượng gió	5 bước, yên tĩnh và tự động					
Điều khiển nhiệt độ	Điều khiển bằng máy tính					
Kích thước (Cao×Rộng×Dày)	mm 303x998x212					
Trọng lượng máy	kg 12					
Ống kết nối	Lông (loe)	mm φ6.4				
	Hơi (loe)	φ9.5		φ12.7		
	Nước xả	φ18.0				
Cách nhiệt	Cả ống lông và hơi					

## Loại Treo Tường

## FTKS-D/B/F



## Mặt phẳng thời trang hài hòa với không gian nội thất

Trong khi làm lạnh, độ ồn của dàn lạnh treo tường chỉ ở mức 22 dB(A). (Cao/Thấp/Rất thấp)

FTKS25D	FTKS35D	FTKS50F	FTKS60F	FTKS71F
37/25/22 dB (A)	39/26/23 dB (A)	43/34/31 dB (A)	45/36/33 dB (A)	46/37/34 dB (A)

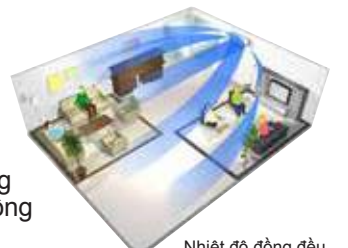
• Mặt thần thông minh với bộ cảm biến hồng ngoại sẽ tự động điều khiển hoạt động của máy điều hòa không khí theo sự hiện diện của người trong phòng. Khi không phát hiện chuyển động, máy sẽ điều chỉnh nhiệt độ tăng giảm khoảng 2°C để tiết kiệm năng lượng.



Khi bạn đang ở trong phòng

Khi bạn đi ra ngoài

• Luồng không khí 3-D kết hợp đảo gió phương đứng và phương ngang để lưu thông không khí cho tất cả các khu vực trong phòng làm lạnh cho cả không gian lớn.



Nhiệt độ đồng đều trong toàn bộ căn phòng.

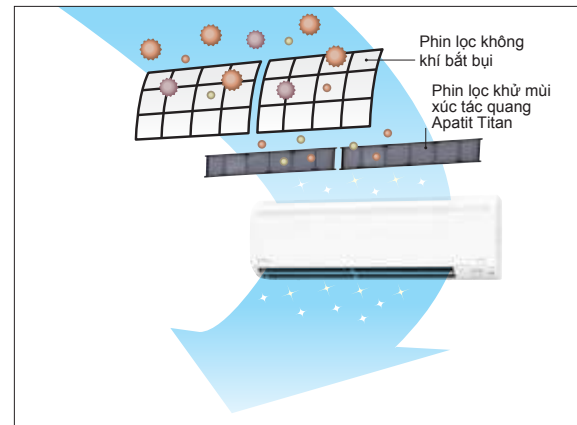
\* Chức năng này có sẵn ở model FTKS50/60/71F.

## Thông số kỹ thuật

MODEL	FTKS25DVM	FTKS35DVM	FTKS50BVM	FTKS50FVM	FTKS60FVM	FTKS71FVM	
Nguồn điện	1-pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz						
Màu mặt nạ	Trắng						
Tốc độ quạt (Cao)	m <sup>3</sup> /phút (cm)	8.7 (307)	8.9 (314)	11.4 (402)	14.7 (519)	16.2 (572)	17.4 (614)
Độ ồn (Cao/thấp/Rất thấp)	dB (A)	37/25/22	39/26/23	44/35/32	43/34/31	45/36/33	46/37/34
Tốc độ quạt	5 bước, yên tĩnh và tự động						
Kiểm soát nhiệt độ	Điều khiển bằng máy tính						
Kích thước (CxRxĐ)	mm	283x800x195	290x795x238	290x1,050x238			
Trọng lượng	kg	9		12			
Ống kết nối	Lồng (lo)	φ6.4					
	Hơi (lo)	mm	φ9.5	φ12.7	φ15.9		
	Nước xả	φ18.0					
Cách nhiệt	Cả ống lồng và hơi						

## • Phin lọc khử mùi Apatit Titan

Cùng với màn lọc micron bắt bụi, Apatit Titan còn hấp thụ chất gây dị ứng, cũng như khử mùi hiệu quả.



Các bộ lọc này không phải là thiết bị y tế. Các lợi ích như hấp thụ và phân hủy vi khuẩn chỉ có hiệu quả đối với các chất bám trên bề mặt và tiếp xúc trực tiếp với phin lọc xúc tác quang Titan Apatit.

## BỘ BP Kết nối với dàn lạnh dân dụng

### Kết nối dàn lạnh dân dụng

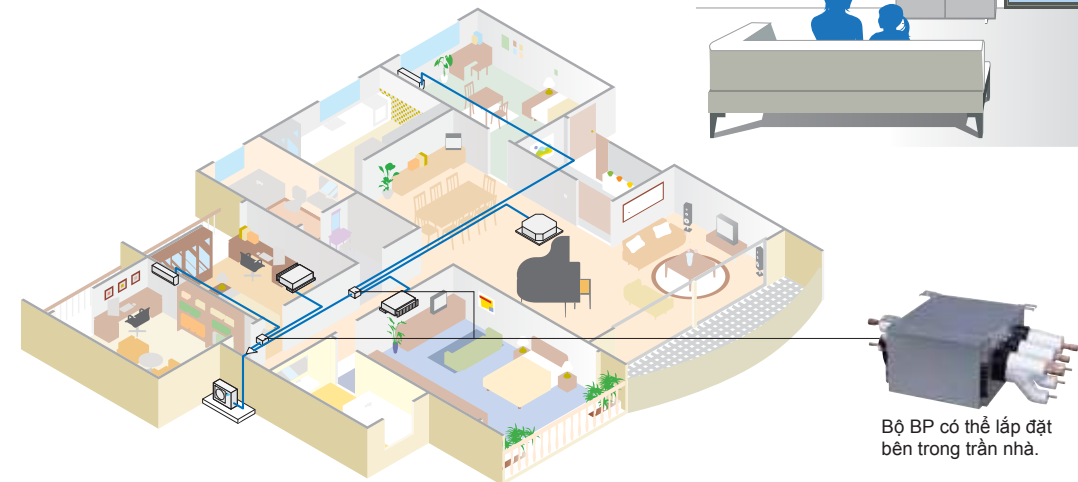
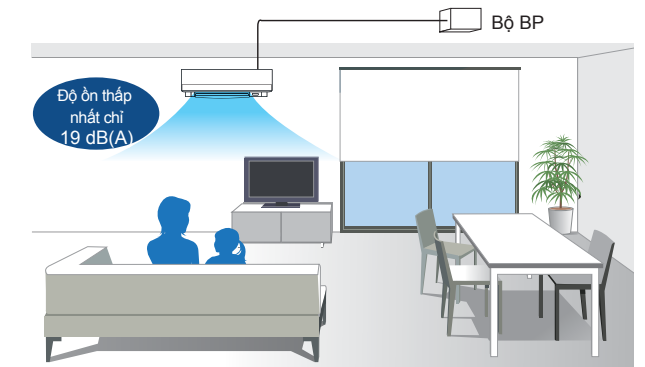
Bộ BP cho phép hệ thống VRV kết nối với các dàn lạnh dân dụng hiện đại và phong cách.



### Vận hành êm ái

Van mở rộng có xu hướng tạo ra tiếng ồn khi chất làm lạnh đi qua. Tuy nhiên, tiếng ồn này có thể được giảm bằng cách cài đặt các van trong các đơn vị BP. Bộ BP có thể được lắp bên trong trần hoặc khoảng cách sát mái cách xa dàn lạnh.

Một số dàn lạnh dân dụng Daikin chỉ có độ ồn 19 dB (A). Điều này đảm bảo hệ thống điều hòa của bạn hoạt động như êm ái nhất có thể.



Bộ BP có thể lắp đặt bên trong trần nhà.

## Thông số kỹ thuật

MODEL	BPMKS967A3	BPMKS967A2	
Nguồn điện	1-pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz		
Số bộ nối	3 (có thể nối với 1-3 dàn lạnh)	2 (có thể nối với 1-2 dàn lạnh)	
Điện năng tiêu thụ	W	10	
Dòng hoạt động	A	0.05	
Kích thước (Cao×Rộng×Đài)	mm	180X294 (+356*)X350	
Trọng lượng máy	kg	8	
Số đầu nối dây	3 đối với nguồn điện (gồm dây nối đất), 2 cho dây nối (dàn nóng-BP, BP-BP), 4 cho dây nối (BP-dàn lạnh)	7.5	
Piping Ống kết nối (Hàn)	Lồng	mm	φ9.5X1
	Chính	mm	φ6.4X3
Hơi	Chính	mm	φ19.1X1
	Nhánh	mm	φ15.9X3
Cách nhiệt	Cả ống lồng lẫn hơi		
Dàn lạnh có kết nối	Dàn lạnh dân dụng 2.0 kW -7.1kW		
Công suất định mức tối thiểu của dàn lạnh có nối	kW	2.0	
Công suất định mức tối đa của dàn lạnh có nối	kW	20.8	
		14.2	

Lưu ý: \* Tổng chiều dài ống dẫn phụ.



BPMKS967A3



BPMKS967A2



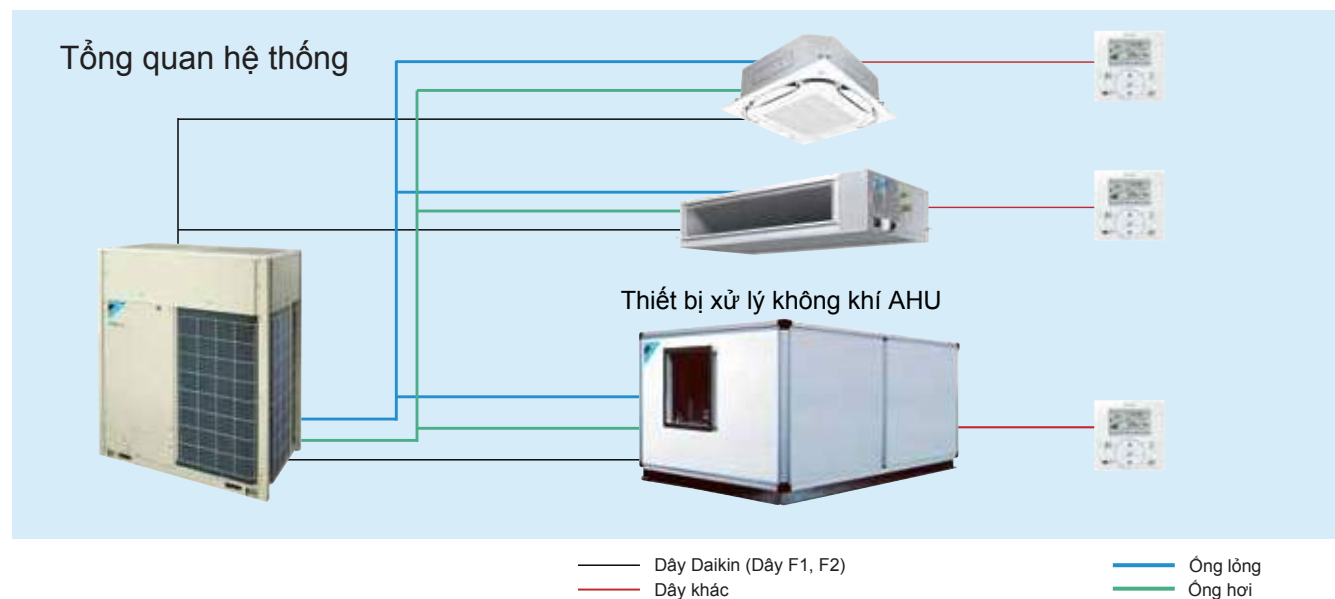
## ■ Thiết Bị Xử Lý Không Khí (AHU)

AHU là một giải pháp toàn diện dành cho các không gian rộng lớn như nhà máy và các cửa hàng lớn.

**AHUR**  
Dãy công suất : 6 – 120 HP



- Dễ thiết kế và lắp đặt
  - Hệ thống này dễ thiết kế và lắp đặt vì không có hệ thống dẫn/chứa nước như nổi hơi, thùng chứa và ống hơi.
- Bộ điều khiển biến tần
- Điều khiển nhiệt độ thông qua điều khiển từ xa có dây tiêu chuẩn của Daikin.



Thiết bị xử lý không khí Daikin có thể kết nối với hệ thống VRV thành 1 hệ thống hoàn chỉnh. Cũng có thể kết nối với các dàn nóng giải nhiệt gió. Vui lòng liên hệ Đại lý của Daikin để biết thêm chi tiết.



Ngày nay, điều hòa không khí kết hợp với xử lý không khí trở thành yêu cầu phổ biến. Bộ xử lý không khí ngoài trời của Daikin có thể kết hợp xử lý khí tươi và điều hòa không khí, được cung cấp từ một hệ thống đơn lẻ. Bộ xử lý không khí điều chỉnh nhiệt độ của không khí từ bên ngoài bằng việc điều khiển nhiệt độ cấp cố định. Cùng với bộ xử lý không khí ngoài trời, chúng tôi cũng đưa ra hệ thống thông gió thu hồi nhiệt (HRV). Bộ HRV loại VAM-GJ nói riêng được đánh giá cao về sự nhỏ gọn, bảo toàn năng lượng và dải nhiệt độ bên ngoài cho vận hành rộng. Loại này cho hiệu suất trao đổi nhiệt độ cao nhờ nâng cao tính năng của màng trao đổi nhiệt. Hơn thế nữa, việc cải thiện áp suất tĩnh bên ngoài tạo sự linh hoạt hơn cho việc lắp đặt. Bộ HRV loại VKM-GAM, được trang bị dàn giãn nở trực tiếp và máy tạo ẩm, cung cấp thêm các tính năng vượt trội, như điều chỉnh nhiệt độ để phù hợp với điều kiện trong nhà và tránh thổi gió lạnh trực tiếp vào người sử dụng khi chạy chế độ sưởi ấm. Loại này cũng tiết kiệm năng lượng đáng kể nhờ tính năng thu hồi nhiệt.

★1 Cho loại: VAM150/250/350/650/800/1000/2000GJVE  
★2 Cho loại: VAM150/350/500GJVE

	Bộ xử lý ngoài trời	Hệ thống thông gió thu hồi nhiệt		
		Loại VKM-GAM	Loại VKM-GA	Loại VAM-GJ
Kết nối với VRV	Ống ga	Có thể kết nối	Có thể kết nối	Không thể kết nối
	Dây điều khiển	Có thể kết nối	Có thể kết nối	Có thể kết nối
	Điều khiển sau lạnh và sau sưởi	Có	Có	Không
Màng trao đổi nhiệt	—	Tiết kiệm năng lượng	Tiết kiệm năng lượng	
Bộ tạo ẩm	—	Đã lắp kèm	—	
Bộ lọc hiệu suất cao	Option	Tùy chọn	Tùy chọn	
Hệ thống thông gió	Cấp khí	Cấp khí và thải khí	Cấp khí và thải khí	
Nguồn điện	220-240 V, 50 Hz	220-240 V, 50 Hz	220-240 V/220 V, 50 Hz/60 Hz	
Lưu lượng gió			150 m <sup>3</sup> /h	
			250 m <sup>3</sup> /h	
			350 m <sup>3</sup> /h	
		500 m <sup>3</sup> /h	500 m <sup>3</sup> /h	650 m <sup>3</sup> /h
		800 m <sup>3</sup> /h	800 m <sup>3</sup> /h	1000 m <sup>3</sup> /h
		1080 m <sup>3</sup> /h 1680 m <sup>3</sup> /h 2100 m <sup>3</sup> /h	1000 m <sup>3</sup> /h	1500 m <sup>3</sup> /h 2000 m <sup>3</sup> /h

\*Làm giảm nhiệt độ gió bên ngoài xấp xỉ nhiệt độ bên trong để cung cấp vào phòng sử dụng.

# Dãy Sản Phẩm Thiết Bị Xử Lý Không Khí

## Bộ Xử Lý Không Khí Ngoài Trời

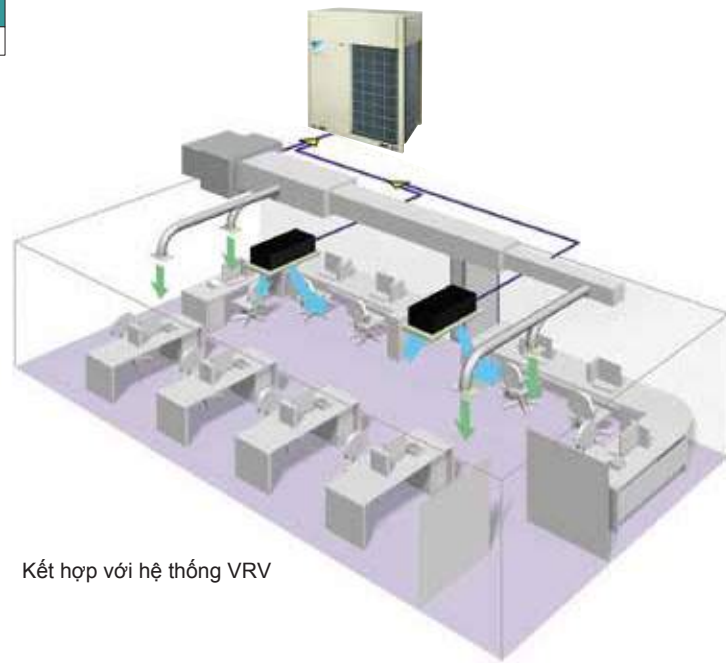
### Kết hợp xử lý và điều hòa không khí từ hệ thống đơn

#### Sản phẩm

Model	FXMQ125MFV1	FXMQ200MFV1	FXMQ250MFV1
Công suất	125	200	250

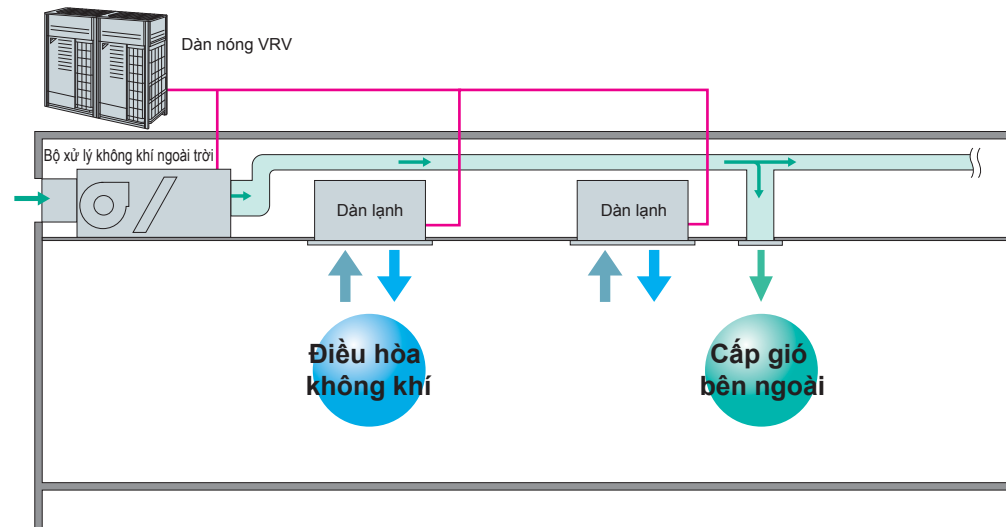


Xử lý khí tươi và điều hòa không khí có thể thực hiện với một hệ thống đơn bằng việc sử dụng kỹ thuật bơm nhiệt mà không có những ảnh hưởng thường gặp đến thiết kế cân bằng của gió cấp và gió thổi ra. Dàn lạnh (FCU) dùng cho điều hòa không khí và bộ xử lý không khí ngoài trời có thể được nối cùng một hệ thống. Kết quả làm tăng tính linh hoạt trong thiết kế và giảm đáng kể tổng chi phí cho hệ thống.



Kết hợp với hệ thống VRV

### Điều hòa không khí và xử lý không khí ngoài trời có thể được thực hiện bằng một hệ thống đơn lẻ



#### Điều kiện kết nối

Các quy định sau phải được tuân thủ để duy trì việc kết nối các dàn lạnh trong cùng một hệ thống.

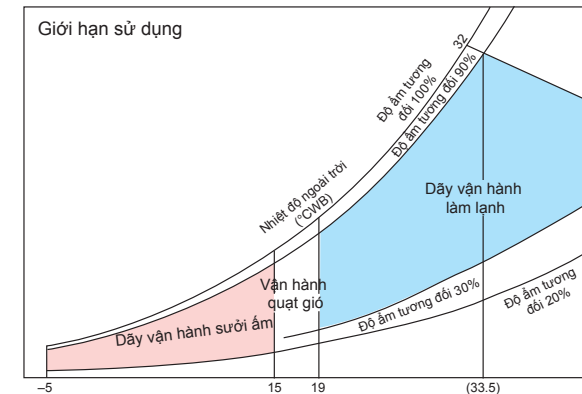
- Khi kết nối bộ xử lý không khí ngoài trời, tổng công suất kết nối phải từ 50% đến 100% tổng công suất dàn nóng.
- Khi kết nối bộ xử lý không khí ngoài trời và dàn lạnh tiêu chuẩn, tổng công suất kết nối của bộ xử lý không khí ngoài trời không được vượt quá 30% công suất dàn nóng.
- Bộ xử lý không khí ngoài trời có thể sử dụng mà không cần sử dụng dàn lạnh.

- Bộ xử lý không khí ngoài trời điều chỉnh nhiệt độ không khí bên ngoài bằng việc điều khiển nhiệt độ cấp cố định, vì vậy sẽ giảm tải lạnh.
- \* Hệ thống có thể hoạt động với nhiệt độ bên ngoài từ -5 đến 43°C. Hiệu quả sưởi ấm giảm đôi chút khi nhiệt độ bên ngoài là 0°C hoặc thấp hơn.
- \* Khi xuất xưởng, nhiệt độ điều khiển được cài đặt là 18°C cho chế độ lạnh và 25°C cho chế độ sưởi. Nhiệt độ có thể cài đặt trong dải 13–25°C ở chế độ lạnh và 18–30°C ở chế độ sưởi ấm bằng bộ điều khiển từ xa có dây tại công trình. Tuy nhiên, nhiệt độ sẽ không hiển thị trên bộ điều khiển từ xa.
- \* Trong chế độ bảo vệ máy và tùy theo điều kiện không khí ngoài trời, nhiệt độ gió cấp có thể không đạt được nhiệt độ cài đặt.
- \* Quạt sẽ dừng khi vận hành ở chế độ xả băng, hồi dầu và khởi động chế độ sưởi ấm. Quạt cũng có thể dừng do điều khiển bảo vệ máy.
- Máy giấu trần ống gió có 3 loại công suất khác nhau. Những loại này có thể kết nối với những dàn nóng **VRV** để đáp ứng nhiều yêu cầu khác nhau.

#### Lưu lượng gió

FXMQ125MFV1	1,080 m <sup>3</sup> /h
FXMQ200MFV1	1,680 m <sup>3</sup> /h
FXMQ250MFV1	2,100 m <sup>3</sup> /h

- Thiết bị tùy chọn bao gồm bộ lọc tuổi thọ cao
- Phù hợp với nhiệt độ bên ngoài từ -5°C đến 43°C.



#### Lưu ý

1. Những số liệu trên bảng đồ minh họa dài làm việc ở những điều kiện sau: Dàn lạnh và dàn nóng. Chiều dài ống: 7.5m. Chênh lệch độ cao: 0m.
2. Nhiệt độ khi cấp có thể cài đặt bằng bộ điều khiển từ xa. Tuy nhiên nhiệt độ thực tế có thể không đạt đến nhiệt độ cài đặt trong 1 số trường hợp do tải của bộ xử lý không khí ngoài trời hoặc điều khiển bảo vệ thiết bị.
3. Hệ thống sẽ không hoạt động ở chế độ quạt gió khi nhiệt độ không khí bên ngoài ở 5°C hoặc thấp hơn.

- Có thể tùy chọn bộ lọc hiệu suất cao với hiệu suất hấp thu bụi (tiêu chuẩn JIS ) 90% và 65%.
- Giống như hệ thống VRV nhiều hệ thống điều khiển có thể sử dụng, bao gồm cả điều khiển từ xa với khoảng cách lên đến 500m.

\* Không thể điều khiển nhóm giữa máy và các dàn lạnh tiêu chuẩn. Sử dụng bộ điều khiển từ xa cho mỗi máy



BRC1E63  
Điều khiển điều hướng từ xa có dây (tùy chọn)

- Chức năng "tự phân tích" biểu thị những bất thường xảy ra trong hệ thống bằng việc hiển thị mã lỗi trên bộ điều khiển từ xa.



DCS302CA61  
Điều khiển từ xa trung tâm (tùy chọn)

- Có thể lắp đặt hệ thống điều khiển trung tâm phù hợp với hệ thống VRV.

\* Không thể thay đổi các cài đặt nhiệt độ gió cấp từ hệ thống điều khiển trung tâm.

\* Không kết hợp thiết bị này cho nhóm dàn lạnh mà điều khiển trung tâm không thể điều khiển được.

- Cùng với hệ thống **VRV**, thiết bị này sử dụng "hệ thống siêu kết nối" mà dây nối giữa dàn nóng và dàn lạnh cũng có thể dùng cho điều khiển trung tâm.

#### Lưu ý:

\* Không hỗ trợ điều khiển liên kết giữa sản phẩm khác và HRV.

\* Thiết bị này có mục đích chỉ cho việc xử lý không khí ngoài trời. Nó không được sử dụng để duy trì nhiệt độ trong phòng.

Lắp đặt và sử dụng cùng với dàn lạnh tiêu chuẩn. Phải chắc chắn miệng thổi của nó ở những nơi mà gió không thổi trực tiếp thổi vào người trong phòng. Khi việc xử lý không khí bên ngoài vượt quá mức, máy sẽ cắt chế độ nhiệt, và không khí bên ngoài sẽ được thổi trực tiếp vào phòng. Đối với ống gió bên ngoài, phải sử dụng cách nhiệt để chống đọng sương.

\* Không hỗ trợ điều khiển nhóm cho máy với dàn lạnh. Bộ điều khiển từ xa nên sử dụng riêng biệt cho từng máy. Hệ thống sẽ không hoạt động chế độ quạt khi nhiệt độ bên ngoài ở 5°C hoặc thấp hơn.

\* Nếu máy hoạt động 24 giờ trong ngày, chế độ bảo dưỡng (thay thế phụ tùng, v.v...) phải được thực hiện định kỳ.

\* Không thể cài đặt nhiệt độ và thực hiện chức năng tính điện năng tiêu thụ ngay cả khi sử dụng hệ thống Intelligent Touch Controller hay Intelligent Manager III.

\* Bộ điều khiển từ xa nối với bộ xử lý không khí ngoài trời không được đặt là bộ điều khiển từ xa chính. Khi cài đặt Auto, chế độ hoạt động sẽ bật tùy theo điều kiện không khí ngoài trời, không quan tâm tới nhiệt độ trong phòng.



# Dãy Sản Phẩm Thiết Bị Xử Lý Không Khí

## Đặc Tính Kỹ Thuật

### Dàn lạnh

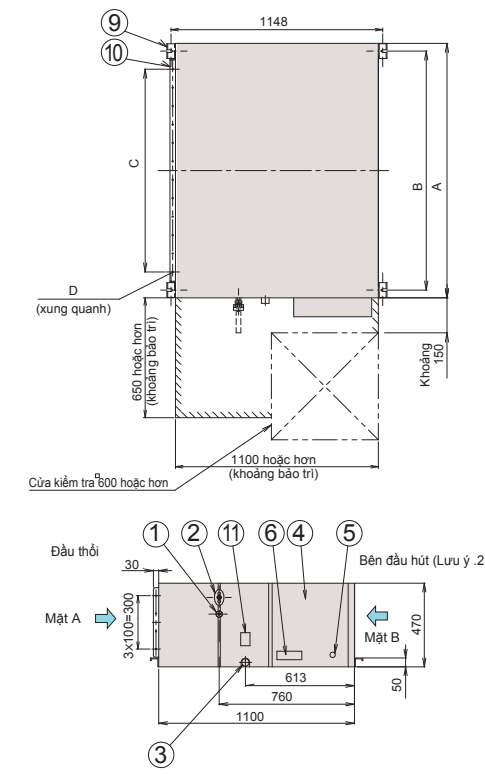
Loại		Loại giấu trần nối ống gió hồi sau				
Model		FXMQ125MFV1	FXMQ200MFV1	FXMQ250MFV1		
Điện nguồn		1-pha 220-240 V (cũng yêu cầu cho dàn lạnh), 50 Hz				
Công suất làm lạnh *1	Btu/h	47,800	76,400	95,500		
	kW	14.0	22.4	28.0		
Điện năng tiêu thụ	kW	0.359	0.548	0.638		
Vỏ máy		Tấm thép mạ kẽm				
Kích thước (CaoXRộngXDày)		470X744X1,100				
Quạt	Công suất động cơ	0.380				
	Lưu lượng gió	m <sup>3</sup> /phút	18	28		
		cfm	635	988		
	Áp suất tĩnh ngoài	220V/240V	Pa	185/225	225/275	205/255
Bộ lọc không khí		*2				
Ống kết nối	Nước xả	φ9.5 (rắc co)				
	Lồng	mm	φ15.9 (rắc co)	φ19.1 (hàn cứng)		
	Hơi	mm	PS1B ren trong			
Khối lượng máy	kg	86	123			
Độ ồn *3	220V/240V	dB(A)		42/43		
Dàn nóng có thể kết nối *4		6 HP hoặc hơn	8 HP hoặc hơn	10 HP hoặc hơn		
Dải hoạt động (từ 15 đến 19°C ở chế độ quạt)		Làm lạnh				
Dải nhiệt độ cấp *5		Làm lạnh				

Lưu ý: \*1. Các thông số kỹ thuật dựa trên các điều kiện sau:  
 • Làm lạnh: Nhiệt độ bên ngoài là 33°CDB, 28°CWB (68% RH), và nhiệt độ xả là 18°CDB.  
 • Sưởi: Nhiệt độ bên ngoài 0°CDB, -2.9°CWB (50% RH), và nhiệt độ xả là 25°CDB.  
 • Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m (0m phương ngang)  
 \*2. Không cung cấp bộ lọc khí nạp, đảm bảo lắp đặt bộ lọc có độ bền lớn có nhiều kiểu mẫu để lựa chọn hoặc bộ lọc có hiệu suất lớn. Lắp đặt bộ lọc vào hệ thống ống dẫn, phía các ống hút không khí. Chọn hiệu suất hút bụi (phương pháp hút) là ≥ 50%.  
 \*3. Giá trị chuyển đổi bản tiêu âm đo lường tại một điểm 1.5 m từ trên xuống dưới với mức đo là vị trí trung tâm thiết bị. Các giá trị này thông thường sẽ cao hơn trong quá trình vận hành thực tế tùy theo các điều kiện không khí bên ngoài.

\*4. Có thể kết nối với thiết bị bên ngoài nếu tổng công suất của các dàn lạnh đạt 50-100% chỉ số công suất của các dàn nóng.  
 \*5. Phương thức cài đặt cho từng phòng. Không hiển thị trên bộ điều khiển từ xa.  
 • Không thể kết hợp thiết bị này cùng với bộ điều khiển nhóm từ xa của hệ thống VRV IV.

## KÍCH THƯỚC

### FXMQ125/200/250MFV1



\*Sơ đồ này dựa theo FXMQ200 và FXMQ250MFV1.

### Kích cỡ ống nối

Model	Đường kính ống hơi	Đường kính ống lỏng
FXMQ125MFV1	φ15.9	φ9.5
FXMQ200MFV1	φ 19.1 đường ống kèm theo	φ9.5
FXMQ250MFV1	φ 22.2 đường ống kèm theo	φ9.5

### Bảng kích thước

Model	A	B	C	D
FXMQ125MFV1	744	685	5X100=500	Lỗ 20 - φ4.7
FXMQ200MFV1	1380	1296	11X100=1100	Lỗ 32 - φ4.7
FXMQ250MFV1	1380	1296	11X100=1100	Lỗ 32 - φ4.7

### Lưu ý:

- Ống vẽ trong sơ đồ chỉ cho FXMQ200MFV1 và FXMQ250MFV1. Đầu ống nối hơi (② trong sơ đồ) khác với FXMQ125MFV1.
- Bộ lọc không khí không được cung cấp theo máy. Phải chắc chắn lắp bộ lọc không khí ở đầu hút gió [sử dụng bộ lọc hiệu suất hấp thụ bụi tối thiểu 50% (phương pháp trong lực). Tùy chọn].
- Đối với ống gió dàn nóng phải có cách nhiệt để chống đọng sương.

- ① Ống nối lỏng
- ② Ống nối hơi
- ③ Ống nước ngưng
- ④ Hộp điện
- ⑤ Thanh nối đất
- ⑥ Bảng tên thiết bị
- ⑦ Dây nguồn
- ⑧ Dây điều khiển
- ⑨ Giá treo
- ⑩ Bích nối đầu thổi
- ⑪ Công cấp nước
- ⑫ Ống đính kèm (lưu ý 1)

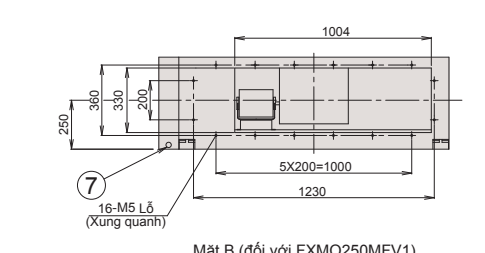
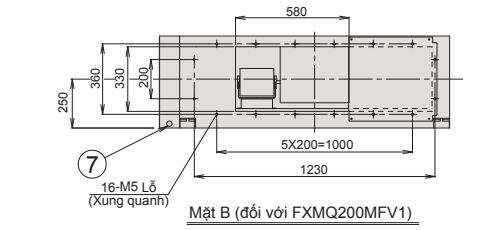
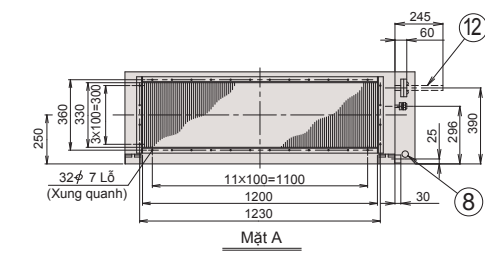
## Các thiết bị tùy chọn

### Dàn lạnh

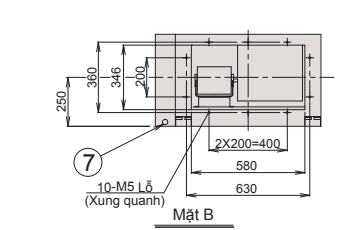
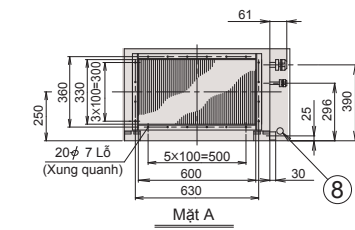
Model	FXMQ125MFV1	FXMQ200MFV1	FXMQ250MFV1
Bộ điều khiển từ xa	BRC1E63/BRC1C62		
Bộ điều khiển từ xa trung tâm	DCS302CA61		
Bộ điều khiển Tắt/Mở đồng nhất	DCS301BA61		
Bộ lập trình thời gian	DST301BA61		
Bộ chuyển mạch kết nối cho các thiết bị điện (1)	KRP2A61		
Bộ chuyển mạch kết nối cho các thiết bị điện (2)	KRP4AA51		
Bộ lọc thay thế tuổi thọ cao	KAFJ371L140	KAFJ371L280	
Bộ lọc hiệu suất cao	Phương pháp đo màu 65%	KAFJ372L280	
	Phương pháp đo màu 90%	KAFJ373L280	
Buồng lọc *1	KDJ3705L140	KDJ3705L280	
Bộ bơm nước xả	KDU30L250VE		
Bộ chuyển mạch	KRP1B61		

Lưu ý: \*1. Buồng lọc có bích đường hồi (thiết bị chính không có)  
 • Kích thước và khối lượng phụ thuộc thiết bị tùy chọn được sử dụng.  
 • Một số sự lựa chọn có thể không sử dụng do điều kiện lắp đặt, vui lòng xác nhận trước khi đặt hàng.  
 • Một số sự lựa chọn có thể không sử dụng do điều kiện lắp đặt, vui lòng xác nhận trước khi đặt hàng.  
 • Độ ồn khi hoạt động có thể hơi tăng tùy thuộc thiết bị tùy chọn được sử dụng.

### FXMQ200/250MFV1



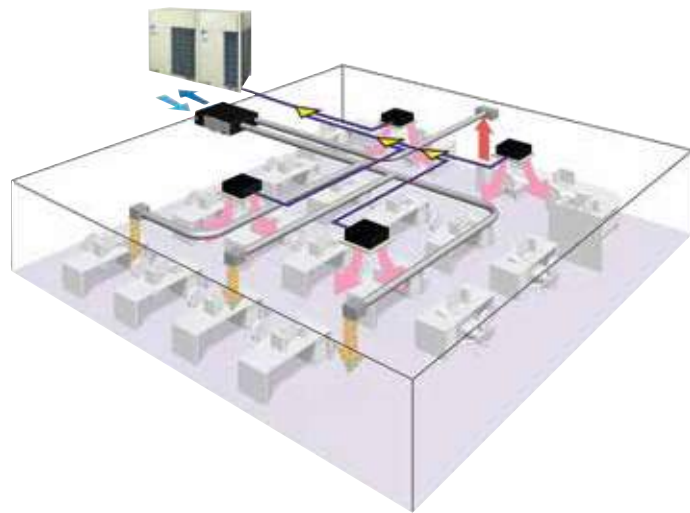
### FXMQ125MFV1



# Dãy Sản Phẩm Thiết Bị Xử Lý Không Khí

## Hệ Thống Thông Gió Thu Hồi Nhiệt Với Dàn Giãn Nở Trực Tiếp (DX Coil) Và Bộ Tạo Ẩm - VKM Series

Bộ HRV với tính năng dàn giãn nở trực tiếp (DX Coil) nhằm đáp ứng yêu cầu cung cấp gió tươi đa dạng.



### Sản phẩm

Với dàn giãn nở trực tiếp (DX coil) và bộ tạo ẩm			
Model	VKM50GAMV1	VKM80GAMV1	VKM100GAMV1
Công suất	31.25	50	62.5

Với dàn giãn nở trực tiếp (DX Coil)			
Model	VKM50GAV1	VKM80GAV1	VKM100GAV1
Công suất	31.25	50	62.5



### Bộ tạo ẩm

Dòng sản phẩm bao gồm các loại với bộ tạo ẩm, đáp ứng được những yêu cầu đa dạng của khách hàng. (Cho VKM50/80/100GAMV1)

### Dàn giãn nở trực tiếp

Tính năng dàn giãn nở trực tiếp góp phần hạn chế khí lạnh thổi trực tiếp vào người sử dụng khi chạy chế độ sưởi nhờ quá trình sau lạnh, sau sưởi được thực hiện sớm hơn.

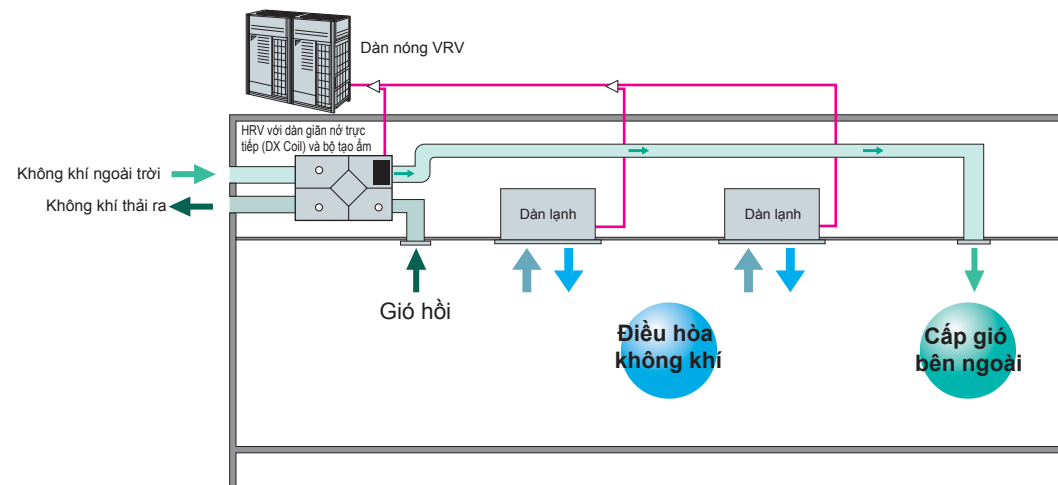
### Áp suất tĩnh cao

Áp suất tĩnh ngoài cao giúp linh hoạt hơn trong việc thiết kế.

### Hiệu quả trong việc cung cấp không khí ngoài trời

HRV (loại VKM) phân phối gió tươi bên ngoài với tổn thất nhiệt thấp nhất cùng với các tính năng đa dạng, đáp ứng các yêu cầu của khách hàng.

Điều hòa không khí và xử lý không khí ngoài trời có thể được thực hiện bằng một hệ thống đơn lẻ



### Điều kiện kết nối

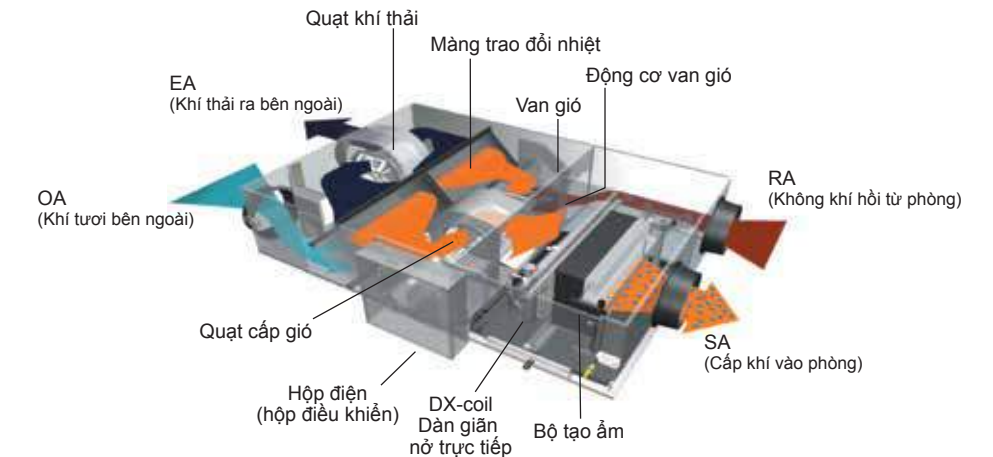
Các quy định sau phải được tuân thủ để bảo trì dàn lạnh được kết nối trong cùng hệ thống.

- Khi các thiết bị của bộ thông gió thu hồi nhiệt VKM được kết nối với nhau, tổng chỉ số công suất kết nối phải đạt 50-130% chỉ số công suất của dàn nóng.

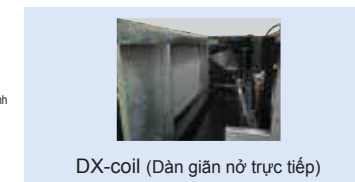
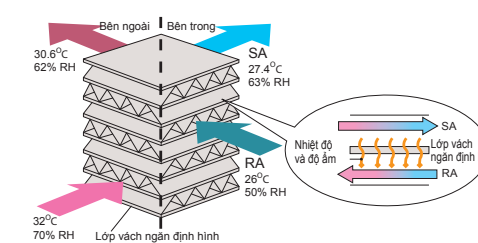
### Một thiết bị nhỏ gọn với công nghệ tiên tiến của Daikin



Thiết bị HEP (chống mốc)



### Sự hoạt động của màng trao đổi nhiệt

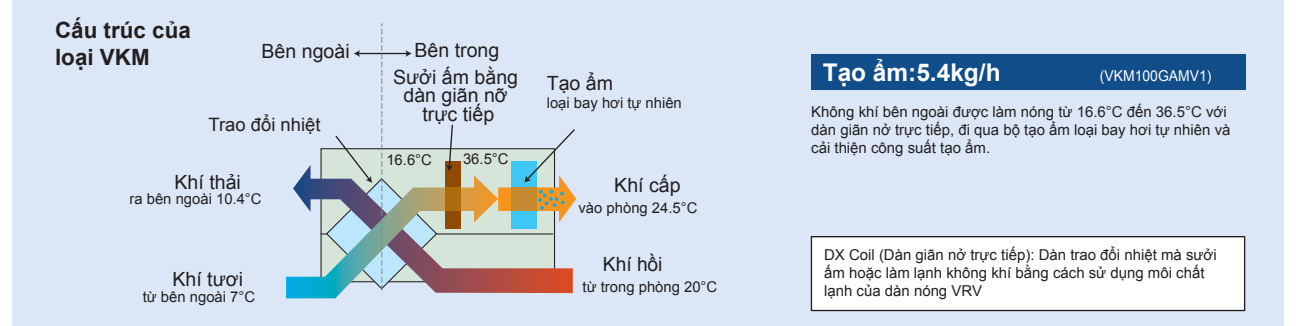


DX-coil (Dàn giãn nở trực tiếp)



Bộ tạo ẩm

### Quá trình xử lý sương ẩm và tạo ẩm

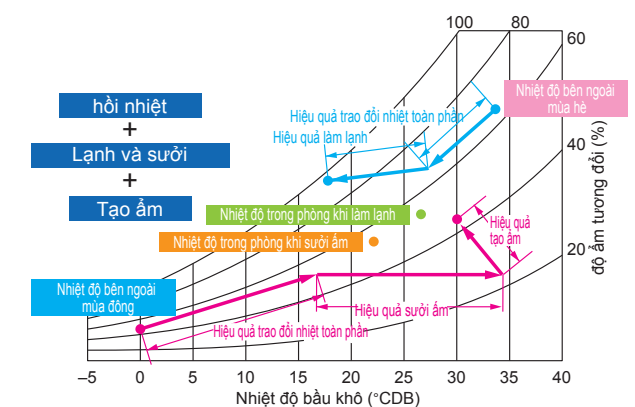


### Cung cấp không khí sạch từ bên ngoài thông qua hệ thống trao đổi nhiệt, làm lạnh/sưởi ấm

Dàn lạnh với hệ thống xử lý không khí ngoài trời  
Đưa nhiệt độ không khí ngoài trời đến gần nhiệt độ phòng làm giảm công suất của dàn lạnh.

### Những tính năng khác

- Hệ thống tích hợp giữa vận hành thông gió và tạo ẩm.
- Thông gió, làm lạnh/sưởi ấm và tạo ẩm có thể thực hiện bằng một bộ điều khiển từ xa.





# Dãy Sản Phẩm Thiết Bị Xử Lý Không Khí

## THÔNG SỐ KỸ THUẬT

MODEL				VKM50GAMV1*	VKM80GAMV1*	VKM100GAMV1*	VKM50GAV1	VKM80GAV1	VKM100GAV1
Môi chất				R-410A					
Điện nguồn				1-pha, 220-240 V, 50 Hz					
Lưu lượng gió & áp suất tĩnh (Lưu ý 7)	Rất cao	Lưu lượng gió	m <sup>3</sup> /h	500	750	950	500	750	950
		Áp suất tĩnh	Pa	160	140	110	180	170	150
	Cao	Lưu lượng gió	m <sup>3</sup> /h	500	750	950	500	750	950
		Áp suất tĩnh	Pa	120	90	70	150	120	100
	Thấp	Lưu lượng gió	m <sup>3</sup> /h	440	640	820	440	640	820
		Áp suất tĩnh	Pa	100	70	60	110	80	70
Công suất điện	Chế độ trao đổi nhiệt	Rất cao	W	560	620	670	560	620	670
		Cao	W	490	560	570	490	560	570
		Thấp	W	420	470	480	420	470	480
	Chế độ thông gió trực tiếp	Rất cao	W	560	620	670	560	620	670
		Cao	W	490	560	570	490	560	570
		Thấp	W	420	470	480	420	470	480
Kiểu quạt				Quạt Sirocco					
Công suất động cơ				kW					
Độ ồn (Lưu ý 5) (220/230/240 V)	Chế độ trao đổi nhiệt	Rất cao	dB(A)	37/37.5/38	38.5/39/40	39/39.5/40	38/38.5/39	40/41/41.5	40/40.5/41
		Cao	dB(A)	35/35.5/36	36/37/37.5	37/37.5/38	36/36.5/37	37.5/38/39	38/38.5/39
		Thấp	dB(A)	32/33/34	33/34/35.5	34/34.5/35.5	33.5/34.5/35.5	34.5/36/37	35/36/36.5
	Chế độ thông gió trực tiếp	Rất cao	dB(A)	37/37.5/38	38.5/39/40	39/39.5/40	38/38.5/39	40/41/41.5	40/40.5/41
		Cao	dB(A)	35/35.5/36	36/37/37.5	37/37.5/38	36/36.5/37	37.5/38/39	38/38.5/39
		Thấp	dB(A)	32/33/34	33/34/35.5	34/34.5/35.5	33.5/34.5/35.5	34.5/36/37	35/36/36.5
Công suất tạo ẩm (Lưu ý 4)				kg/h					
Hiệu suất trao đổi nhiệt	Rất cao	%	76	78	74	76	78	74	
	Cao	%	76	78	74	76	78	74	
	Thấp	%	77.5	79	76.5	77.5	79	76.5	
Hiệu suất trao đổi Enthapy (Lâm lạnh)	Rất cao	%	64	66	62	64	66	62	
	Cao	%	64	66	62	64	66	62	
	Thấp	%	67	68	66	67	68	66	
Hiệu suất trao đổi Enthapy (Sưởi ấm)	Rất cao	%	67	71	65	67	71	65	
	Cao	%	67	71	65	67	71	65	
	Thấp	%	69	73	69	73	69	73	
Vỏ máy				Thép mạ kẽm					
Vật liệu cách nhiệt				Bọt Polyurethane không cháy					
Hệ thống trao đổi nhiệt				Trao đổi nhiệt toàn phần (nhiệt ẩn + nhiệt hiện) của hai dòng khí ngược chiều					
Màng trao đổi nhiệt				Giấy không cháy					
Bộ lọc không khí				Lớp sợi phủ nhiều hướng					
Công suất của dàn trao đổi nhiệt dẫn nở trực tiếp	Lâm lạnh (Lưu ý 2)	kW	2.8	4.5	5.6	2.8	4.5	5.6	
	Sưởi ấm (Lưu ý 3)	kW	3.2	5.0	6.4	3.2	5.0	6.4	
Kích thước	Cao	mm	387	387	387	387	387	387	
	Rộng	mm	1,764	1,764	1,764	1,764	1,764	1,764	
	Dày	mm	832	1,214	1,214	832	1,214	1,214	
Đường kính nối ống gió				mm					
Khối lượng máy	Máy	kg	102	120	125	96	109	114	
	Tổng (Lưu ý 8)	kg	107	129	134	—	—	—	
Điều kiện môi trường				Xung quanh máy					
				0°C-40°CDB, 80%RH hoặc nhỏ hơn					
				-15°C-40°CDB, 80%RH hoặc nhỏ hơn					
OA (Lưu ý 9)				0°C-40°CDB, 80%RH hoặc nhỏ hơn					
				0°C-40°CDB, 80%RH hoặc nhỏ hơn					

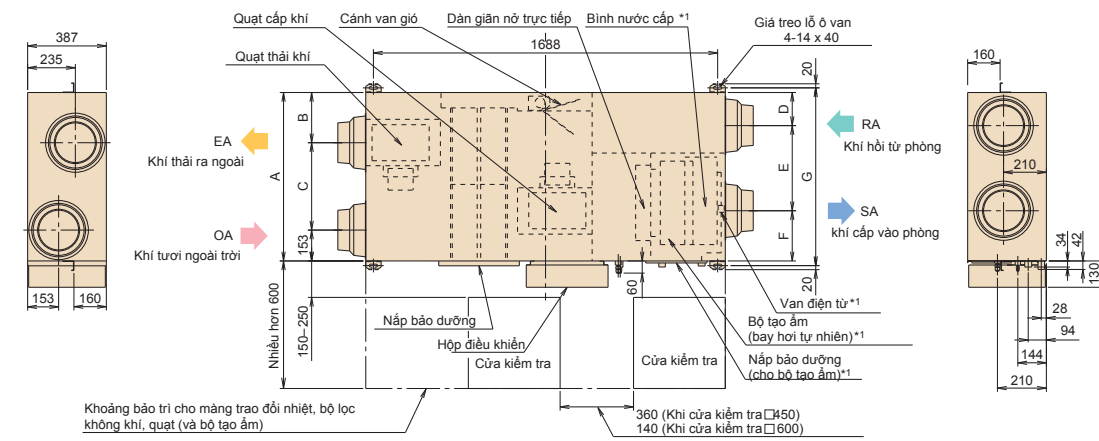
- Lưu ý: 1. Công suất lạnh và Sưởi dựa trên những điều kiện sau đây. Quạt dựa trên loại cao hoặc rất cao. Khi tính công suất của dàn lạnh, sử dụng những cấu hình sau: VKM50GAMV1/GV1: 3.5kW, VKM80GAMV1/GV1: 5.6kW, VKM100GAMV1/GV1: 7.0kW.  
 2. Nhiệt độ trong nhà: 27°CDB, 19°CWB. Nhiệt độ ngoài trời: 35°CDB.  
 3. Nhiệt độ trong nhà: 20°CDB. Nhiệt độ ngoài trời: 7°CDB, 6°CWB.  
 4. Công suất tạo ẩm dựa trên những điều kiện sau: Nhiệt độ trong nhà: 20°CDB, 15°CWB. Nhiệt độ ngoài trời: 7°CDB, 6°CWB.  
 5. Độ ồn được đo ở dưới tầm máy 1.5m và trong phòng cách âm phù hợp với tiêu chuẩn JIS C 1502. Độ ồn thực tế khác nhau tùy theo những điều kiện xung quanh và thông thường cao hơn giá trị này. Yêu cầu vận hành trong phòng kín, để lấy số đo độ ồn. Tham khảo tài liệu kỹ thuật để biết thêm chi tiết.  
 6. Độ ồn ở cửa thổi khoảng 8-11dB (A) hoặc cao hơn tiếng ồn chạy của máy. Yêu cầu vận hành trong phòng kín, để lấy số đo độ ồn.  
 7. Lưu lượng gió có thể bất sang chế độ thấp hoặc cao.  
 8. Trong trường hợp chứa đầy nước trong bộ tạo ẩm.  
 9. OA: Khí tươi bên ngoài. RA: Khí hồi.  
 10. Đặc tính kỹ thuật, thiết kế và các thông tin ở đây có thể thay đổi mà không thông báo.  
 11. Công suất điện và hiệu suất dựa trên giá trị lưu lượng gió ở trên.

12. Hiệu suất trao đổi nhiệt là trị số chính của làm lạnh và sưởi. Hiệu suất được đo ở những điều kiện sau: tỉ lệ áp suất tĩnh ngoài giữa bên ngoài và bên trong được giữ không đổi từ 7 đến 1.  
 13. Khi chạy nóng, độ đóng băng của dàn nóng tăng. Khả năng sưởi giảm và hệ thống sẽ chạy chế độ xả băng. Trong khi xả băng, quạt của máy vẫn tiếp tục chạy (cài đặt tại nhà máy). Mục đích là duy trì lượng thông gió và ẩm.  
 14. Khi nối với dàn nóng của hệ thống hồi nhiệt VRV và lấy khí hồi của máy này trực tiếp từ trên trần, nối tới bộ BS xác định dàn lạnh VRV (máy chủ) và sử dụng hoạt động liên kết nhóm (Xem chi tiết trong tài liệu hướng dẫn kỹ thuật).  
 15. Khi nối dàn lạnh trực tiếp vào ống gió, luôn luôn sử dụng cùng hệ thống cho dàn lạnh cùng với dàn nóng, để hoạt động liên kết nhóm, sử dụng bộ điều khiển từ xa để cài đặt trực tiếp nối ống gió (chế độ số "17(27)"- Mã thứ nhất số "5", Mã thứ hai số "6"). Không nối tới đầu ra của dàn lạnh. Tùy theo cường độ và áp suất tĩnh quạt thiết bị có thể dự phòng.

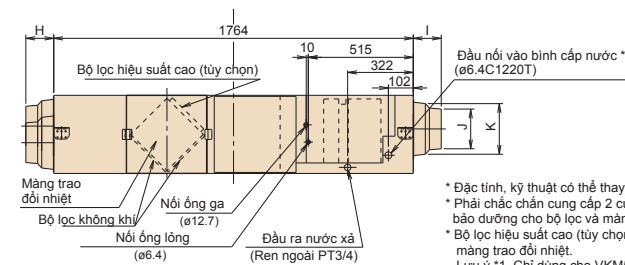
\* Cung cấp nước sạch (nước thành phố, nước vôi hoặc tương tự). Nước bẩn sẽ làm tắt van hoặc gây bám bẩn trong bình chứa, làm cho đặc tính của bộ tạo ẩm không tốt không bao giờ sử dụng nước thấp giải nhiệt và nước cho mục đích sưởi ấm. Nếu nước cấp là nước cứng, cần sử dụng bộ làm mềm nước để bảo vệ thiết bị. \* Tuổi thọ của thiết bị tạo ẩm khoảng 3 năm (4000 giờ) ở điều kiện nước cấp như sau Độ cứng: 150mg/l (Tuổi thọ của thiết bị tạo ẩm khoảng 1 năm (1500 giờ) nếu độ cứng của nước cấp: 400mg/l).  
 Số giờ hoạt động hàng năm: 10 giờ/ngày X 26 ngày/ tháng X 5 tháng = 1300 giờ.

## KÍCH THƯỚC

VKM50/80/100GA(M)V1



	VKM50GA(M)V1	VKM80/100GA(M)V1
A	832	1,214
B	248	439
C	431	622
D	164	183
E	420	592
F	248	439
G	878	1,262
H	137	89
I	137	89
J	ø196	ø246
K	ø250	ø263



- \* Đặc tính, kỹ thuật có thể thay đổi mà không thông báo trước.  
 \* Phải chắc chắn cung cấp 2 cửa kiểm tra (□450 hoặc □600) ở bên bảo dưỡng cho bộ lọc và màng.  
 \* Bộ lọc hiệu suất cao (tùy chọn) có thể áp vào bề mặt cấp khí của màng trao đổi nhiệt.  
 Lưu ý \*1. Chỉ đúng cho VKM50/80/100GAMV1.

## THIẾT BỊ TÙY CHỌN

Tên		Loại											VKM50/80/100GA(M)V1										
Thiết bị điều khiển trung tâm	Bộ điều khiển từ xa	BRC1E63/BRC1C62 *1																					
	Thiết bị điều khiển	DCS303A51 *2																					
	Bộ điều khiển từ xa trung tâm	DCS302CA61																					
	Bộ điều khiển TẮT/BẬT đồng nhất	DCS301BA61																					
Thiết bị điều khiển PCB	Bộ lập trình thời gian	DST301BA61																					
	Bộ chuyển mạch cho các thiết bị điện	KRP2A61																					
	Cho tín hiệu đầu ra chạy ON của bộ tạo ẩm	KRP50-2																					
	Cho bộ điều khiển sưởi	BRP4A50																					
Bộ chuyển mạch PCB	Cho dây điều khiển	Loại (dàn lạnh VRV)	FXFSQ-A	FXZQ-M	FXCQ-M	FXEQ-A	FXDQ-PD	FXDQ-ND	FXSQ-PA	FXMQ-PA	FXMQ-MA	FXUQ-A	FXHQ-MA	FXAQ-P	FXLQ-MA	FXNQ-MA	FXVQ-N	FXBQ-P	FXBQ-P	FXBQ-P	FXBQ-P		
	Hộp đấu cho bộ chuyển mạch PCB*		Lưu ý 2, 3	Lưu ý 4, 5	Lưu ý 2, 3	—	Lưu ý 4, 5	Lưu ý 2, 3	Lưu ý 2, 3	Lưu ý 2, 3	Lưu ý 2, 3	—	—	Lưu ý 3	Lưu ý 2, 3	—	—	—	—	—	—		
			KRP1C1A*	KRP1BA57*	KRP1B61*	—	KRP1B56*	KRP1C64*	KRP1C64*	KRP1B61	KRP1C67	KRP1BA54	—	KRP1B61	KRP1C67	KRP1C67	KRP1C67	KRP1B61	KRP1C67	KRP1B61			
			KRP1H98A	KRP1BA101	KRP1B96	—	KRP1BA101	KRP4A98	KRP4A97	—	—	—	KRP1CA93	KRP4AA93	—	—	—	—	—	—			

- Lưu ý: 1. Hộp lắp đặt \*1 là cần thiết cho bộ chuyển mạch được ký hiệu \*.  
 2. Có thể gắn 2 bộ chuyển mạch trong 1 hộp lắp đặt.  
 3. Có thể lắp đặt chỉ một hộp cho mỗi dàn lạnh.  
 4. Có thể lắp đặt đến hai hộp cho mỗi dàn lạnh.  
 5. Hộp đấu dây \* cần thiết cho bộ chuyển mạch thứ hai.  
 6. \*1 Cần thiết khi vận hành HRV (VKM) độc lập. Khi vận hành liên kết với những bộ ĐHKH khác, sử dụng bộ điều khiển của máy điều hòa không khí.  
 \*2 Chỉ sử dụng cho nhà riêng. Khi nối với HRV (VKM), chỉ MỞ/TẮT nguồn điện.  
 Không thể sử dụng với những thiết bị điều khiển trung tâm khác.

Phu kiện		Loại			VKM50GA(M)V1	VKM80GA(M)V1	VKM100GA(M)V1
Bộ tiêu âm	Đường kính ống	mm	—				KDDM24B100
	Trắng	mm	K-DGL200B				φ 250
Cửa hút/thổi	Đường kính ống	mm	φ 200				K-DGL250B
	Trắng	mm	φ 200				φ 250
Bộ lọc hiệu suất cao	KAF242H80M						KAF242H100M
Bộ lọc thay thế	KAF241G80M						KAF241G100M
Ống gió mềm (1 m)	K-FDS201D						K-FDS251D
Ống gió mềm (2 m)	K-FDS202D						K-FDS252D

# Dãy Sản Phẩm Thiết Bị Xử Lý Không Khí

## HRV Hệ Thống Thông Gió Thu Hồi Nhiệt - VAM Series

Bộ HRV phối hợp với điều hòa không khí tạo ra môi trường chất lượng cao.

Dãy sản phẩm

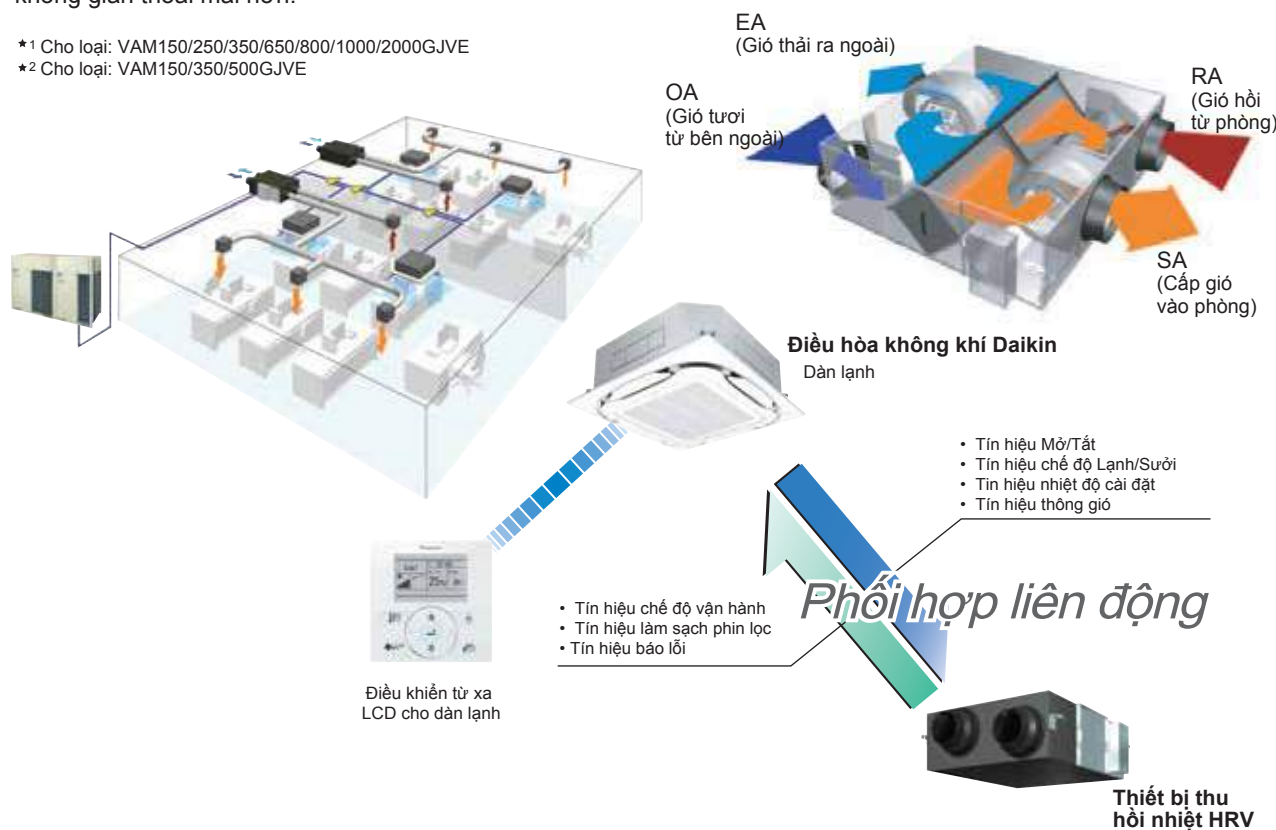
VAM150GJVE, VAM250GJVE, VAM350GJVE, VAM500GJVE, VAM650GJVE, VAM800GJVE, VAM1000GJVE, VAM1500GJVE, VAM2000GJVE

Cải thiện hiệu suất Enthalpy  
Áp suất tĩnh ngoài cao hơn  
Nâng cao chức năng tiết kiệm năng lượng



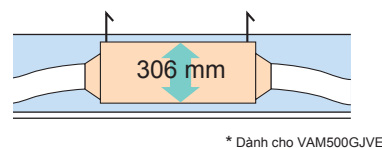
Hệ thống thông gió thu hồi nhiệt - loại VAM\*<sup>1</sup> mang lại hiệu suất Enthalpy cao hơn, do nâng cao hiệu quả của màng trao đổi nhiệt mỏng. Hơn nữa, áp suất tĩnh ngoài\*<sup>2</sup> được cải thiện giúp nâng cao tính linh hoạt trong lắp đặt. Bên cạnh ba yếu tố nổi bật này, hoạt động làm lạnh vào ban đêm đóng góp vào việc tiết kiệm năng lượng và mang lại không gian thoải mái hơn.

\*<sup>1</sup> Cho loại: VAM150/250/350/650/800/1000/2000GJVE  
\*<sup>2</sup> Cho loại: VAM150/350/500GJVE



### Thiết bị gọn nhẹ

Với chiều cao 306 mm, thiết bị được lắp đặt dễ dàng trong không gian hạn chế, ví dụ như ở trên trần.

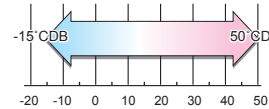


### Bảo tồn năng lượng

Tải cho điều hòa không khí giảm xấp xỉ 31%

### Phù hợp với khí hậu lạnh

Vận hành tiêu chuẩn ở nhiệt độ xuống đến -15°C.



## Tải điều hòa không khí giảm khoảng 31%!

### Tổng nhiệt trao đổi thông gió

Thiết bị này thu hồi lại năng lượng nhiệt mất đi do quá trình thổi và hạn chế sự thay đổi nhiệt độ phòng do quá trình thông gió ra, vì vậy bảo tồn năng lượng và giảm tải cho hệ thống điều hòa không khí.

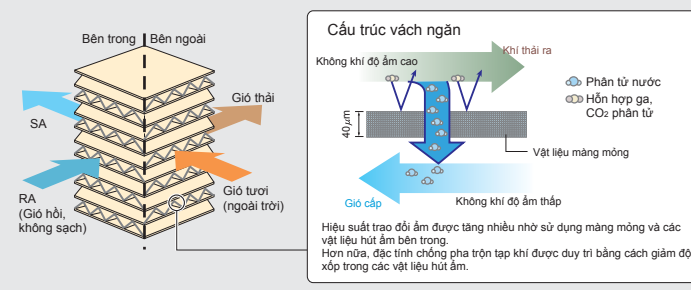
### Hiệu suất Enthalpy được cải thiện mạnh mẽ bởi ứng dụng công nghệ màng mỏng mới nhất! (Loại VAM-GJ)

Nhờ có màng mỏng hơn...

- Giảm sự hút ẩm của các vách ngăn một cách mạnh mẽ.
- Tạo ra thêm khoảng không cho các lớp nhiều hơn, kết quả là làm tăng diện tích trao đổi giữa khí cấp và khí thải.

Thickness of the partition sheet  
40 μm

Sự hút ẩm tăng xấp xỉ 10%!



23%

6%

### Chuyển đổi chế độ tự động thông gió

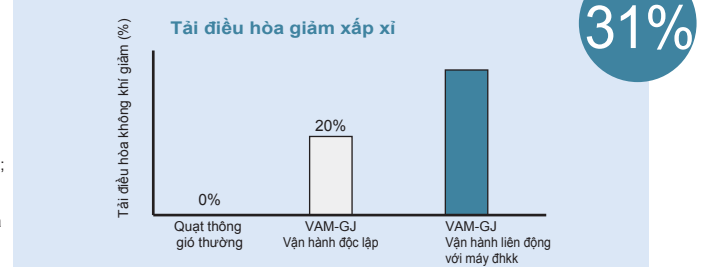
Chuyển đổi tự động chế độ thông gió (Chế độ trao đổi nhiệt toàn phần / chế độ thông gió) tùy theo tình trạng vận hành của máy điều hòa không khí.

### Điều khiển tự động làm lạnh/ sưởi trước

Giảm tải điều hòa không khí bằng cách không chạy HRV khi không khí vẫn sạch ngay sau khi máy điều hòa không khí được BẬT.

2%

- Tải điều hòa không khí giảm hoặc có thể thay đổi phụ thuộc vào thời tiết và các điều kiện môi trường khác tại nơi lắp thiết bị.
- Tải điều hòa không khí giảm dựa trên những điều kiện sau:  
Nơi ứng dụng: Tòa nhà văn phòng TOKYO  
Kiểu tòa nhà: 2 tầng nổi, 6 tầng hầm, diện tích 2100m<sup>2</sup>  
Mật độ người: 0,25 người/m<sup>2</sup>  
Lưu lượng thông gió: 25m<sup>3</sup>/h  
Điều kiện không khí trong nhà: mùa hè: 25°C, độ ẩm 50%; giao mùa: 24°C, độ ẩm 50%; mùa đông: 22°C, độ ẩm 40%  
Thời gian vận hành: 2745 giờ (9 giờ/ngày, khoảng 25 ngày/tháng)  
Cách tính: mô phỏng dựa vào "MICRO-HASP/1982" của Hiệp hội khoa học Cơ điện tòa nhà Nhật bản.



## Vận hành làm lạnh linh hoạt ban đêm\*<sup>1</sup>

Chế độ vận hành vào ban đêm là một chức năng bảo tồn năng lượng, chức năng này làm việc vào ban đêm khi các máy điều hòa không khí đã tắt. Bằng việc thông gió các phòng, nơi chứa các thiết bị làm tăng nhiệt độ, vận hành vào ban đêm sẽ làm giảm tải lạnh khi các máy điều hòa bật vào buổi sáng. Nó cũng giúp tránh khỏi cảm giác không thoải mái vào buổi sáng mà nguyên nhân là do nhiệt tích lũy trong suốt cả đêm.

- Chế độ vận hành vào ban đêm chỉ làm việc khi được kết nối với hệ thống Multi hoặc VRV của tòa nhà.
- Chế độ vận hành vào ban đêm được cài đặt "tắt" tại nhà máy, nếu muốn sử dụng phải yêu cầu nhà cung cấp bật nó lên.

- \*1. Chức năng này chỉ hoạt động khi kết nối với các máy điều hòa không khí
- \*2. Giá trị dựa trên các điều kiện sau:  
• Vận hành chế độ từ tháng 4 đến tháng 10.  
• Chỉ tính đến tải nhiệt hiện cho điều hòa không khí (không bao gồm nhiệt ẩn).



Tải nhiệt của điều hòa giảm  
Khoảng 5%\*<sup>2</sup>!

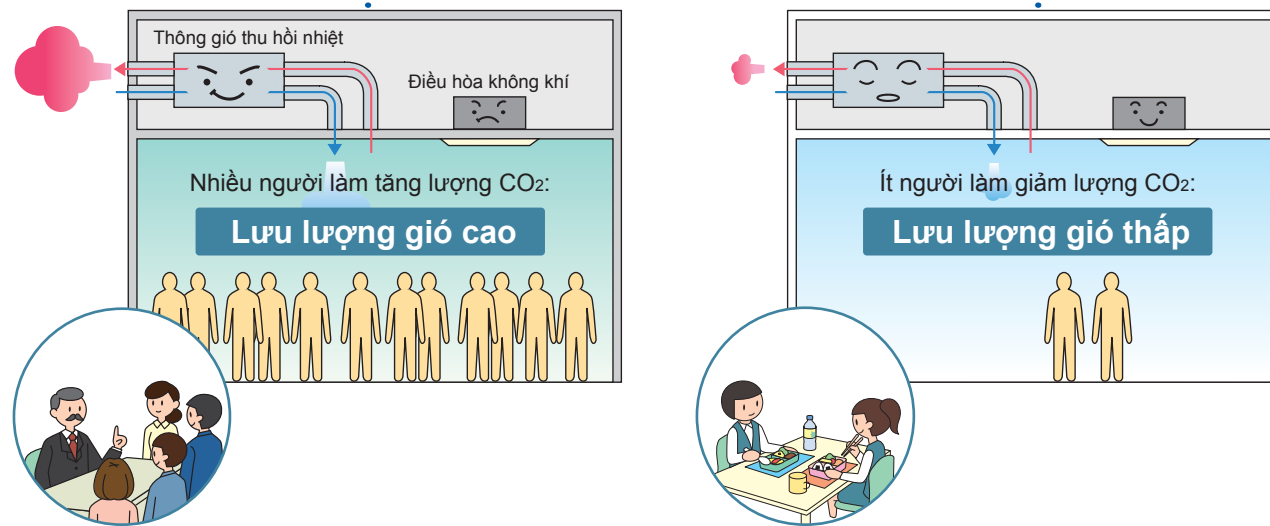
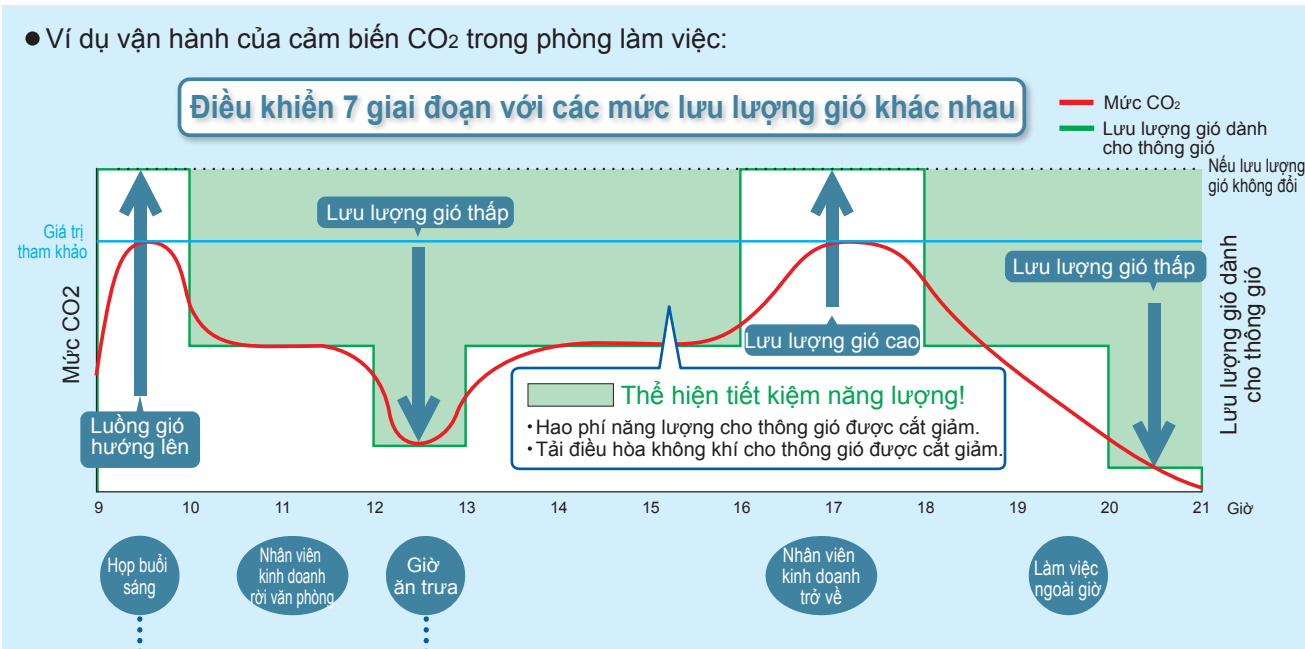


# Dãy Sản Phẩm Thiết Bị Xử Lý Không Khí

## Hệ Thống Thông Gió Thu Hồi Nhiệt - VAM Series

### Kết Bối Với Bộ Cảm Biến CO<sub>2</sub> Tùy Chọn

Cảm biến CO<sub>2</sub> điều khiển lưu lượng gió để phù hợp nhất với sự thay đổi của mức CO<sub>2</sub>. Việc này giúp ngăn chặn tổn thất năng lượng từ việc thông gió quá mức trong khi vẫn duy trì chất lượng không khí trong phòng với cảm biến CO<sub>2</sub> tùy chọn.

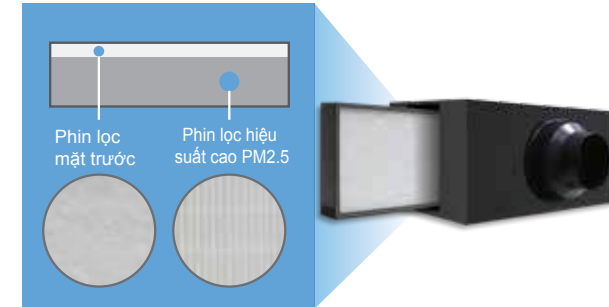


## Hệ thống thông gió thu hồi nhiệt - Phin lọc PM2.5 (Tùy chọn)

Quá trình đô thị hóa nhanh chóng đã làm gia tăng khí thải từ nhà máy xe cộ, dẫn đến việc gia tăng mức độ PM2.5. Điều này đã trở thành một nguyên nhân gây ra các bệnh về hô hấp và mang đến một nguy cơ nghiêm trọng cho các vấn đề về sức khỏe trong dài hạn. Do chất lượng không khí ngày càng xấu đi, các nghiên cứu đã chỉ ra rằng những tác động tiêu cực của PM2.5 đối với sức khỏe của cộng đồng.

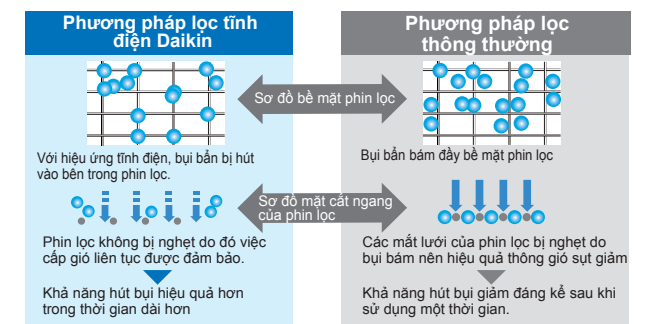
### Phương pháp lọc hiệu quả 2 lớp

- Phin lọc PM2.5 có 2 lớp
1. Phin lọc mặt trước loại bỏ hiệu quả các hạt bụi kích thước lớn
  2. Phin lọc PM2.5 chứa một lượng lớn tĩnh điện để hút các hạt nhỏ một cách hiệu quả.



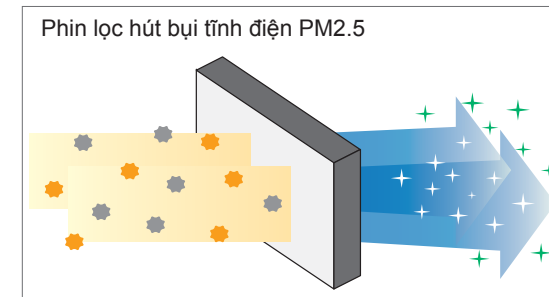
### Phin lọc bụi tĩnh điện: hiệu quả hơn và lâu hơn

Phin lọc PM2.5 chứa một lượng lớn tĩnh điện để hút các hạt nhỏ một cách hiệu quả, bao gồm những hạt nhỏ hơn mắt lưới điện. Phin lọc này khó bị bụi làm tắc nghẽn và khả năng thông gió tốt đồng thời tuổi thọ cao.

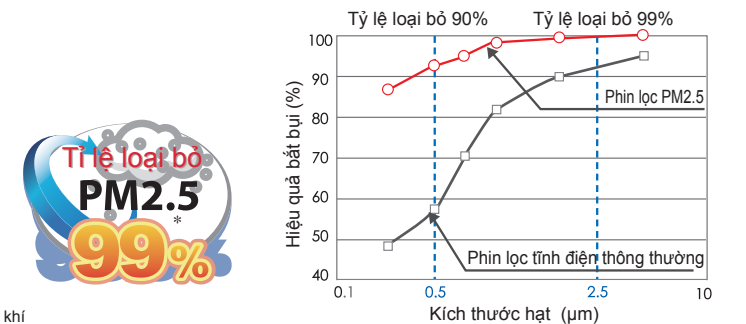


### Phin lọc PM2.5 hiệu quả cho một môi trường tiện nghi hơn và trong lành hơn.

Dòng sản phẩm thông gió thu hồi nhiệt với phin lọc PM2.5 được trang bị phin lọc hút bụi tĩnh điện để loại bỏ PM2.5. Phin lọc này không chỉ loại bỏ 99% hoặc hơn các hạt bụi 2.4µm mà còn loại bỏ từ 90% các vật chất có kích thước 0.5µm



\*Kết quả thử nghiệm bởi Phòng thí nghiệm Sưởi, Thông gió và điều hòa không khí tại Đại học Tongji. Môi trường thử nghiệm: nhiệt độ 25-26°C, độ ẩm 58-60%RH



### Phin lọc hiệu suất cực cao đối với Lưu huỳnh Ô xít và Ni tơ Ô xít

#### Sử Dụng Hiệu Quả Chất Liệu Các Bon Hoạt Tính Để Gia Tăng Khu Vực Hấp Thu

Là một chuyên gia trong nghiên cứu và phát triển các loại phin lọc, Daikin đã đặc biệt lựa chọn vật liệu các bon hoạt tính là thành phần chính để tạo ra phin lọc ô xít lưu huỳnh và ô xít ni tơ. Bề mặt lỗ của vật liệu được tận dụng tối đa, do đó đã gia tăng độ bền của phin lọc.



Ghi chú:  
Diện tích bề mặt của các-bon hoạt tính: 700m<sup>2</sup>/g  
Nếu một trang báo rộng 40.6 cm và dài 54.6 cm thì mỗi gam các bon hoạt tính có diện tích bề mặt bằng 3,000 trang báo.

#### Nhận Diện Thông Minh, Bám Dính Hiệu Quả

Một chất đặc biệt được thêm vào các lỗ của các bon hoạt tính có thể đặc biệt nhắm đến mục tiêu là các chất khí ô xít lưu huỳnh và ô xít ni tơ và dính các phân tử này vào phin lọc mà không ngăn cản các khí không xác định khác, Điều này giúp phin lọc bền hơn.

Các loại khí không xác định

Keo

Ghi chú: Số liệu dựa trên thử nghiệm trong nhà trong điều kiện phòng thí nghiệm như sau: Nhiệt độ từ 22 đến 25°C, độ ẩm từ 35 đến 40% RH, tốc độ gió 0.2m/s





# Hệ Thống Điều Khiển

## Hệ Thống Điều Khiển Riêng Biệt Cho Dàn Lạnh VRV

Điều khiển hướng từ xa (Điều khiển từ xa có dây) (Tùy chọn)



Mới BRC1E63

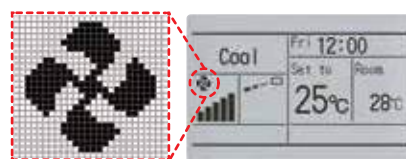


Mới BRC1F61 (Chỉ dùng cho FXEQ)

Bộ điều khiển từ xa thiết kế hiện đại, đơn giản với màu trắng sang trọng, phù hợp với thiết kế nội thất. Thao tác dễ dàng và mượt mà hơn, chỉ cần làm theo các chỉ dẫn trên điều khiển từ xa điều hướng.

### Màn hình sắc nét

- Màn hình ma trận điểm
- Sự kết hợp các điểm rỗng tạo ra nhiều biểu tượng. Màn hình chữ lớn giúp người dùng dễ nhìn



- Màn hình đèn nền
- Màn hình đèn nền giúp sử dụng dễ dàng vào ban đêm.



### Vận hành đơn giản

- Hướng dẫn trên màn hình
- Màn hình giải thích từng cách cài đặt giúp bạn sử dụng dễ dàng.
- Các nút lớn và phím mũi tên
- Dễ dàng sử dụng, cài đặt cơ bản như tốc độ quạt và nhiệt độ có thể được thực hiện trực tiếp. Để thực hiện cài đặt khác, chỉ cần chọn chức năng từ menu.



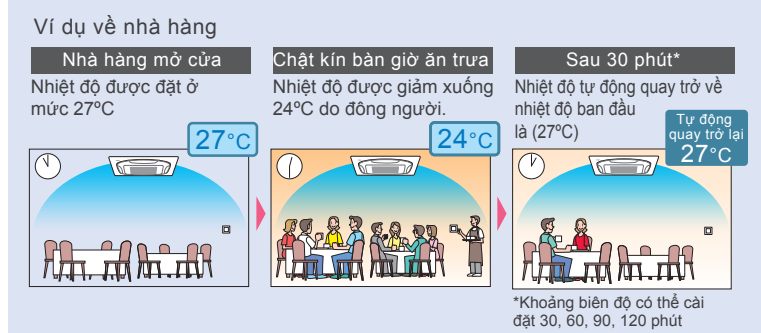
### Tiết kiệm năng lượng

- Cài đặt biên độ nhiệt độ
- Tiết kiệm năng lượng bằng việc giới hạn nhiệt độ cài đặt tối thiểu và tối đa.
- Tránh tình trạng quá nóng hoặc quá lạnh.
- Chức năng này khá thuận tiện khi điều khiển từ xa được lắp ở những nơi có nhiều người sử dụng.



- Hẹn giờ tắt
- Tắt điều hòa sau thời gian cài đặt sẵn.
- Thời gian có thể được cài đặt sẵn từ 30 đến 180 phút với gia số 10 phút.

- Tự động quay lại nhiệt độ cài đặt
- Ngay khi nhiệt độ cài đặt bị thay đổi, nhiệt độ cài đặt sẵn sẽ tự động được thiết lập sau khoảng thời gian được cài đặt.
- Có thể lựa chọn khoảng thời gian từ 30 phút/60 phút/90 phút/120 phút.



### Tiện nghi

#### Tính năng Setback (mặc định : TẮT)

Duy trì nhiệt độ phòng ở phạm vi nhất định trong thời gian không sử dụng bằng việc tạm thời khởi động điều hòa đã bị TẮT.

VD: Nhiệt độ cài đặt lại - Làm lạnh: 35°C Chênh lệch phục hồi - Làm lạnh: -2°C  
Khi nhiệt độ phòng vượt quá 35°C, điều hòa bắt đầu vận hành ở chế độ làm lạnh tự động  
Khi nhiệt độ phòng đạt 33°C, điều hòa sẽ TẮT.

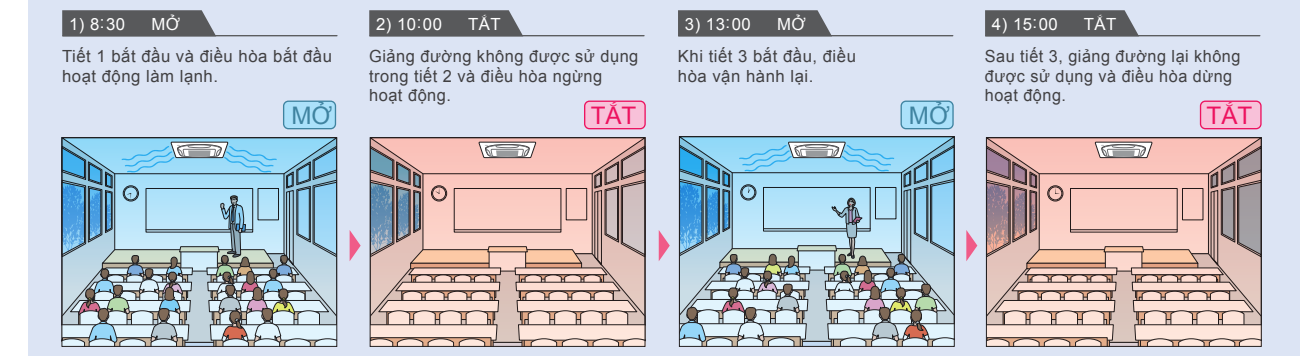
	Nhiệt độ cài đặt lại	Chênh lệch được phục hồi
Làm lạnh	33 — 37°C	-2 — -8°C

#### Lập lịch hàng tuần

- 5 hoạt động một ngày có thể được thiết lập cho từng ngày trong tuần.
- Chức năng ngày nghỉ sẽ tắt chế độ hẹn giờ đối với những ngày được đặt là ngày nghỉ
- 3 chế độ lập lịch độ lập có thể được cài đặt (ví dụ: mùa hè, mùa đông và giữa mùa)



#### Ví dụ tại một giảng đường (Thứ Hai - Mùa Hè)



#### Màn hình hiển thị tự động tắt

- Khi không hoạt động, màn hình LCD có thể được TẮT. Nhấn vào nút bất kỳ để hiển thị lại màn hình.
- Thời gian có thể được cài đặt trước từ 10, 30, 60 phút. Thiết lập ban đầu là 30 phút.

### Thoải mái

#### Hướng gió riêng biệt (\*1)

Hướng gió thổi có thể được điều chỉnh riêng cho từng miệng gió để phân phối không khí tối ưu phù hợp với từng điều kiện sử dụng (tải nhỏ và lớn).

\*1. Chỉ dành cho FXF(S)Q-A và FXUQ-A.

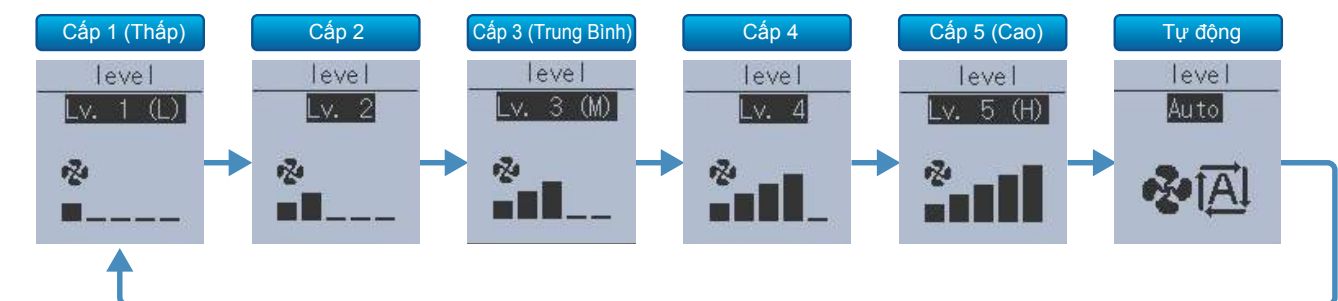
#### Điều khiển hướng gió 5 cấp (\*2)

- Cảm thấy thoải mái hơn với hướng gió có thể điều chỉnh 5 cấp độ.
- \*2. Số cấp thổi gió có thể khác nhau tùy từng loại dàn lạnh. Thổi gió 5 cấp chỉ dành cho FXF(S)Q-A và FXEQ-A.

#### Lưu lượng gió tự động (\*3)

Lưu lượng gió được kiểm soát tách biệt dựa trên sự chênh lệch giữa nhiệt độ phòng và nhiệt độ cài đặt.

\*3. Chỉ dành cho FXF(S)Q-A, FXEQ-A, FXDQ-PD/ND, FXSQ-PA, FXMQ-PA và FXUQ-A.



# Hệ Thống Điều Khiển

## Hệ Thống Điều Khiển Riêng Biệt Cho Dàn Lạnh VRV

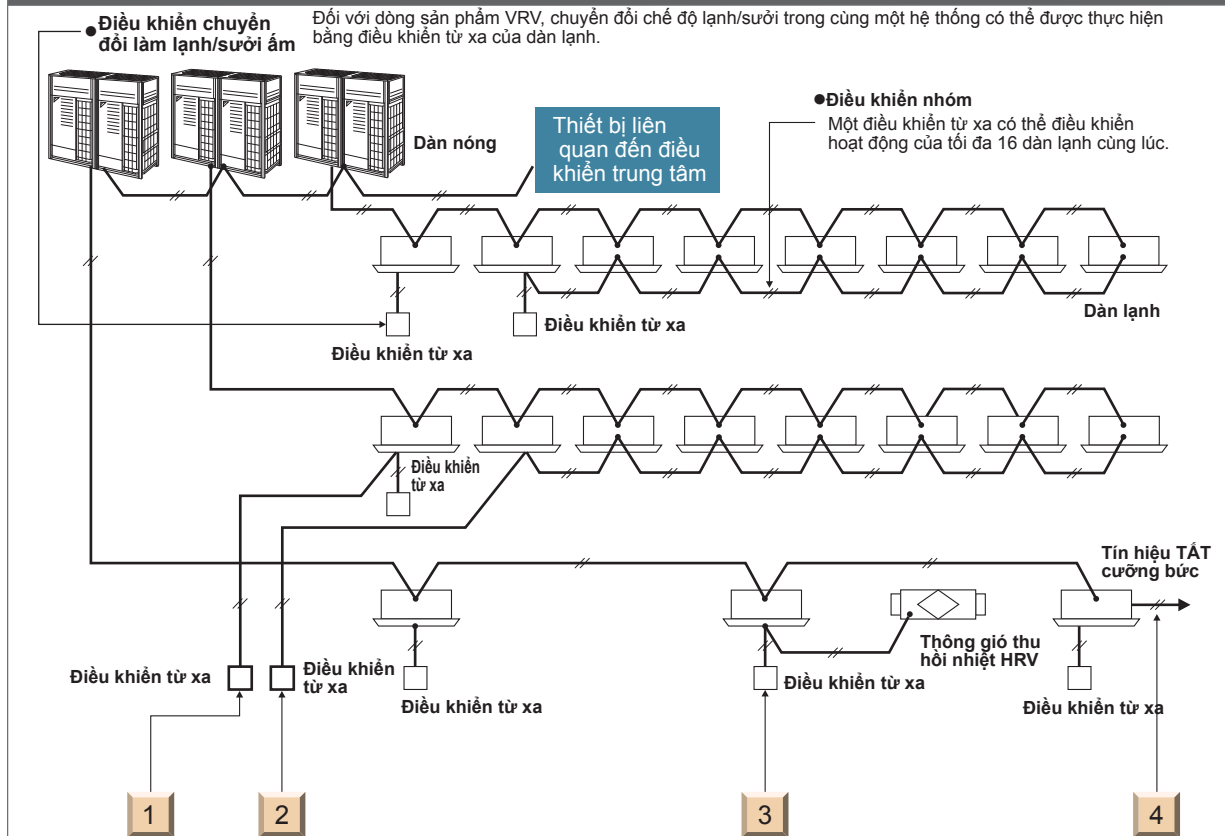


BRC1C62

- Hiện thị lưu lượng gió, hoạt động hướng gió, nhiệt độ, chế độ và cài đặt thời gian.

\* Hướng gió riêng biệt, lưu lượng gió tự động hướng gió, nhiệt độ, chế độ và cài đặt thời gian BRC1E62. Không thể cài đặt bằng các điều khiển từ xa khác.

### Điều khiển từ xa có dây hỗ trợ nhiều chức năng điều khiển



- 1 Điều khiển bằng hai điều khiển từ xa**  
Dàn lạnh có thể được kết nối với hai điều khiển từ xa, ví dụ một bộ trong phòng và bộ còn lại trong phòng điều khiển, có thể thoải mái điều khiển hoạt động của dàn lạnh (Ưu tiên lệnh sau cùng). Tất nhiên vẫn có thể điều khiển nhóm bằng hai bộ điều khiển từ xa.
- 2 Điều khiển từ xa**  
Dây khiển của điều khiển tối đa có thể dài tối đa 500 m và có thể lắp đặt chung cho nhiều dàn lạnh khác nhau tại cùng một địa điểm.
- 3 Điều khiển hoạt động kết hợp**  
Hoạt động của HRV có thể được điều khiển bằng bảng điều khiển từ xa của dàn lạnh. Tất nhiên, điều khiển từ xa có thể hiển thị thời gian để làm sạch bộ lọc.
- 4 Mở rộng điều khiển hệ thống**  
Hệ thống có thể được mở rộng để bổ sung một số bộ điều khiển như BMS, tín hiệu TẮT cưỡng bức...

### Điều khiển từ xa không dây (Tùy chọn)



Mới BRC7M635F (Dành cho FXF(S)Q)

- Điều khiển từ xa không dây được cấp cùng với bộ nhận tín hiệu.
- Bộ nhận tín hiệu được chứa bên trong mặt nạ trang trí hoặc dàn lạnh.
- Hình dáng của bộ nhận tín hiệu có thể khác nhau tùy theo từng dàn lạnh.

Lưu ý: Bộ nhận tín hiệu hình bên được gắn vào mặt nạ của FXF(S)Q

- Mới • Điều khiển từ xa không dây có đèn nền



Đễ dàng sử dụng trong tối.



Điều khiển từ xa không dây

Bộ nhận tín hiệu (Loại gắn rời)

- Bao gồm bộ nhận tín hiệu gọn nhẹ (loại gắn rời) được lắp đặt trên tường hoặc trần.

\* Điều khiển từ xa không dây và bộ tiếp nhận tín hiệu được bán theo bộ  
\* Xem trang 89 để biết tên từng mẫu

### Điều khiển từ xa loại đơn giản (Tùy chọn)



Loại gắn nổi (BRC2C51)

Loại gắn chìm (Dùng cho khách sạn) (BRC3A61)

- Bộ điều khiển từ xa có đầy đủ các chức năng điều khiển (tắt/mở, chế độ hoạt động, điều chỉnh nhiệt độ và lưu lượng gió) thích hợp sử dụng trong phòng ngủ khách sạn và phòng hội nghị.
- Điều khiển từ xa loại gắn nổi được gắn với cảm biến nhiệt độ



Điều khiển từ xa loại gắn chìm thích hợp gắn trên đầu giường ngủ hoặc tủ điều khiển trong phòng khách sạn.

### Nhiều loại điều khiển từ xa cho dàn lạnh VRV

	FXF(S)Q	FXZQ	FXCQ	FXEQ	FXDQ	FXSQ	FXMQ	FXUQ	FXHQ	FXAQ	FXL(N)Q	FXVQ	FXB(P)Q
<b>Điều khiển từ xa điều hướng</b> (Điều khiển từ xa có dây) (BRC1E63)	●	●	●		●	●	●	●	●	●	●	●	●
<b>Điều khiển từ xa điều hướng</b> (Điều khiển từ xa có dây) (BRC1F61)				●									
<b>Điều khiển từ xa có dây</b> (BRC1C62)		●	●		●	●	●	●	●	●	●	●	●
<b>Điều khiển từ xa không dây *</b> (Bộ nhận tín hiệu lắp trên máy)	●	●	●	●				●	●	●			
<b>Điều khiển từ xa không dây *</b> (Bộ nhận tín hiệu lắp rời)					●	●	●				●		●
<b>Điều khiển từ xa đơn giản</b> (Loại gắn nổi) (BRC2C51)					●	●	●				●		●
<b>Điều khiển từ xa đơn giản</b> (Loại gắn chìm: Dùng cho khách sạn) (BRC3A61)					●	●	●				●		●

\*Xem trang 91 để biết thêm tên từng mẫu.

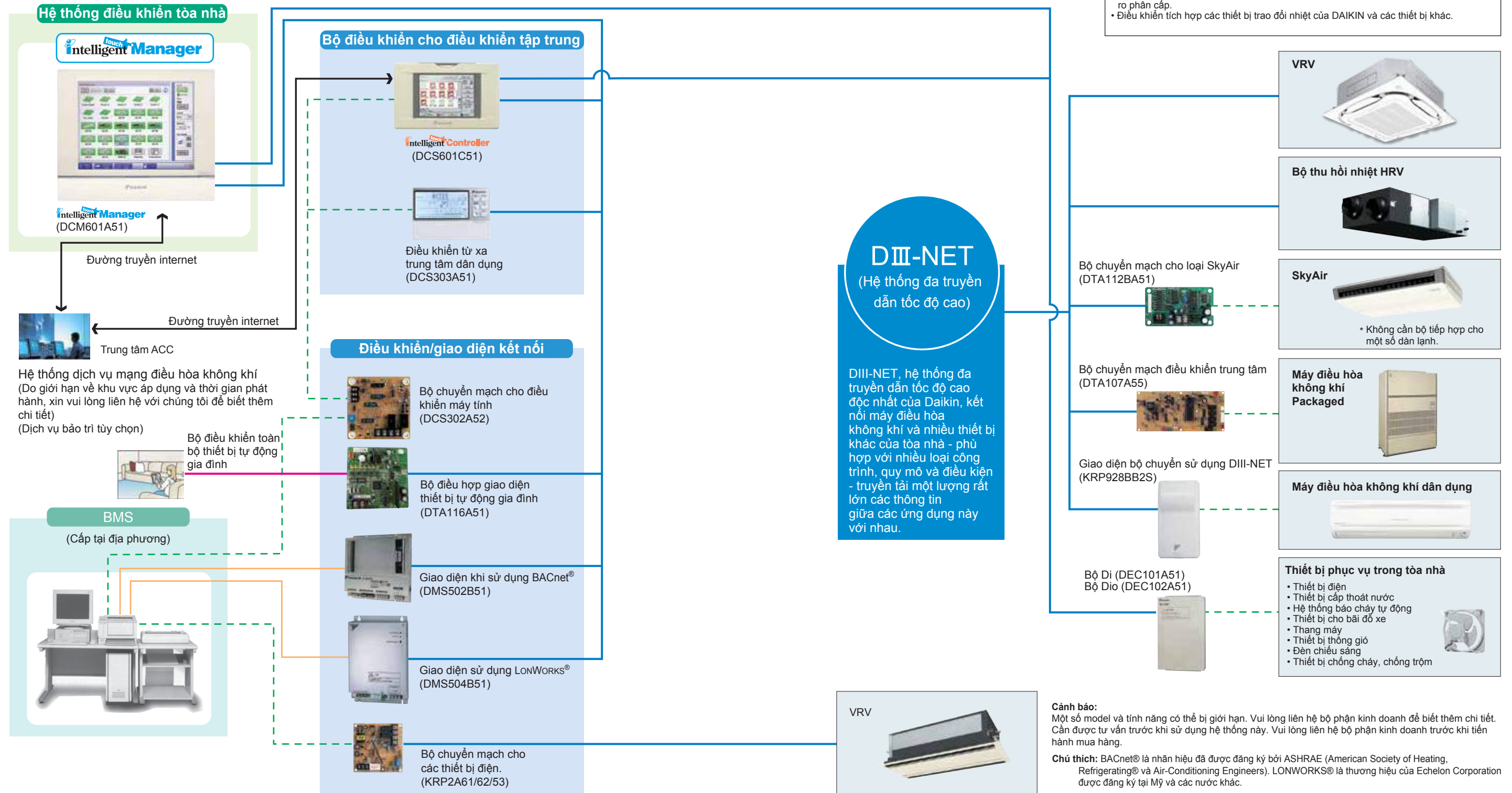


# Hệ Thống Điều Khiển

## Hệ Thống Giám Sát Tòa Nhà Tích Hợp

Tốc độ truyền dẫn cao của DIII-NET giúp cho việc điều khiển hệ thống VRV tiên tiến hơn, tăng tính tiện nghi.

- Đường truyền DIII-NET
- Đường truyền BACnet®/ Ethernet® hay LONWORKS®
- - - Đường truyền tín hiệu mở
- Đường dây RS485 Modbus



# Hệ Thống Điều Khiển

## Hệ Thống Điều Khiển Cao Cấp Cho Dàn Lạnh VRV



Lựa chọn cảm ứng giúp hiện thực hóa khả năng điều khiển linh hoạt các thiết bị trong tòa nhà

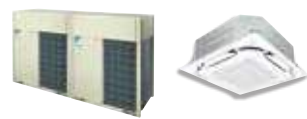


DCM601A51

Các loại thiết bị khác nhau trong tòa nhà có thể được điều khiển chỉ bằng một điều khiển duy nhất.

### Điều khiển điều hòa không khí riêng lẻ

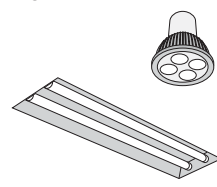
Điều khiển linh hoạt của hệ thống VRV đáp ứng chính xác những nhu cầu khác nhau về điều hòa không khí cho mỗi phòng (như văn phòng, phòng học, phòng khách sạn)



### Điều khiển thiết bị chiếu sáng

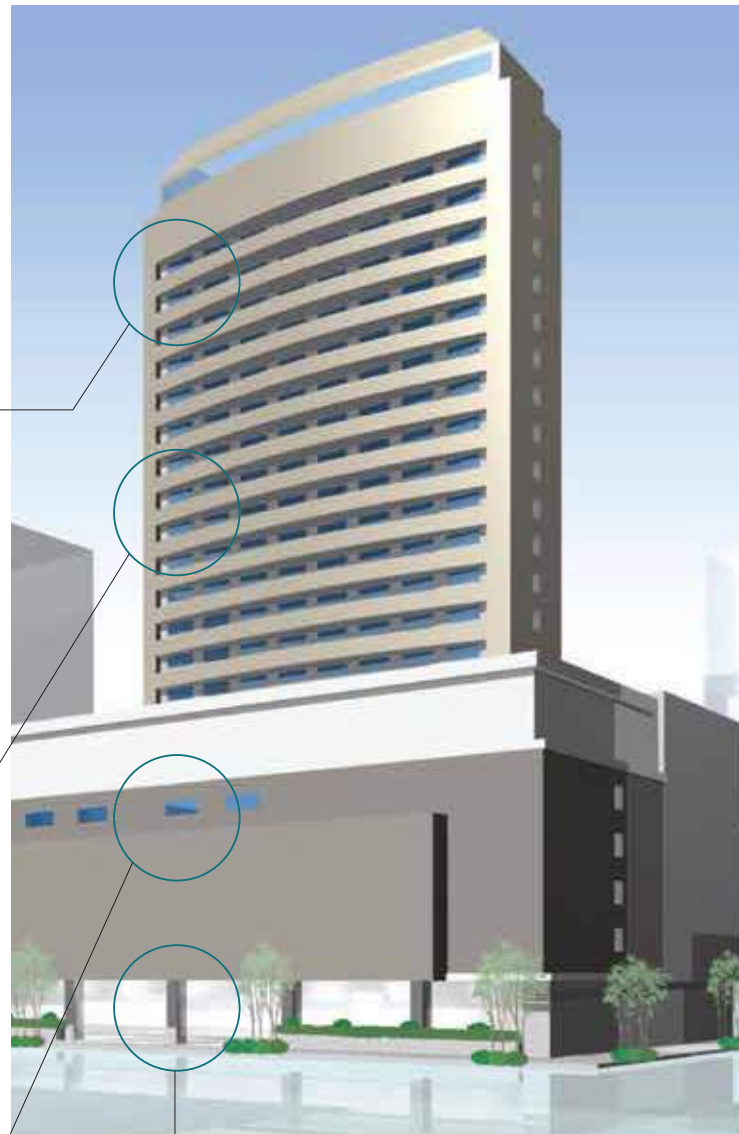
Tương thích DALI

Hệ thống đèn LED tương thích với DALI có thể được điều khiển và giám sát. Điều khiển hệ thống chiếu sáng được tăng cường nhờ chức năng khóa lẫn với máy điều hòa không khí và các tính năng khác.



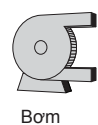
### Điều khiển điều hòa không khí cho những không gian lớn

Có thể điều khiển cả thiết bị xử lý không khí. Những không gian lớn như sảnh vào và các trung tâm thương mại có thể được điều khiển một cách dễ dàng để đảm bảo sự thoải mái tối đa.

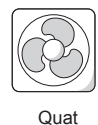


### Điều khiển các thiết bị của tòa nhà

Các thiết bị khác ngoài máy điều hòa như thông gió, quạt, và bơm cũng được điều khiển.



Bơm



Quạt

## Tiết Kiệm Năng Lượng Và Thoải Mái

### iTM tối đa hóa những tiện ích của hệ thống VRV

iTM là điều khiển đa khu vực cao cấp cung cấp một giải pháp hiệu quả về chi phí cho việc điều khiển và giám sát hệ thống VRV

Màn hình cảm ứng 10.4" dễ sử dụng với 3 chế độ hiển thị khác nhau bao gồm hiển thị bố trí các tầng, hiển thị biểu tượng và hiển thị danh sách và các thực đơn dùng cho cấu hình hệ thống.

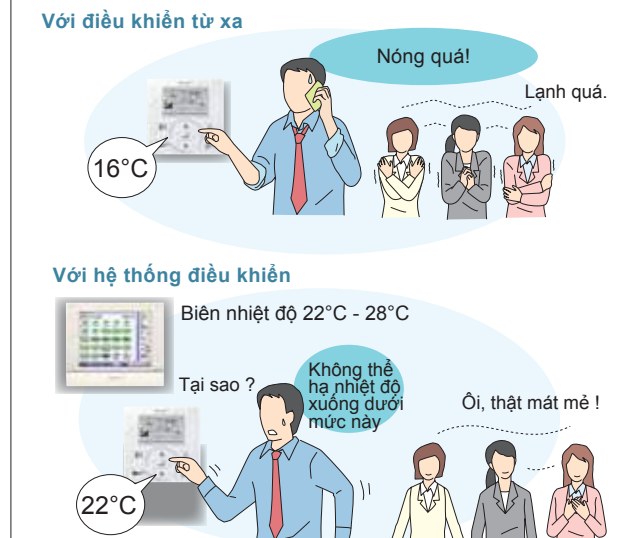
Bạn có thể dễ dàng sử dụng thông qua kết nối internet được chuẩn hóa từ máy tính cá nhân.

iTM có thể quản lý tổng cộng 650 điểm bao gồm tối đa 512 nhóm dàn lạnh Daikin (tối đa 1024 dàn lạnh) cùng với điều khiển/giám sát các thiết bị của tòa nhà với các thiết bị tùy chọn có Đầu vào/đầu ra kỹ thuật số (Di/Dio), Đầu vào/đầu ra analog (Ai/Ao) và đầu vào đếm xung (Pi).

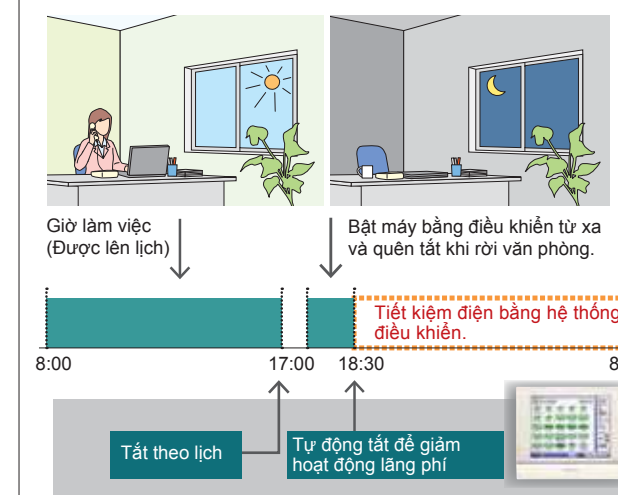
### Lập lịch thời gian vận hành của các ứng dụng.



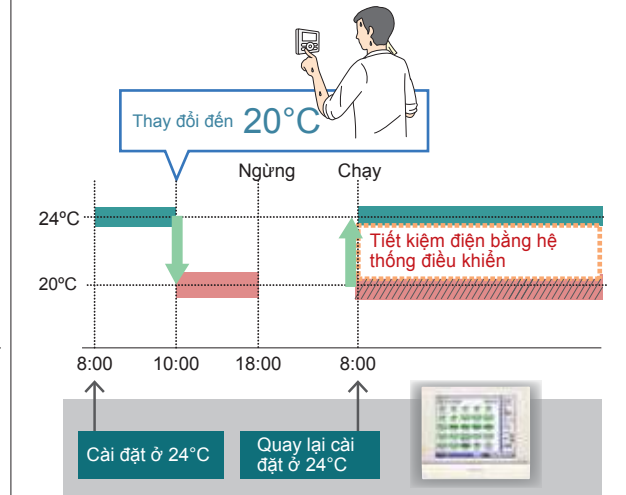
### Cài đặt các biên độ người dùng có thể thay đổi.



### Tắt máy nếu người dùng không tắt.



### Cài đặt lại điểm cài đặt thường xuyên.





# Hệ Thống Điều Khiển

## Hệ Thống Điều Khiển Cao Cấp Cho Dàn Lạnh VRV

Bên cạnh **Bật và tắt đèn**, còn có thể điều khiển chiếu sáng cao cấp như điều chỉnh độ sáng.

### Điều khiển chiếu sáng (Tùy chọn)

#### Kết nối với hệ thống điều khiển đèn tương thích DALI

Kết nối dây đơn giản (dây nhiều sợi) cho phép quản lý đèn LED bằng iTM. Có thể điều khiển hệ thống chiếu sáng và thiết bị không khí thông qua việc khóa lẫn với các cảm biến hiện diện và cảm biến độ sáng.

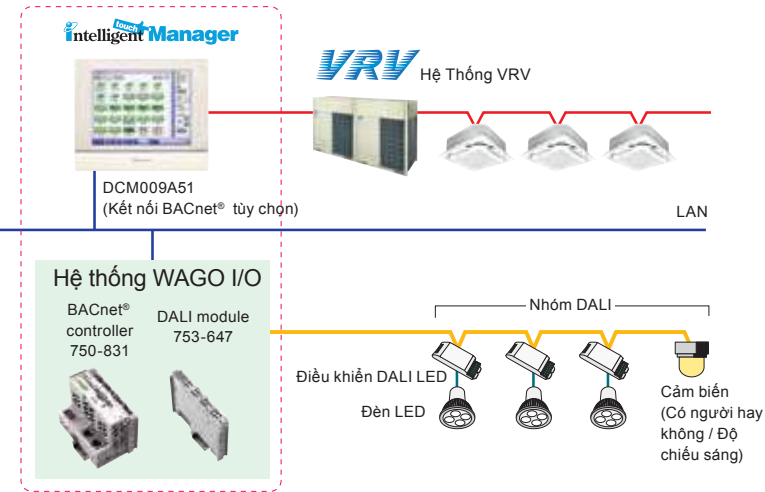
#### Tương thích DALI

Vui lòng liên hệ Daikin để biết thêm chi tiết.

#### Có thể điều khiển hệ thống chiếu sáng bằng iTM

- [ Vận hành ]
- Bật/Tắt đèn
  - Điều khiển độ sáng (1-100%)
  - Có thể đăng ký nhiều mức độ sáng khác nhau
  - Các mức độ đã được đăng ký này có thể được lựa chọn từ iTM
- [ Giám sát ]
- Giám sát trạng thái Bật/Tắt
  - Giám sát sự bất thường của hệ thống
  - Giám sát chiếu sáng
  - Giám sát cảm biến hiện diện DALI
  - Giám sát cảm biến độ sáng DALI

Những máy điều hòa không khí và hệ thống chiếu sáng tiêu tốn nhiều điện năng có thể được kiểm soát một cách hiệu quả giúp bảo tồn điện năng và cắt giảm chi phí!



#### [ Tổng quan về điều khiển ]

- Tối đa 5 module DALI có thể kết nối với một điều khiển BACnet®
- Tối đa 64 điều khiển DALI (64 địa chỉ) có thể kết nối với 1 model DALI
- 64 địa chỉ DALI có thể được gán tự do cho tối đa 16 nhóm sử dụng 1 module DALI
- Tối đa 16 bối cảnh có thể cài đặt cho 1 module DALI
- Tối đa 12 cảm biến (Có người hay không, mức độ chiếu sáng) có thể kết nối với 1 module DALI
- DALI BAS đơn giản hóa công việc đi dây và cài đặt bằng dây dạng sợi và cài đặt địa chỉ tự động

## Dễ dàng bảo trì và tiết kiệm điện năng nhờ điều khiển hệ thống chiếu sáng

### Trường hợp 1

Bật/Tắt và mức độ chiếu sáng có thể được điều khiển dựa vào thời khóa biểu đã được lập sẵn nhằm cắt giảm tiêu thụ lãng phí.

- Ngăn ngừa việc quên tắt đèn

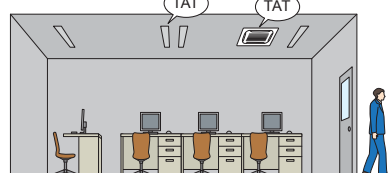


- Độ sáng tối ưu giảm thiểu điện năng tiêu thụ.

### Trường hợp 2

Cảm biến sự hiện diện được sử dụng để loại trừ sự lãng phí của cả đèn và điều hòa không khí.

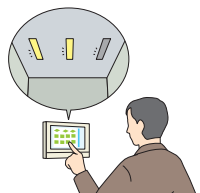
Khi phòng không có người, máy điều hòa không khí và đèn tự động tắt.



### Trường hợp 3

Những bất thường của hệ thống chiếu sáng (như bóng đèn cháy) có thể được kiểm tra thông qua màn hình của iTM.

Việc bảo trì hệ thống chiếu sáng trở nên dễ dàng và nhanh chóng.



Màn hình dạng bố trí theo tầng cho phép xác định vị trí cụ thể một cách nhanh chóng

## Quản Lý Khách Thuê (PPD\* Tùy Chọn)

Gửi báo cáo sử dụng điện năng của hệ thống VRV cho từng khách thuê

Với tính năng PPD, lượng điện năng tiêu thụ sẽ được tính toán cho từng dàn lạnh

Điện năng tiêu thụ sẽ được tính toán theo tỷ lệ cho mỗi dàn lạnh. Số liệu được sử dụng cho việc quản lý năng lượng và tính toán chi phí sử dụng điều hòa của từng người thuê.

Thông tin về hoạt động của từng dàn lạnh được giám sát, dựa vào phân phối điện năng tiêu thụ của dàn lạnh. PPD của Daikin theo dõi lượng điện năng được phân phối cho từng dàn lạnh.

Tính năng này thực hiện việc tính toán hóa đơn sử dụng điều hòa tự động và nhanh chóng.

#### Dễ dàng truy xuất dữ liệu PPD

Dữ liệu PPD được xuất ra dưới dạng CSV vào máy tính hoặc thiết bị lưu trữ dữ liệu USB và có thể dễ dàng xử lý và quản trị.

\*PPD (Power Proportional Distribution: Phân phối tỷ lệ điện năng) là phương pháp tính toán độc quyền của Daikin

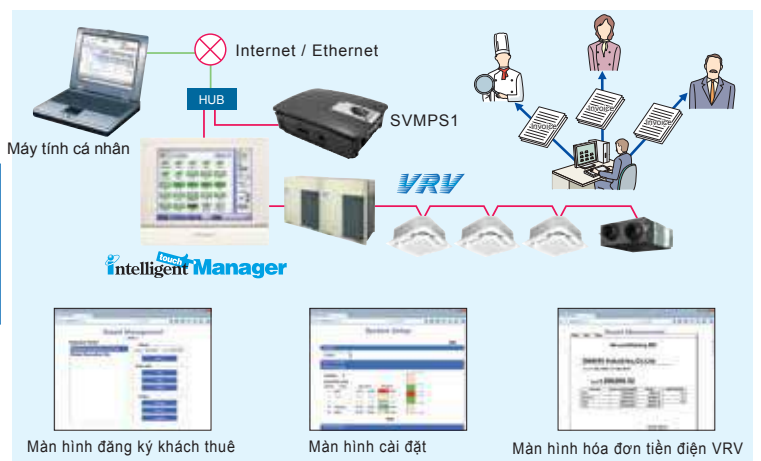
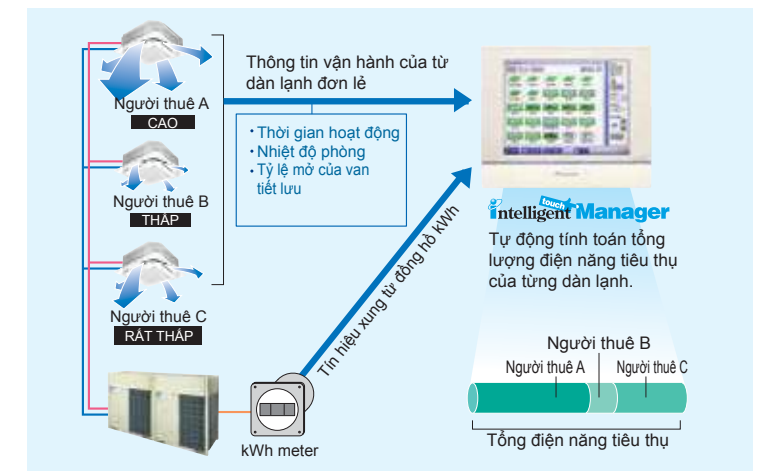
## Hóa đơn điều hòa không khí được phát hành chỉ bằng 1 click chuột

Hóa đơn tiền điện được tính toán dễ dàng cho từng người thuê (Tùy chọn)

Điện năng tiêu thụ của VRV điều khiển bởi iTM có thể được quản lý một cách dễ dàng cho mỗi người thuê bằng máy tính cá nhân. Cài đặt hóa đơn tiền điện tạo thuận lợi cho cho việc ra hóa đơn thông qua việc tính toán đơn giản và phát hành hóa đơn tiền điện cho VRV.

#### [ Các tính năng chính ]

- Đăng ký người thuê nhà
- Cài đặt đơn giá tiền điện cho 5 múi giờ
- Tính toán điện năng tiêu thụ và chi phí tiền điện cho mỗi người thuê
- Thể hiện các kết quả trong một khoảng thời gian xác định cho từng người thuê
- Xuất kết quả (IN và file CSV)



## Cung cấp các dịch vụ hữu ích cho khách thuê nhà

Dùng điện thoại thông minh điều khiển hệ thống VRV (tùy chọn)

Người dùng có thể vận hành và kiểm tra tình trạng của hệ thống VRV từ điện thoại thông minh thông qua Wi-Fi.

Không cần thiết phải đi đến nơi bộ điều khiển từ xa được lắp đặt.

Vận hành và kiểm tra tình trạng của các hệ thống VRV ở nhiều phòng khác nhau.

Kiểm tra tình trạng BẬT/TẮT của điều hòa không khí ở các phòng, giúp tiết kiệm năng lượng hơn.

### Cho tòa nhà Điều khiển hệ thống VRV bằng điện thoại thông minh

Điều khiển đến 1024 dàn lạnh

Chỉ cần thêm bộ SVMP2 vào hệ thống

SVMP2

Cáp LAN

WIFI

điện thoại

điện thoại

điện thoại

điện thoại

điện thoại

điện thoại

điện thoại

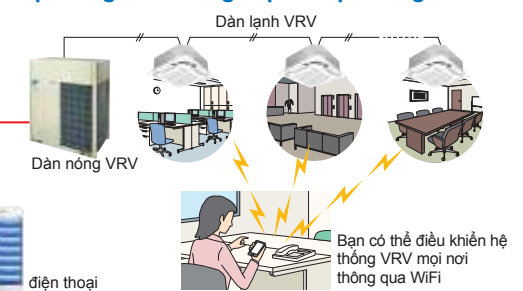
điện thoại

điện thoại

điện thoại

điện thoại

điện thoại



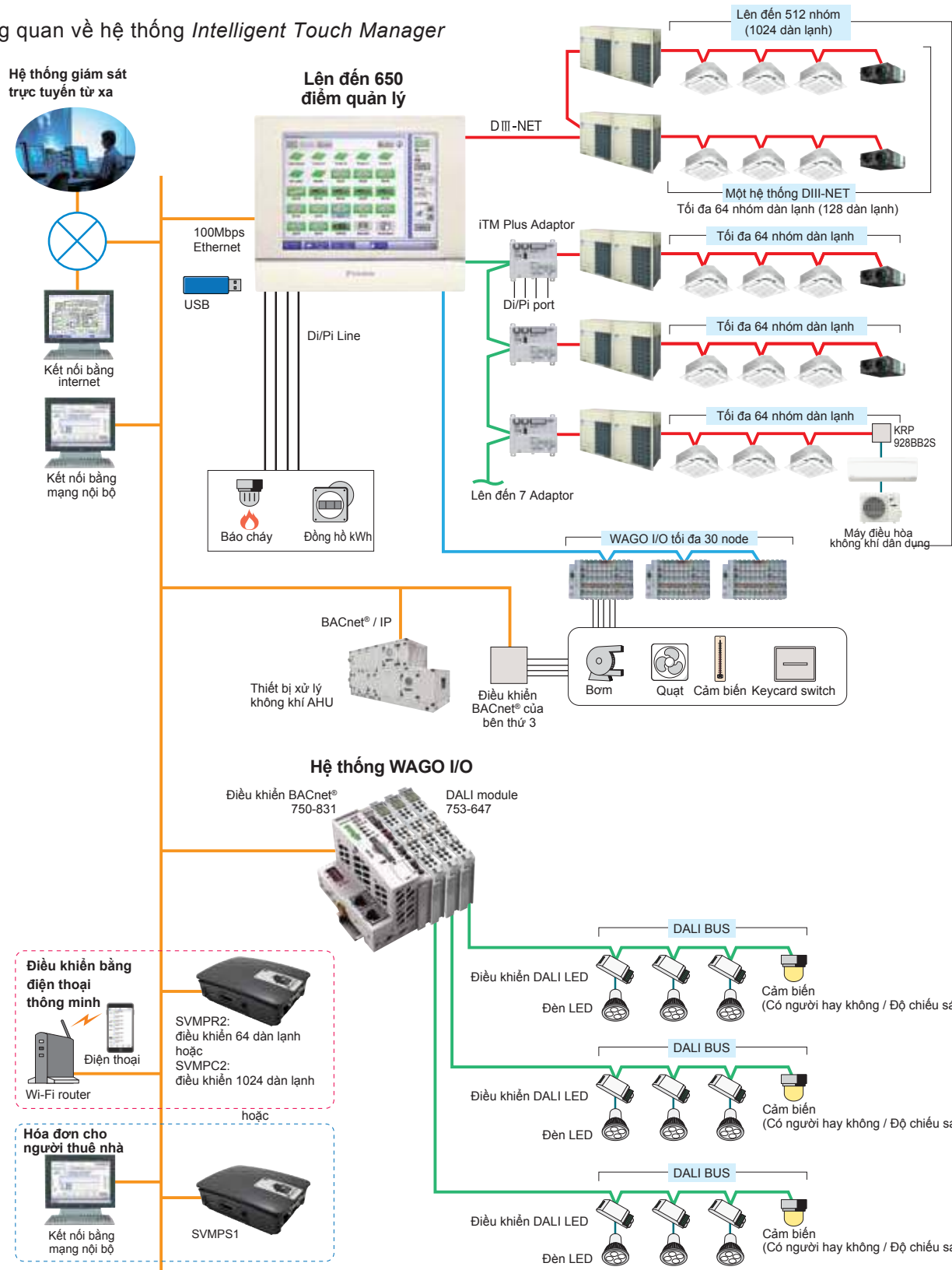
Bạn có thể điều khiển hệ thống VRV mọi nơi thông qua WiFi

# Hệ Thống Điều Khiển

## Hệ Thống Điều Khiển Cao Cấp Cho Dàn Lạnh VRV

### Sơ đồ hệ thống

Tổng quan về hệ thống *Intelligent Touch Manager*



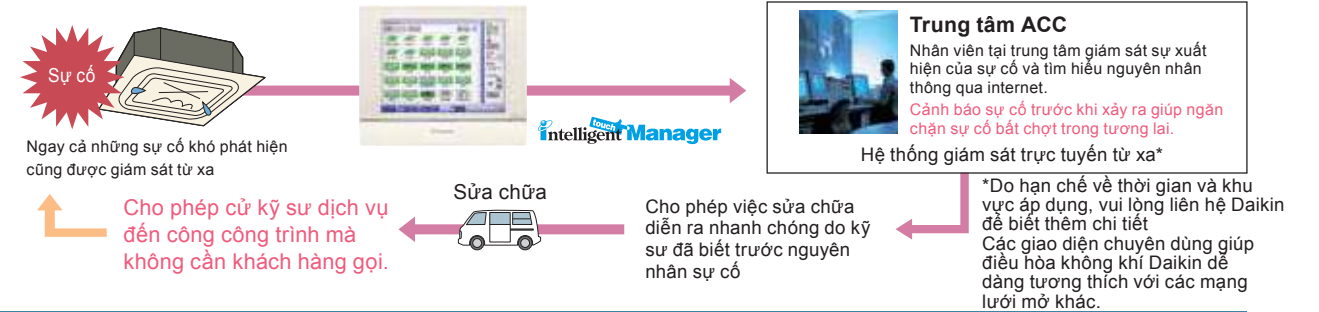
### Hệ Thống Giám Sát Trực Tuyến Từ Xa

#### Bảo trì phòng ngừa

iTM có thể kết nối với hệ thống giám sát trực tuyến của Daikin để giám sát từ xa và xác nhận trạng thái hoạt động của hệ thống VRV. Với khả năng dự đoán sự cố, dịch vụ này mang đến cho khách hàng sự yên tâm tuyệt đối.

#### Tiện nghi gia tăng bằng việc kết nối với hệ thống giám sát trực tuyến từ xa

iTM kết nối liên tục với Hệ thống giám sát trực tuyến từ xa của Daikin suốt 24 giờ.



### Daikin Cung Cấp Đa Dạng Các Hệ Thống Điều Khiển

#### Điều khiển từ xa tiện lợi mang lại tự do cho người quản lý



#### Intelligent Controller

##### Để sử dụng và các tính năng điều khiển mở rộng

Bộ điều khiển thân thiện với người dùng, có màn hình màu, chức năng đa ngôn ngữ, các biểu tượng hiển thị dễ hiểu. Cung cấp nhiều phương pháp điều khiển, cho phép người quản trị giám sát và vận hành hệ thống ngay cả khi họ không ở gần chiếc điều khiển.

#### Kết nối hệ thống VRV đến hệ thống quản lý tòa nhà thông qua BACnet® hoặc LONWORKS®

Tương thích với BACnet® và LONWORKS®, hai phương thức giao tiếp mở hàng đầu, Daikin cung cấp các giao diện có thể kết nối liên tục giữa hệ thống VRV và hệ thống quản lý tòa nhà.

Các giao diện chuyên dùng giúp điều hòa không khí Daikin dễ dàng tương thích với các mạng lưới mở khác.



DMS502B51 (Interface for use in BACnet®)



DMS504B51 (Giao diện cho LONWORKS®)

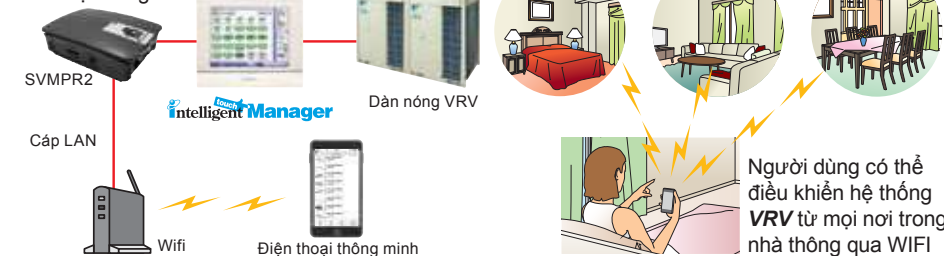
Chú ý: 1. BACnet® là thương hiệu đã được đăng ký của ASHRAE Mỹ  
2. LONWORKS® là thương hiệu của Echelon Corporation được đăng ký tại Mỹ và một số quốc gia khác

### Điện thoại thông minh sẽ trở thành điều khiển từ xa của hệ thống VRV (Tùy chọn)

#### Cho nhà ở Hệ thống điều khiển VRV bằng điện thoại thông minh

Có thể điều khiển 64 dàn lạnh.

Chỉ cần thêm SVMMPR2 vào hệ thống



Giám sát Điều khiển



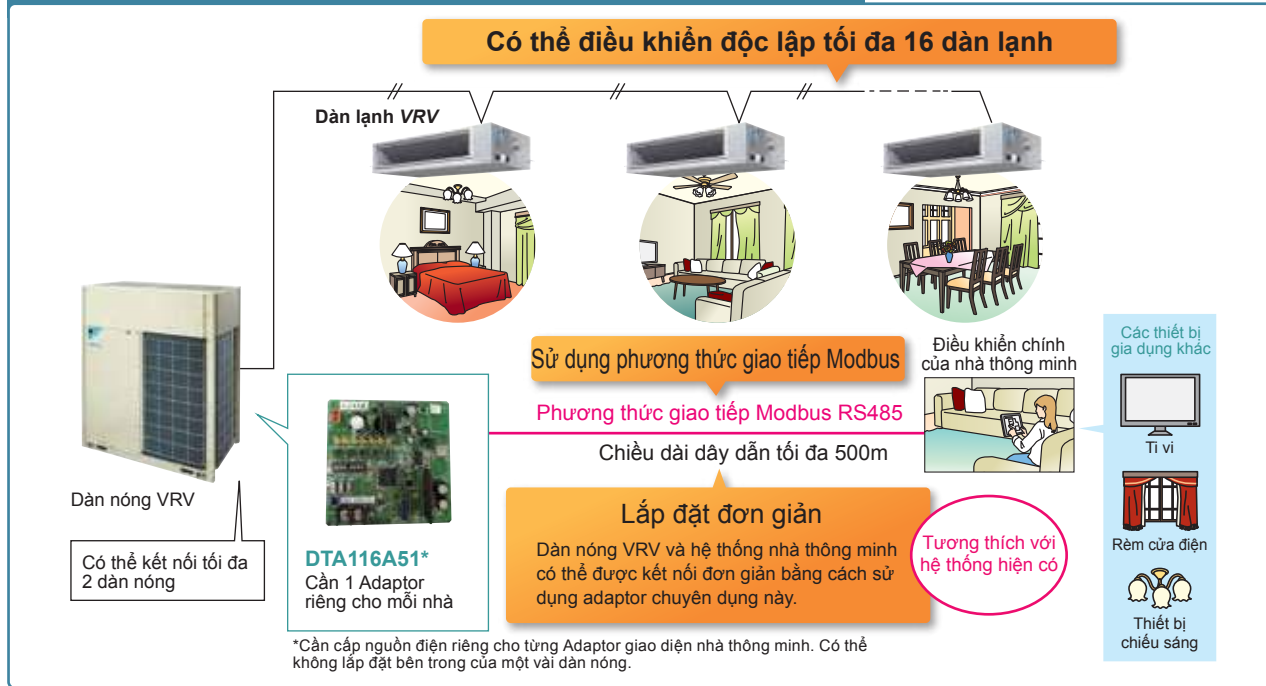
# Hệ Thống Điều Khiển

## Hệ Thống Điều Khiển Cao Cấp Dành Cho Dàn Lạnh VRV

### Adaptor Giao Diện Nhà Thông Minh

Hệ thống VRV có thể được vận hành từ hệ thống nhà thông minh

Hình ảnh minh họa cho Adaptor giao diện nhà thông minh DTA116A51



### Tính năng

#### Giám sát

Bật/Tắt	Trạng thái Bật/Tắt của các dàn lạnh
Chế độ hoạt động	Làm lạnh, Sưởi, Quạt, Làm khô, Tự động (Tùy thuộc và khả năng của dàn lạnh)
Điểm cài đặt	Điểm cài đặt của các dàn lạnh
Nhiệt độ phòng	Nhiệt độ gió hồi của các dàn lạnh
Hướng thổi của quạt	Đảo gió, Hướng cánh đảo gió (Tùy thuộc vào khả năng của dàn lạnh)
Tốc độ quạt	Thấp, Trung bình, Cao (Tùy thuộc vào khả năng của dàn lạnh)
Trạng thái tắt cường bức	Trạng thái tắt cường bức của các dàn lạnh
Lỗi	Lỗi, Báo mã lỗi
Tín hiệu phin lọc	Tín hiệu phin lọc trên dàn lạnh
Trạng thái giao tiếp	Giao tiếp bình thường/bị lỗi của các dàn lạnh

#### Điều khiển

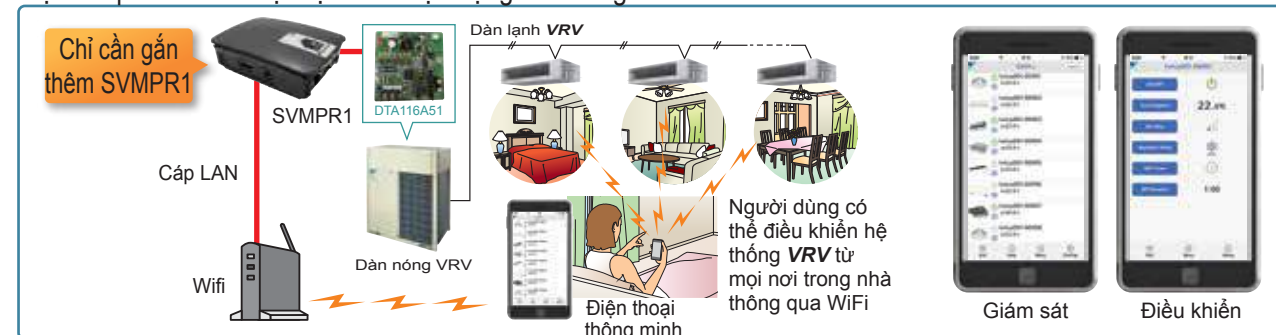
Bật/Tắt	Điều khiển Bật/Tắt các dàn lạnh
Chế độ hoạt động	Làm lạnh, Sưởi, Quạt, Làm khô, Tự động (Tùy thuộc và khả năng của dàn lạnh)
Điểm cài đặt	Điểm cài đặt Làm lạnh/Sưởi
Hướng thổi của quạt	Đảo gió, Hướng cánh đảo gió (Tùy thuộc vào khả năng của dàn lạnh)
Tốc độ quạt	Thấp, Trung bình, Cao (Tùy thuộc vào khả năng của dàn lạnh)
Cài đặt lại tín hiệu phin lọc	Cài đặt lại tín hiệu phin lọc trên dàn lạnh

#### Khôi phục thông tin hệ thống

Các dàn lạnh được kết nối	Có thể khôi phục địa chỉ DIII-NET của các dàn lạnh được kết nối
Khả năng của các dàn lạnh	Các khả năng của dàn lạnh như Chế độ hoạt động, điều khiển quạt, điểm cài đặt HV có thể được khôi phục

### Hệ thống điều khiển VRV bằng điện thoại thông minh

Có thể hiện thực hóa hệ thống điều khiển VRV bằng điện thoại thông minh bằng cách gắn thêm SVMPR1, một sản phẩm mới được tạo ra để tận dụng tính năng của DTA116A51



### Điều khiển hệ thống VRV bằng máy tính bảng : SVMPC1

SVMPC1 rất dễ cài đặt, cho phép giám sát và điều khiển các hệ thống VRV thông qua máy tính bảng và điện thoại thông minh. SVMPC1 được tối ưu để quản lý tập trung các hệ thống VRV trong các tòa nhà nhỏ hoặc trên từng tầng trong cùng một tòa nhà.

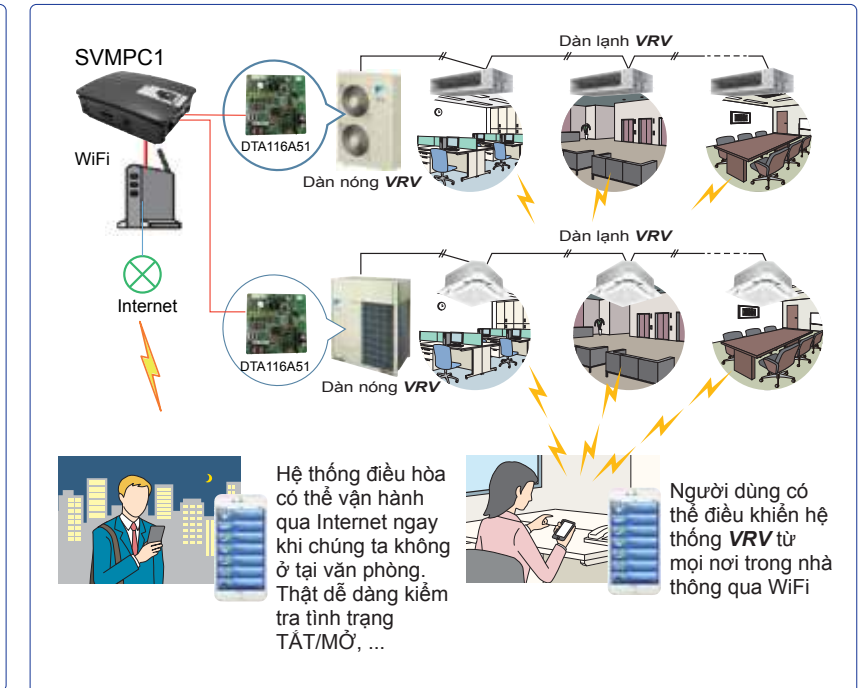
#### Điều khiển thông minh đơn giản và dễ sử dụng

- SVMPC1 rất dễ lắp đặt. Chỉ cần thêm bộ DTA116A51 vào dàn nóng và kết nối với bộ điều khiển.
- Giao diện thân thiện, dễ sử dụng



- SVMPC1 cho phép vận hành hệ thống VRV từ mọi nơi (cả bên trong lẫn bên ngoài tòa nhà) thông qua internet.
- Giới hạn khoảng nhiệt độ cài đặt và chức năng tự trở về nhiệt độ đặt sẵn giúp tiết kiệm năng lượng và thoải mái.
- Các vận hành hàng ngày được tự động hóa nhờ vào tính năng Lập lịch hàng năm.
- Thông báo nhanh về sự cố thông qua e-mail để hỗ trợ bảo trì kịp thời.

#### Giám sát và điều khiển đến 32 dàn lạnh.



### Tính năng

\*:chỉ có người quản trị mới có thể điều chỉnh

Phân loại	Tính năng	Chi tiết
Bảo mật truy cập	Tài khoản đăng nhập Thiết bị đăng nhập	Tên người dùng, mật khẩu Thiết bị đã đăng ký (Máy tính bảng, Điện thoại thông minh) có thể truy cập qua internet
Màn hình chính	Kiểm tra tình trạng Vận hành thủ công	Bật/Tắt, Điểm cài đặt, Chế độ hoạt động, Bước quạt, Đảo gió, Lỗi, Mã lỗi, Nhiệt độ phòng Bật/Tắt, Điểm cài đặt, Chế độ hoạt động, Bước quạt, Đảo gió
Điều khiển tự động	Giới hạn khoảng cài đặt* Hẹn giờ tắt* Cài đặt nhiệt độ ban đầu* Lập lịch*	Điểm đặt lạnh Nhỏ nhất/Cao nhất, điểm đặt Sưởi Nhỏ nhất/Cao nhất Hẹn giờ tắt, cài thời gian tắt (5phút - 12h, mỗi bước 5phút) Khoảng nhiệt độ cài đặt lại (Lạnh: 24-35°C, Sưởi: 10-20°C) Đăng ký tác vụ: Thời gian, Bật/Tắt, Điểm cài đặt, Chế độ hoạt động, Bước quạt, Đảo gió, Hẹn giờ tắt, Điểm cài đặt ban đầu Cài đặt lịch: được đặt theo ngày hoặc ngày trong tuần
Cấu hình hệ thống	Ngôn ngữ Mật khẩu Tài khoản quản trị * Điểm cài đặt*	Tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Thái, tiếng Việt, tiếng Trung Quốc Thêm / Sửa đổi / Xóa người dùng, Đặt Tên người dùng, Mật khẩu, Điểm truy cập Đặt tên, chọn biểu tượng

### Thông số kỹ thuật

Phân loại	Thông số	Chi tiết
Đơn vị có thể kết nối	Số lượng dàn lạnh	Tối đa 32 (kèm thêm bộ DTA116A51)
	Số bộ DTA116A51	Tối đa 2
Thiết bị điều khiển có thể kết nối	Số lượng	Tối đa 20
	Loại	iPad, iPhone, Android tablet, Android Phone, Windows Tablet, Windows Phone, Windows PC, Mac
	Trình duyệt	Firefox, Chrome, Safari

# Thiết Bị Tùy Chọn

## Dàn Nóng

VRV A SERIES

STT	Loại		RXQ6AYM RXQ8AYM RXQ10AYM	RXQ12AYM RXQ14AYM RXQ16AYM	RXQ18AYM RXQ20AYM	RXQ18AYMYM RXQ20AYMYM RXQ22AYMYM
	Phụ kiện					
1	Đường ống dẫn phân phối	vòi phun REFNET	KHRP26M22H, KHRP26M33H (Tối đa 4 nhánh) (Tối đa 8 nhánh)	KHRP26M22H, KHRP26M33H, KHRP26M72H (Tối đa 4 nhánh) (Tối đa 8 nhánh) (Tối đa 8 nhánh)		
		khớp nối REFNET				
2	Bộ ống đa dẫn kết nối dàn nóng		—			BHFP22P100

STT	Loại		RXQ24AYMYM RXQ26AYMYM RXQ28AYMYM RXQ30AYMYM RXQ32AYMYM	RXQ34AYMYM RXQ36AYMYM RXQ38AYMYM RXQ40AYMYM	RXQ42AYMYM RXQ44AYMYM RXQ46AYMYM RXQ48AYMYM RXQ50AYMYM	RXQ52AYMYM RXQ54AYMYM RXQ56AYMYM RXQ58AYMYM RXQ60AYMYM
	Phụ kiện					
1	Đường ống dẫn phân phối	Khớp nối REFNET	KHRP26M22H, KHRP26M33H, KHRP26M72H, KHRP26M73H (Tối đa 4 nhánh) (Tối đa 8 nhánh) (Tối đa 8 nhánh) (Tối đa 8 nhánh)			
		Vòi phun REFNET	KHRP26A22T, KHRP26A33T, KHRP26A72T, KHRP26A73T			
2	Nối giảm kích cỡ ống		KHRP26M73TP, KHRP26M73HP			
3	Bộ ống đa dẫn kết nối dàn nóng		BHFP22P100		BHFP22P151	

Khớp nối REFNET (KHRP26A22/33/72/73T)



PCB tùy chọn

STT	Loại		RXQ6AYM RXQ8AYM RXQ10AYM RXQ12AYM	RXQ14AYM RXQ16AYM RXQ18AYM RXQ20AYM	RXQ18AYMYM RXQ20AYMYM RXQ22AYMYM RXQ24AYMYM	RXQ26AYMYM RXQ28AYMYM RXQ30AYMYM
	Phụ kiện					
1	Bộ tiếp hợp mở rộng DIII-NET ★		DTA109A51			
2	Bộ tiếp hợp điều khiển bên ngoài ★		DTA109A61			
3	Adaptor giao diện nhà thông minh ★		DTA116A51			
4	Bảng tùy chọn cho bộ điều khiển		—	BKS26A *1	—	

STT	Loại		RXQ32AYMYM RXQ34AYMYM RXQ36AYMYM RXQ38AYMYM RXQ40AYMYM	RXQ42AYMYM RXQ44AYMYM	RXQ46AYMYM RXQ48AYMYM RXQ50AYMYM RXQ52AYMYM	RXQ54AYMYM RXQ56AYMYM RXQ58AYMYM RXQ60AYMYM
	Phụ kiện					
1	Bộ tiếp hợp mở rộng DIII-NET ★		DTA109A51			
2	Bộ tiếp hợp điều khiển bên ngoài ★		DTA109A61			
3	Adaptor giao diện nhà thông minh ★		DTA116A51			
4	Bảng tùy chọn cho bộ điều khiển		BKS26A *1	—	BKS26A *1	

Lưu ý: 1. Cần thiết cho mỗi bộ tiếp hợp được đánh dấu★.

## Dàn Lạnh VRV

Cassette âm trần (Đa hướng thổi có cảm biến)

STT	Loại		FXFSQ25A FXFSQ32A FXFSQ40A	FXFSQ50A FXFSQ63A FXFSQ80A	FXFSQ100A FXFSQ125A FXFSQ140A
	Phụ kiện				
1	Mặt nạ trang trí	Mặt nạ chuẩn có cảm biến	Trắng	BYCQ125EEF	
			Đen	BYCQ125EEK	
		Mặt nạ chuẩn	Trắng	BYCQ125EAF *	
			Đen	BYCQ125EAK *	
Mặt nạ thời trang <sup>1</sup>	Trắng	BYCQ125EAPF *			
	Mặt nạ lưới tự động <sup>2,3</sup>	Trắng	BYCQ125EASF *		
2	Miếng dán miệng gió <sup>4</sup>	Dùng cho 3,4 hướng thổi	KDBH551C160		
		Dùng cho 2 hướng thổi	KDBH552C160		
3	Miếng đệm mặt nạ	KDBP55H160FA			
4	Bộ lấy gió tươi	Loại khoang <sup>5,6</sup>	Không có ống nối chữ T	KDDP55B160 (Thành phần: KDDP55C160-1, KDDP55B160-2) <sup>8</sup>	
		Loại lắp đặt trực tiếp <sup>7</sup>	Có ống nối chữ T	KDDP55B160K (Thành phần: KDDP55C160-1, KDDP55B160K2) <sup>9</sup>	
5	Bộ lọc hiệu suất cao <sup>9</sup> (gồm khoang lọc)	(Thiết bị lọc hiệu quả cao 65%)	KAFP556C80		KAFP556C160
		(Thiết bị lọc hiệu quả cao 90%)	KAFP557C80		KAFP557C160
6	Bộ lọc thay thế hiệu suất cao <sup>9,10</sup>	(Thiết bị lọc hiệu quả cao 65%)	KAFP552B80		KAFP552B160
		(Thiết bị lọc hiệu quả cao 90%)	KAFP553B80		KAFP553B160
7	Khoang lọc	KDDFP55C160			
8	Bộ lọc thay thế tuổi thọ cao	KAFP551K160			
9	Bộ lọc thay thế tuổi thọ cao (mặt nạ lưới tự động)	KAFP551H160			
10	Phin lọc tuổi thọ rất cao (Bao gồm khoang lọc) <sup>9</sup>	KAFP55C160			
11	Bộ lọc thay thế tuổi thọ rất cao <sup>9,10</sup>	KAFP55H160H			
12	Khoang nối ống gió nhánh <sup>4</sup>	KDJP55C80		KDJP55C160	
13	Bộ cách nhiệt độ ẩm cao <sup>9,11</sup>	KDTP55K80		KDTP55K160	

Cassette âm trần (Đa hướng thổi)

STT	Loại		FXFQ25A FXFQ32A FXFQ40A	FXFQ50A FXFQ63A FXFQ80A	FXFQ100A FXFQ125A FXFQ140A
	Phụ kiện				
1	Mặt nạ trang trí	Mặt nạ chuẩn	Trắng	BYCQ125EAF *	
			Đen	BYCQ125EAK *	
		Mặt nạ thời trang <sup>1</sup>	Trắng	BYCQ125EAPF *	
			Mặt nạ lưới tự động <sup>2,3</sup>	Trắng	BYCQ125EASF *
2	Miếng dán miệng gió <sup>4</sup>	Dùng cho 3,4 hướng thổi	KDBH551C160		
		Dùng cho 2 hướng thổi	KDBH552C160		
3	Miếng đệm mặt nạ	KDBP55H160FA			
4	Bộ lấy gió tươi	Loại khoang <sup>5,6</sup>	Không nối ống chữ T	KDDP55B160 (Thành phần: KDDP55C160-1, KDDP55B160-2) <sup>8</sup>	
		Loại lắp đặt trực tiếp <sup>7</sup>	Nối ống chữ T	KDDP55B160K (Thành phần: KDDP55C160-1, KDDP55B160K2) <sup>9</sup>	
5	Bộ lọc hiệu suất cao <sup>9</sup> (gồm khoang lọc)	(Thiết bị lọc hiệu quả cao 65%)	KAFP556C80		KAFP556C160
		(Thiết bị lọc hiệu quả cao 90%)	KAFP557C80		KAFP557C160
6	Bộ lọc thay thế hiệu suất cao <sup>9,10</sup>	(Thiết bị lọc hiệu quả cao 65%)	KAFP552B80		KAFP552B160
		(Thiết bị lọc hiệu quả cao 90%)	KAFP553B80		KAFP553B160
7	Khoang lọc	KDDFP55C160			
8	Bộ lọc thay thế tuổi thọ cao	KAFP551K160			
9	Bộ lọc thay thế tuổi thọ cao (mặt nạ lưới tự động)	KAFP551H160			
10	Phin lọc tuổi thọ rất cao (Bao gồm khoang lọc) <sup>9</sup>	KAFP55C160			
11	Bộ lọc thay thế tuổi thọ rất cao <sup>9,10</sup>	KAFP55H160H			
12	Khoang nối ống gió nhánh <sup>4</sup>	KDJP55C80		KDJP55C160	
13	Bộ cách nhiệt độ ẩm cao <sup>9,11</sup>	KDTP55K80		KDTP55K160	

Chú thích: 1. Khi lắp mặt nạ thời trang, chiều cao thân (chiều cao trần) cao hơn mặt nạ chuẩn 42 mm. Mặt nạ thiết kế không hoạt động với 2 và 3 hướng thổi.  
 2. Dùng điều khiển từ xa không dây chuyên dụng (BRC16A2) để hạ thấp và nâng lưới hút cho mặt nạ lưới tự động.  
 3. Khi lắp mặt nạ lưới tự động, chiều cao thân (kích thước yêu cầu trần) cao hơn mặt nạ chuẩn 55 mm.  
 4. Tính năng Luồng gió tuần hoàn không áp dụng với tùy chọn này.  
 5. Khi lắp đặt bộ lấy gió tươi (khoang lọc), hai góc ra của ống dẫn khí sẽ bị đóng lại.  
 6. Khuyến cáo rằng khối lượng không khí ngoài trời được thông qua bộ được giới hạn ở mức 10% tốc độ không khí tối đa của dàn lạnh.  
 Việc đưa ra số lượng lớn hơn sẽ làm tăng âm thanh hoạt động và có thể cảm nhận nhiệt độ.  
 7. Khối lượng không khí trong lành cho loại lắp đặt trực tiếp khoảng 1% dòng không khí trong nhà. Loại buồng được khuyến cáo khi cần thêm không khí trong lành.  
 8. Số đặt hàng bằng cách sử dụng tên của cả hai thành phần thay vì đặt tên.  
 9. Tùy chọn này không thể được cài đặt để bằng thiết kế và bằng lưới 0 tốc tự động.  
 10. Buồng lọc là yêu cầu.  
 11. Hãy sử dụng trong trường hợp nhiệt độ / độ ẩm bên trong trần có thể vượt quá 30°C, 80% RH.  
 \* Các mặt nạ này không có cảm biến.



# Thiết Bị Tùy Chọn

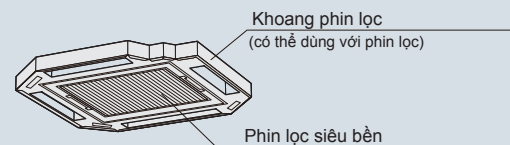
## Dàn Lạnh VRV

### Phụ kiện tùy chọn cho Cassette âm trần (loại Thổi tròn và Thổi tròn có cảm biến)

Phụ kiện cần thiết đối với máy vận hành trong môi trường đặc biệt

#### Bộ lọc tuổi thọ rất cao

Ngay cả trong môi trường nhiều bụi mà máy điều hòa phải hoạt động liên tục, phin lọc siêu bền chỉ cần vệ sinh một năm một lần.



**Môi trường nhiều bụi: Thay phin lọc hàng năm**

\*Đối với mật độ bụi 0,3mg/m<sup>3</sup> (Cần bộ lọc không khí riêng biệt)  
1 năm (khoảng 5.000 giờ) ÷ 5 giờ/ngày x 28 ngày/tháng x 12 tháng/năm

**Cửa hàng hoặc văn phòng thông thường: Thay phin lọc 4 năm một lần**

\*Đối với mật độ bụi 0,15 mg/m<sup>3</sup>  
4 năm (khoảng 10.000 giờ) ÷ 5 giờ/ngày x 25 ngày/tháng x 12 tháng/năm x 4 năm

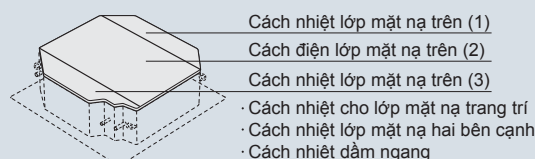
#### Phin lọc hiệu suất cao

Có hai loại: độ màu 65% và 90%.



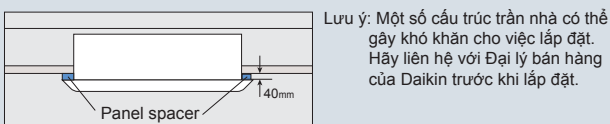
#### Bộ cách nhiệt độ ẩm cao

Hãy sử dụng bộ cách nhiệt khi bạn cho rằng nhiệt độ và độ ẩm bên trong trần tương ứng vượt quá 30°C và 80%.



#### Miếng đệm mặt nạ

Chỉ sử dụng khi có không gian tối thiểu giữa trần treo và tấm trần.



#### Miếng dán miệng gió

Tấm chắn miệng gió ngăn gió thoát ra ở miệng gió không sử dụng đối với kiểu thổi gió 2 hướng hoặc 3 hướng.

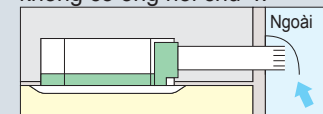
#### Khoang nối ống gió nhánh

Ống tròn có thể được lắp vào máy không cần khoang. Một công mặt bít để kết nối trực tiếp với ống gió tròn được cung cấp. Cũng có thể trang bị đặt buồng ống nhánh sẵn có (lỗ khe vuông).

#### Bộ lấy gió tươi

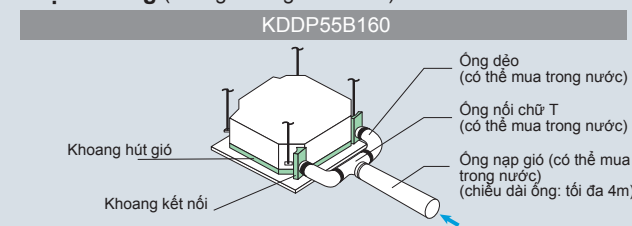
Ghi chú: 1.2

Sử dụng bộ nạp gió tươi này, có thể lắp thêm ống dẫn để tăng khả năng hút không khí từ bên ngoài. Có hai loại khoang có thể nạp gió ở hai bộ phận: ống nối chữ T và không có ống nối chữ T.

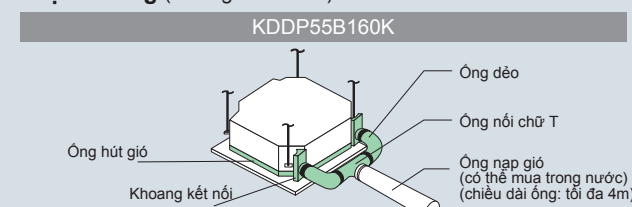


Máy có thể được lắp đặt theo các cách sau

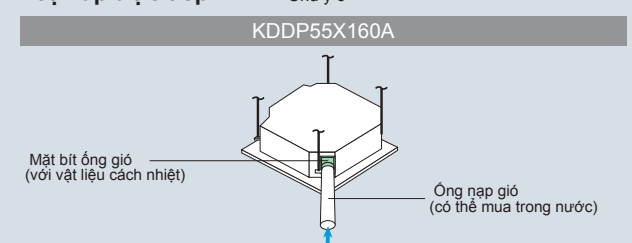
**Loại khoang (không có ống nối chữ T)** Ghi chú: 3.4.5



**Loại khoang (có ống nối chữ T)** Ghi chú 3.4.5



**Loại lắp trực tiếp** Chú ý 6



- Chú ý:
- Sử dụng các phụ kiện máy có thể làm tăng tiếng ồn khi vận hành.
  - Các ống gió nối, quạt, lưới côn trùng, bộ chắn khói, bộ lọc gió và các phụ tùng khác nên mua trong nước nếu cần thiết.
  - Khi sử dụng quạt gió trong nước, cần có một khóa liên động với máy điều hòa. Phụ kiện tùy chọn PCB (KRP1C11A) cần cho việc khóa liên động.
  - Khi lắp đặt bộ cấp gió tươi (loại khoang), hai hướng ra của ống dẫn khí sẽ bị đóng lại.
  - Nên giới hạn lưu lượng khí trời nạp qua bộ nạp khoảng 10% lưu lượng khí tối đa của dàn lạnh. Việc nạp lượng gió nhiều hơn có thể làm tăng tiếng ồn khi vận hành và ảnh hưởng đến việc điều hòa nhiệt độ.
  - Thể tích gió tươi cho loại lắp đặt trực tiếp khoảng 1% thể tích không khí trong nhà. Loại khoang này được khuyến khích khi cần cung cấp thêm lượng gió tươi.

### Loại Cassette (Đa hướng thổi nhỏ gọn)

STT	Phụ kiện	Loại	FXZQ20M	FXZQ25M	FXZQ32M	FXZQ40M	FXZQ50M
1	Mặt nạ				BYFQ60B3W1		
2	Miếng dán miệng gió				KDBH44BA60		
3	Miếng đệm mặt nạ				KDBQ44BA60A		
4	Phin lọc thay thế tuổi thọ cao				KAFQ441BA60		
5	Bộ lấy gió tươi	Loại lắp trực tiếp			KDDQ44XA60		

### Loại Cassette 2 hướng thổi

STT	Phụ kiện	Loại	FXCQ20M FXCQ25M FXCQ32M	FXCQ40M	FXCQ50M	FXCQ63M	FXCQ80M	FXCQ125M
1	Mặt nạ		BYBC32G-W1	BYBC50G-W1	BYBC63G-W1		BYBC125G-W1	
2	Phin lọc	Phin lọc hiệu suất cao 65%*1	KAFJ532G36	KAFJ532G56	KAFJ532G80	KAFJ532G80	KAFJ532G160	
		Phin lọc hiệu suất cao 90%*1	KAFJ533G36	KAFJ533G56	KAFJ533G80	KAFJ533G80	KAFJ533G160	
		Khoang lọc   Hồi phía dưới	KDDFJ53G36	KDDFJ53G56	KDDFJ53G80	KDDFJ53G80	KDDFJ53G160	
		Phin lọc thay thế tuổi thọ cao	KAFJ531G36	KAFJ531G56	KAFJ531G80	KAFJ531G80	KAFJ531G160	

Ghi chú: \*Phải có thêm khung nếu lắp đặt phin lọc hiệu suất cao.

### Loại Cassette 1 hướng thổi

STT	Phụ kiện	Loại	FXEQ20A FXEQ25A	FXEQ32A FXEQ40A	FXEQ50A FXEQ63A
1	Mặt nạ		BYEP40AW1		BYEP63AW1

### Loại giấu trần nổi ống gió dạng mỏng (Tiêu chuẩn)

STT	Phụ kiện	Loại	FXDQ20PD	FXDQ25PD	FXDQ32PD	FXDQ40ND	FXDQ50ND	FXDQ63ND
1	Bộ cách nhiệt độ ẩm cao		KDT25N32			KDT25N50		KDT25N63

### Loại giấu trần nổi ống gió áp suất tĩnh trung bình

STT	Phụ kiện	Loại	FXSQ20PA FXSQ25PA FXSQ32PA	FXSQ40PA	FXSQ50PA FXSQ63PA FXSQ80PA	FXSQ100PA FXSQ125PA	FXSQ140PA
1	Phin lọc hiệu suất cao *1	65%	KAFP632B36	KAFP632B56	KAFP632B80	KAFP632B160	KAFP632B160B
		90%	KAFP633B36	KAFP633B56	KAFP633B80	KAFP633B160	KAFP633B160B
2	Khoan phin lọc (hồi phía sau) *1		KDDFP63B36	KDDFP63B56	KDDFP63B80	KDDFP63B160	KDDFP63B160B
3	Phin lọc tuổi thọ cao *1		KAFP631B36	KAFP631B56	KAFP631B80	KAFP631B160	KAFP631B160B
4	Mặt nạ bảo dưỡng	Trắng	KTBJ25K36W	KTBJ25K56W	KTBJ25K80W		KTBJ25K160W
		Trắng sáng	KTBJ25K36T	KTBJ25K56T	KTBJ25K80T		KTBJ25K160T
		Nâu	KTBJ25K36F	KTBJ25K56F	KTBJ25K80F		KTBJ25K160F
5	Kết nối gió thổi		KDAP25A36A	KDAP25A56A	KDAP25A71A	KDAP25A140A	KDAP25A160A *2
6	Miếng che cho mặt bên cạnh dàn lạnh					KDBD63A160	

Ghi chú: \*1. Phải có thêm khung nếu lắp đặt phin lọc hiệu suất cao và phin lọc tuổi thọ cao.  
\*2. Phụ kiện này là một bộ KDAP25A140A và KDBHP37A160.

### Loại giấu trần nổi ống gió

STT	Phụ kiện	Loại	FXMQ20PA FXMQ25PA FXMQ32PA	FXMQ40PA	FXMQ50PA FXMQ63PA FXMQ80PA	FXMQ100PA FXMQ125PA FXMQ140PA	FXMQ200MA FXMQ250MA
1	Bộ bơm nước xả						KDU30L250VE
2	Bộ lọc hiệu quả cao	65%	KAF372AA36	KAF372AA56	KAF372AA80	KAF372AA160	KAFJ372L280
		90%	KAF373AA36	KAF373AA56	KAF373AA80	KAF373AA160	KAFJ373L280
3	Khoang lọc		KDDF37AA36	KDDF37AA56	KDDF37AA80	KDDF37AA160	KDJ3705L280
4	Bộ lọc thay thế tuổi thọ cao		KAF371AA36	KAF371AA56	KAF371AA80	KAF371AA160	KAFJ371L280
5	Bộ khoang lọc tuổi thọ cao		KAF375AA36	KAF375AA56	KAF375AA80	KAF375AA160	
		Trắng	KTBJ25K36W	KTBJ25K56W	KTBJ25K80W	KTBJ25K160W	
		Trắng sáng	KTBJ25K36T	KTBJ25K56T	KTBJ25K80T	KTBJ25K160T	
6	Mặt nạ	Nâu	KTBJ25K36F	KTBJ25K56F	KTBJ25K80F	KTBJ25K160F	
			KDAJ25K36A	KDAJ25K56A	KDAJ25K71A	KDAJ25K140A	

# Thiết Bị Tùy Chọn

## Dàn Lạnh VRV

### Loại áp trần 4 hướng thổi

STT	Tên	Loại	FXUQ71A	FXUQ100A
1	Miếng dán lỗ xả khí			KDBHP49B140
2	Mặt nạ trang trí cho xả khí			KDBTP49B140
3	Bộ lọc thay thế tuổi thọ cao			KAFP551K160

### Loại áp trần

STT	Tên	Loại	FXHQ32MA	FXHQ63MA	FXHQ100MA
1	Bộ bơm nước xả		KDU50N60VE		KDU50N125VE
2	Bộ lọc thay thế tuổi thọ cao (lưới nhựa)		KAF501DA56	KAF501DA80	KAF501DA112
3	Bộ ống dẫn chữ L (hướng lên)		KHFP5MA63		KHFP5MA160

### Loại treo tường

STT	Tên	Loại	FXAQ20P	FXAQ25P	FXAQ32P	FXAQ40P	FXAQ50P	FXAQ63P
1	Bộ bơm nước xả							K-KDU572EVE

### Loại đặt sàn

STT	Tên	Loại	FXLQ20MA	FXLQ25MA	FXLQ32MA	FXLQ40MA	FXLQ50MA	FXLQ63MA
1	Bộ lọc thay thế tuổi thọ cao		KAFJ361K28		KAFJ361K45			KAFJ361K71

### Loại giấu sàn

STT	Tên	Loại	FXNQ20MA	FXNQ25MA	FXNQ32MA	FXNQ40MA	FXNQ50MA	FXNQ63MA
1	Bộ lọc thay thế tuổi thọ cao		KAFJ361K28		KAFJ361K45			KAFJ361K71

### Loại tủ đứng đặt sàn

STT	Tên	Loại	FXVQ125N	FXVQ200N	FXVQ250N	FXVQ400N	FXVQ500N	
1	Bộ lọc thay thế tuổi thọ cao		KAFJ261L140	KAFJ261L224	KAFJ261L280	KAFJ261M450	KAFJ261M560	
2	Bộ lọc tuổi thọ rất cao					KAFSJ9A400	KAFSJ9A560	
3	Buồng lọc hút mặt trước dành cho phin lọc hiệu suất cao	Mặt bích để hút trước	KD-9A140	KD-9A200	KD-9A280	KD-9A400	KD-9A560	
4		Lưới hút	KDGF-9A140	KDGF-9A200	KDGF-9A280	KDGF-9A400	KDGF-9A560	
5		Khoang lọc của bộ lọc hiệu quả cao *1, 2	Bộ lọc thay thế tuổi thọ cao *1, 2, 3	KAF-91A140	KAF-91A200	KAF-91A280	KAF-91A400	KAF-91A560
6			Bộ lọc thay thế hiệu quả cao 65% *1, 3	KAF-92A140	KAF-92A200	KAF-92A280	KAF-92A400	KAF-92A560
7			Bộ lọc thay thế hiệu quả cao 90% *2, 3	KAF-93A140	KAF-93A200	KAF-93A280	KAF-93A400	KAF-93A560
8			Khoang lọc *1, 2	KDDF-9A140	KDDF-9A200	KDDF-9A280	KDDF-9A400	KDDF-9A560
9		Xả và hút	Khoang thông gió *4	KPCJ140A	KPC5J	KPC8J	KPCJ400A	KPC15JA
10		Ròng rọc cho khoang thông gió *4	KPP8JA	KPP9JA	KPP10JA			
11		Bộ lấy gió tươi		KD106D10			KDFJ906A560	
12		Bộ hút sau		KDFJ905A140	KDFJ905A200	KDFJ905A280	KDFJ905A400	KDFJ905A560
13	Lưới xả cho bên thông gió		KD101A10			KD101A20		
14	Đế gỗ		KKWJ9A140	KWF1G5P	KWF1G8P	KKWJ9A400	KWF1G15	
15	Khung chống rung		K-ABSG1406A	K-ABSG1407A	K-ABSG1408A	K-ABSG1409A	K-ABSG1410A	

Chú ý: \*1. Khi đặt hàng khung phin lọc cho phin lọc hiệu suất cao (65%), vui lòng đặt hàng tất cả các phụ tùng tương ứng.  
 \*2. Khi đặt hàng khung phin lọc cho phin lọc hiệu suất cao (90%), vui lòng đặt hàng tất cả các phụ tùng tương ứng.  
 \*3. Khi thay thế một phin lọc mới, vui lòng đặt hàng các phin lọc thay thế với tên model tương ứng phin lọc cũ.  
 \*4. Sử dụng thùng thông gió và pu-li kết nối với nhau.

### Điều hòa không khí cho phòng sạch

STT	Tên	Loại	FXBQ40PVE	FXBQ50PVE	FXBQ63PVE	FXBPQ63PVE
1	Dàn lạnh					BAF82A63
2	Phin lọc	Phin lọc HEPA	BAFH82A50			BAFH82A63
3	Mặt nạ	Loại hút gió ở trần	BYB82A50C		BYB82A63C	BYB82A63CP
4		Loại hút gió ở sàn	BYB82A50W		BYB82A63W	BYB82A63WP
5	Mặt bít ống hút gió ngoài trời					KDFJ82A80

## Dàn Lạnh Dân Dụng kết nối với bộ BP

### Loại giấu trần nổi ống gió dạng mỏng

STT	Tên	Loại	FDKS25EAVMB	FDKS35EAVMB	FDKS25CAVMB	FDKS35CAVMB	FDKS50CVMB	FDKS60CVMB
1	Bộ cách nhiệt độ ẩm cao		KDT25N32			KDT25N50		KDT25N63

### Loại treo tường

STT	Tên	Loại	FTKJ25NVMW	FTKJ35NVMW	FTKJ50NVMW	FTKS25DVM	FTKS35DVM	FTKS50BVMA	FTKS60FVM	FTKS71FVM
1	Phin lọc khử mùi xúc tác quang Apatit Titan							KAF970A46	KAF952A42	KAF952B42

Lưu ý: Phin lọc là một phụ tùng tiêu chuẩn. Nên được thay thế sau khoảng 3 năm

### Bộ BP Kết nối với các dàn lạnh dân dụng

STT	Tên	Loại	BPMKS967A2	BPMKS967A3
1	Khớp nối Refnet			KHRP26A22T

Lưu ý: Một thiết bị BP đơn không cần phải có khớp nối REFNET. 2 BP thiết bị cần 1 REFNET, và 3 BP cần 2 khớp nối REFNET.



# Thiết Bị Tùy Chọn

## Hệ Thống Điều Khiển

### Phụ Kiện Tùy Chọn Cho Hệ Thống Điều Khiển

#### Đối với sử dụng dàn lạnh VRV

STT.	Phụ kiện		Loại	FXFSQ-A FXFQ-A	FXZQ-M	FXCQ-M	FXEQ-A	FXDQ-PD FXDQ-ND	FXDQ-SP	FXSQ-PA	FXMQ-PA
1	Điều khiển từ xa	Không dây		BRC7M635F (Trắng) / BRC7M635K (Đen)	BRC7E531W	BRC7C67	BRC4M63	BRC4C66			
		Có dây		—	BRC1C62		—	BRC1C62			
2	Điều khiển điều hướng từ xa (Điều khiển từ xa có dây)			BRC1E63 <sup>Lưu ý 7</sup>	BRC1E63	BRC1F61	BRC1E63 <sup>Lưu ý 8</sup>	BRC1E63	BRC1E63 <sup>Lưu ý 8</sup>		
3	Điều khiển từ xa đơn giản (loại gắn nổi)			—	—		BRC2C51				
4	Điều khiển từ xa đơn giản dùng cho khách sạn (loại gắn chìm)			—	—		BRC3A61				
5	Bộ tiếp hợp cho dây			★KRP1C11A	★KRP1BA57	★KRP1B61	—	★KRP1B56	—	★KRP1C64	
6-1	Bộ tiếp hợp dây cho phụ kiện điện (1)			—	★KRP2A62	★KRP2A61	—	★KRP2A53	—	★KRP2A61	
6-2	Bộ tiếp hợp dây cho phụ kiện điện (2)			★KRP4AA53		★KRP4AA51	—	★KRP4A54	—	★KRP4AA51	
7	Cắm biến từ xa (nhiệt độ trong phòng)			KRCS01-5B	KRCS01-1B	KRCS01-4B	KRCS01-1B	KRCS01-4B			
8	Hộp lắp đặt cho phụ kiện tiếp hợp bo mạch ☆			Lưu ý 2, 3 KRP1H98A	Lưu ý 4, 6 KRP1BA101	Lưu ý 2, 3 KRP1B96	—	Lưu ý 4, 6 KRP1BA101	—	Lưu ý 2, 3 KRP4A98	Lưu ý 2, 3 KRP4A97
9	Bộ tiếp hợp điều khiển bên ngoài dàn nóng			★DTA104A62		★DTA104A61	—	★DTA104A53	—	★DTA104A61	
10	Bộ tiếp hợp cho nhiều người sử dụng			★DTA114A61		—	★DTA114A61				

STT.	Phụ kiện		Loại	FXMQ-MA	FXUQ-A	FXHQ-MA	FXAQ-P	FXLQ-MA FXNQ-MA	FXVQ-N	FXBQ-P FXBPQ-P	
1	Điều khiển từ xa	Không dây		BRC4C64	BRC7C659	BRC7EA66	BRC7EA619	BRC4C64	—	BRC4C64	
		Có dây		BRC1C62		BRC1E63		—	BRC1C62 <sup>Lưu ý 9</sup>	BRC1C62	
2	Điều khiển điều hướng từ xa (Điều khiển từ xa có dây)			BRC1E63	BRC1E63 <sup>Lưu ý 7, 8</sup>	BRC1E63		—	BRC1E63 <sup>Lưu ý 10</sup>	BRC1E63	
3	Điều khiển từ xa đơn giản (loại gắn nổi)			BRC2C51	—		—	BRC2C51	—	BRC2C51	
4	Điều khiển từ xa đơn giản dùng cho khách sạn (loại gắn chìm)			BRC3A61	—		—	BRC3A61	—	BRC3A61	
5	Bộ tiếp hợp cho dây			KRP1B61	—	KRP1BA54	—	KRP1B61	KRP1C67	KRP1B61	
6-1	Bộ tiếp hợp dây cho phụ kiện điện (1)			KRP2A61	—	★KRP2A62	★KRP2A61	KRP2A61	KRP2A62	KRP2A61	
6-2	Bộ tiếp hợp dây cho phụ kiện điện (2)			KRP4AA51	★KRP4AA53	★KRP4AA52	★KRP4AA51	KRP4AA51	—	KRP4AA51	
7	Cắm biến từ xa (nhiệt độ trong phòng)			KRCS01-1B	KRCS01-4B	KRCS01-1B					
8	Hộp lắp đặt cho phụ kiện tiếp hợp bo mạch ☆			—	KRP1BA97	Lưu ý 3 KRP1CA93	Lưu ý 2, 3 KRP4AA93	—			
9	Bộ tiếp hợp cho nhiều người sử dụng			DTA104A61	—	★DTA104A62	★DTA104A61	DTA104A61	Lưu ý 11 DTA104A62	DTA104A61	
10	Bộ tiếp hợp điều khiển bên ngoài cho làm lạnh/sưởi			—		★DTA114A61		—			
11	External control adaptor for cooling / heating			—		—		KRP6A1 <sup>Lưu ý 11</sup>	—		
12	Remote controller with key			—		—		KRCB37-1	—		

- Ghi chú: 1. Hộp lắp đặt ☆ phải được sử dụng cho mỗi bộ tiếp hợp đánh dấu ★  
 2. Mỗi hộp lắp đặt có thể gắn 2 bộ tiếp hợp.  
 3. Mỗi dàn lạnh chỉ được lắp đặt duy nhất 1 hộp lắp đặt.  
 4. Mỗi dàn lạnh có thể gắn 2 hộp lắp đặt.  
 5. Hộp lắp đặt ☆ phải được sử dụng cho bộ tiếp hợp thứ 2  
 6. Hộp lắp đặt ☆ phải được sử dụng cho mỗi bộ tiếp hợp  
 7. Hướng gió riêng biệt, lưu lượng gió tự động và chế độ cảm biến của bộ cảm biến chỉ có thể cài đặt duy nhất bằng điều khiển từ xa có dây BRC1E62.  
 8. Không thể cài đặt thông qua các điều khiển từ xa có dây khác. Các tính năng có sẵn tùy thuộc vào từng kiểu dàn lạnh.  
 9. Bởi vì mặt nạ điều khiển là phụ kiện kèm sẵn theo thiết bị, sử dụng phụ kiện tùy chọn cho hệ thống 2 điều khiển từ xa.  
 10. Khi sử dụng BRC1E62, đảm bảo phải tháo mặt nạ điều khiển. BRC1E62 không thể lắp đặt bên trong dàn lạnh do đó phải lắp một vị trí riêng.  
 11. Tháo bộ tiếp hợp điều khiển nhóm (phụ kiện kèm theo máy) trước khi gắn KRP6A1 và DTA104A62.  
 KRP6A1 và DTA104A62 không thể gắn trong cùng 1 dàn lạnh tại cùng 1 thời điểm.

#### Đối với sử dụng dàn lạnh dân dụng

STT.	Phụ kiện		Loại	FDKS-EA, C(A)	FTKJ-N	FTKS-D,B,F
1	Điều khiển từ xa	Loại không dây		— Lưu ý 1		
2	Bộ tiếp hợp dây cho đồng hồ thời gian/điều khiển từ xa <sup>Lưu ý 2</sup> (Tiếp điểm xung mở bình thường/tiếp điểm mở bình thường)			KRP413AB1S		
3	Dây chống mất điều khiển từ xa			KKF917A4	KKF910A4	KKF917A4
4	Tiếp hợp giao diện cho sử dụng DIII-NET			KRP928BB2S		

- Ghi chú: 1. Điều khiển từ xa không dây là phụ kiện tiêu chuẩn.  
 2. Đồng hồ thời gian và các thiết bị khác nên trang bị tại chỗ.

## Hệ Thống Điều Khiển

### Cấu Hình Hệ Thống

STT	Phụ kiện		Mã SP	Chức năng
1	Điều khiển từ xa trung tâm dân dụng		Lưu ý 2 DCS303A51	• Lên đến 16 nhóm (128 dàn lạnh) có thể dễ dàng điều khiển bằng màn hình LCD lớn. Thực hiện TAT/MỞ, cài đặt nhiệt độ, lập lịch hoạt động có thể điều khiển riêng lẻ cho từng dàn lạnh
2	Phụ kiện tiếp hợp giao diện cho các dàn lạnh dân dụng		KRP928BB2S	• Phụ kiện tiếp hợp này được yêu cầu khi kết nối dàn lạnh khác ngoài dàn lạnh hệ thống VRV bằng đường truyền tín hiệu DIII-NET tốc độ cao của hệ thống VRV.
3	Phụ kiện tiếp hợp giao diện cho các model SkyAir.		Lưu ý 3 ★DTA112BA51	* Để dùng bất kỳ điều khiển phụ kiện ở trên, bộ tiếp hợp phù hợp phải được sử dụng trên dàn lạnh cần được điều khiển
4	Bộ tiếp hợp điều khiển trung tâm   Đối với UAT(Y)-K(A),FD-K		★DTA107A55	
5	Phụ kiện tiếp hợp có dây cho các máy điều hòa khác		★DTA103A51	
6	Bộ tiếp hợp mở rộng DIII-NET		DTA109A51	• Điều khiển lên đến 1024 dàn lạnh trong 64 nhóm khác nhau. • Giới hạn chiều dài dây (chiều dài dây tối đa 1.000 m, tổng chiều dài dây 2.000 m, tối đa 16 nhánh) cho mỗi bộ tiếp hợp mở rộng DIII-NET
6-1	Miếng gắn		KRP4A92	• Miếng cố định cho DTA109A51

- Ghi chú: 1. Hộp lắp đặt ☆ cho bộ tiếp hợp được mua tại địa phương.  
 2. Chỉ sử dụng duy nhất cho dàn lạnh dân dụng. Không thể dùng với các thiết bị điều khiển trung tâm khác.  
 3. Một bộ tiếp hợp dây KRP413AB1S phải được sử dụng cho mỗi dàn lạnh.  
 4. Không cần bộ tiếp hợp cho một số dàn lạnh

### Hệ thống điều khiển Tòa Nhà

STT	Phụ kiện			Mã SP	Chức năng		
1	intelligent Touch Controller	Cơ bản	Phần cứng	intelligent Touch Controller	DCS601C51	• Hệ thống quản lý điều hòa không khí có thể được điều khiển bằng một thiết bị nhỏ gọn	
1-1		Tùy chọn	Phần cứng	Bộ mở rộng cho DIII-NET	DCS601A52	• Có thể bổ sung lên đến 64 nhóm (10 dàn nóng).	
1-2	Hộp điện với chân nối đất (4 chân)			KJB411A	• Hộp gắn tường		
2	intelligent Touch Manager	Cơ bản	Phần cứng	intelligent Touch Manager	DCM601A51	• Hệ thống quản lý điều hòa không khí được điều khiển bằng màn hình cảm ứng	
2-1		Tùy chọn	Phần cứng	Bộ mở rộng cho iTM	DCM601A52	• Có thể bổ sung lên đến 64 nhóm (10 dàn nóng). Tối đa 7 bộ mở rộng cho iTM có thể kết nối với iTM.	
2-2			Phần mềm	Phân bổ tỷ lệ điện năng iTM	DCM002A51	• Điện năng tiêu thụ của dàn lạnh được tính dựa trên tình trạng hoạt động của dàn lạnh và điện năng tiêu thụ của dàn nóng và được đo bằng đồng hồ kWh.	
2-3			Phần mềm	Kiểm soát năng lượng iTM	DCM008A51	• Điện năng tiêu thụ của tòa nhà đư ợc hình ảnh hóa.	
2-4			Phần mềm	Kết nối BACnet®	DCM009A51	• Điện năng lãng phí từ một số các dàn lạnh sẽ được phát hiện	
2-5			Phần mềm	Giao diện HTTP	DCM007A51	• Thiết bị BACnet® có thể được quản lý bằng intelligent Touch Manager	
2-6			Phần cứng	*1 SVM series	SVMR2	SVMPR2	• Giao diện cho intelligent Touch Manager bằng HTTP
2-7					SVMPC2	SVMPC2	• Hệ thống điều khiển VRV bằng điện thoại thông minh dành cho dân dụng
2-8					SVMPS1	SVMPS1	• Hệ thống điều khiển VRV bằng điện thoại thông minh dành cho tòa nhà
2-9			Điều khiển hệ thống VRV bằng điện thoại thông minh			SVMPR1	• Hệ thống phân bổ hóa đơn tiền điện cho người dùng
2-10	Điều khiển hệ thống VRV bằng máy tính bảng			SVMPC1	• Điều khiển hệ thống VRV bằng điện thoại thông minh dành cho dân dụng với DTA116A51		
2-11	Bộ DI			DEC101A51	• 8 tín hiệu đầu vào bất thường và tín hiệu MỞ/TẮT		
2-12	Bộ Dlo			DEC102A51	• 4 tín hiệu đầu vào bất thường và tín hiệu MỞ/TẮT		
3	Giao diện đường truyền	*2 Giao diện sử dụng trong BACnet®		DMS502B51	• Bộ giao diện cho phép kết nối thông tin giữa VRV và BMS. Hoạt động và giám sát hệ thống điều hòa thông khí sẽ qua BACnet®.		
3-1		Bo mạch DIII tùy chọn		DAM411B51	• Bộ mở rộng được lắp đặt trên DMS502B51 cung cấp thêm 2 cổng truyền DIII-NET và không được sử dụng độc lập.		
3-2		Bo mạch Di tùy chọn		DAM412B51	• Bộ mở rộng được lắp đặt trên DMS502B51 cung cấp thêm 16 điểm đầu vào tín hiệu xung cho đồng hồ đo điện và không được sử dụng độc lập.		
4		*3 Giao diện sử dụng trong LONWORKS®		DMS504B51	• Bộ giao diện cho phép kết nối thông tin giữa VRV và BMS. Hoạt động và giám sát hệ thống điều hòa thông khí sẽ qua LonWorks®.		
5		Adaptor giao diện nhà thông minh		DTA116A51	• Sử dụng phương thức giao tiếp Modbus kết nối hệ thống VRV với các hệ thống khác trong nhà thông minh từ những nhà sản xuất khác.		
6		Tín hiệu analogue/tiếp điểm	Phụ kiện tiếp hợp đồng bộ đối với điều khiển bằng máy tính		★DCS302A52	• Bộ giao diện cho phép kết nối giữa bo mạch điều khiển trung tâm và các bộ điều khiển trung tâm	

- Ghi chú: \*1. Cần có giao diện HTTP (DCM007A51)  
 \*2. BACnet® là tên thương mại đã được đăng ký bởi hiệp hội Mỹ về Điều hòa không khí, lạnh và nhiệt (ASHRAE)  
 \*3. LonWorks® là tên thương mại đã được đăng ký bởi tập đoàn Echelon ở Mỹ và các nước khác.  
 \*4. Hộp lắp đặt ☆ cho bộ tiếp hợp được mua tại địa phương.

